

Những Mẫu Truyện Hay Của Phật Giáo

Tác giả: Nhiều Tác Giả
Thể loại: Nghệ Thuật Sống
Website: <http://motsach.info>
Date: 07-December-2012

Lời Bạt

Qua mấy lần ghé thăm Thư viện Hoa Sen MS tui thấy có nhiều những mẫu chuyện nhỏ rất hay về Phật giáo và về cuộc đời, khi đọc nhiều câu truyện bỗng giật mình thấy hình bóng mình trong đó và tuy không tự giác bỗng chợt ngẫm nghĩ về mình...

Dưới những câu truyện đó thường có những lời bình của các bậc cao tăng đại đức rất bổ ích cho hành trang của chúng ta trên con đường đời nhiều chông gai cạm bẫy này.

MS tui rất bối rối không biết nên để những mẫu truyện thu thập này ở đâu? sau xét rằng phần lớn những truyện đây đều là những tích truyện Phật giáo hoặc là những mẫu truyện nhỏ mang tính triết lý nhẹ nhàng, đối với các bạn trẻ đọc qua sẽ thêm nhiều cái hay cái đẹp cho quãng đời phía trước của mình. Nên tui đã đặt vô trang mục tím, nhưng thiết nghĩ rằng nó cũng rất bổ ích cho tất cả những ai đọc nó, không phân biệt già hay trẻ.

Mời các bạn đọc và suy ngẫm nhé.

Bà Chúa Xứ

Thuở xưa, có một anh chàng xấu xí, con nhà nghèo, thất học, phải sinh sống bằng nghề khâu vác mướn ngoài chợ. Người ta gọi anh bằng "Thằng Bu".

Bu làm việc siêng năng, giỏi giang, nên cuộc sống của anh không lấy gì làm chật vật cho lắm. Có điều anh rất buồn, khi chung quanh chẳng có ai coi trọng, nể vì anh hết. Cũng như hầu hết mọi người, anh cũng thèm thuồng quyền uy, lòng ái mộ, khát ngưỡng của đồng loại. Mặt mũi anh đã không thuộc loại đẹp trai, anh lại không có một làn hơi thiên phú để ca vọng cổ hay tân nhạc nên anh không thể tiến thân bằng con đường văn nghệ. Anh lại tứ cố vô thân, không tiền của nên khó mà mua danh vọng chức tước. Chữ nghĩa thì lại chẳng bằng ai... Vậy thì phải làm cách nào cho thiên hạ ngán mình đây? Suy nghĩ suốt ngày đêm, chàng Bu chợt nảy ra một sáng kiến.

Một hôm, sau vài ly ba xi đế, Bu đến ngồi trước miếu bà Chúa Xứ, một vị thần không được thiêng cho lắm, nên nhang tàn khói lạnh, mỗi năm chỉ được người ta cúng cho một lần.

Bu đến trước cửa miếu, ngồi lắc lư, ợ ngáp liên hồi... ban đầu chỉ có bọn trẻ con tụ tập xung quanh anh, sau đó có các bà con vô công rồi nghề, dần dần có đến cả hội đồng bô lão của làng nữa. Người ta nhìn nhau thì thầm: "Bà về! Bà về".

Vài mụ đàn bà góp ý, vàng hương hoa quả được mang đến, và chàng Bu nghiêm nhiên thành cái xác của bà Chúa Xứ. Từ đó, Bu không còn phải đi khâu thuê vác mướn nữa, người ta gọi anh bằng "Bà" bằng "Ngài" xúm xít cười và lả để đón rước những lời nũng nịu, ỏng ẹo thoát ra từ đôi môi xám xịt của Bu. Anh mặc áo lụa, quần sa-teng trắng, đi hài cườm, thoa son phấn và đeo đồ trang sức.

Một tháng sau, Bu đã có vô số người ái mộ. Những kẻ trước kia chỉ dòm Bu bằng nửa con mắt, bây giờ lại kính cẩn lễ bái, đón nhận từng mệnh lệnh của anh. Người ta đến xin bùa phép của anh để mua may bán đắt, để được sanh con trai, con gái, đánh đề, đánh bạc, đua ngựa, đá gà, v. v... và v. v...

Bởi vì Phật và chư vị Bồ Tát thường ít khi chịu khó chiều lòng những tham vọng ấy của chúng sanh, thánh thần thì bận thương thiên phạt ác, ma quỷ thì đòi ăn hối lộ... Duy có Bu là không đòi hỏi gì hết, ngoài việc ước mong được thiên hạ chiều chuộng, tăng bốc, vuốt ve lòng tự ái của mình.

Ba tháng trôi qua... những cuộc lên đồng, cầu đảo bất kể ngày đêm đã khiến Bu xuống sắc rõ rệt. Lớp son phấn dày cộm không che khuất đôi mắt đầy quầng đen. Càng đông người tín mộ, anh càng phải lên đồng thật xuất sắc. Anh không còn đủ thì giờ để ăn uống ngủ nghỉ. Những lúc mệt quá, anh cũng muốn nghỉ ngơi để trở lại đời sống bình thường của anh. Nhưng lúc ấy thì phải trở lại chấp nhận cái bản thân tầm thường thấp kém của anh Bu khâu thuê vác mướn, một điều mà anh muốn chối bỏ. Anh phải chịu đựng những ánh mắt lạnh nhạt, khinh bỉ... của người chung quanh, người ta sẽ lại gọi anh bằng "thằng", bằng "mày". Vì thế, dù mệt mỏi, anh phải đồng hóa mình với bà Chúa Xứ, một nhân vật do dân cư trong vùng lập ra và tôn thờ, chỉ ăn hương, uống hoa, sống bằng giọng đàn tiếng địch, cùng lời xưng tụng của người chung quanh.

Lời bàn:

Em thân mến,

Số phận của anh chàng Bu này sẽ ra sao? Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào nơi anh. Nếu Bu khám phá ra rằng chính mình là nạn nhân của trò chơi lên đồng ấy, rằng sau những lúc trà thiu rượu nhạt... anh cũng phải trở về đối mặt với con người của anh, một anh Bu tâm thường, vô danh tiểu tốt; nếu anh nhận thấy rằng, anh đang bày trò điên loạn; trong cảnh giới cuồng điên đó anh đã được sự tung hô tán tụng của người điên khác; và nhất là những tham vọng hão huyền đó cũng chẳng thú vị gì cho lắm, thì tại sao anh không trở về với anh Bu khuôn vác thường ngày? Dù không được nể vì kính trọng của bàn dân thiên hạ, ít ra anh cũng còn có cái thế giới tinh táo chơn thật của một con người tâm thường và bình thường.

Mặt khác, nếu anh không thể nào chấp nhận con người chân thật của mình thì anh cứ bám vào cái vỏ của bà Chúa Xứ, bôi son trét phấn, hò hét, ban phúc giáng họa cho được đông người ái mộ. Tín đồ càng đông thì bà càng phải thiêng... Và nếu bà Chúa Xứ không còn hợp thời trang nữa thì anh có thể đổi danh hiệu thành bà Ngũ Hành - Cửu Thiên Huyền Nữ, hoặc là cô hay cậu nào đó. Nước đời lấm chìm, nhiều nổi, chúng ta chỉ có thể đoán chắc một điều là, giữa lớp danh vọng, hư huyền, phù hoa đó, anh chàng Bu sẽ chết lần, chết mòn, thể xác mệt mỏi, tinh thần điên đảo... Nếu trò chơi cứ tiếp tục thì chung cuộc anh sẽ vào nhà thương dành cho bệnh tâm thần.

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây, tôi đã đau xót viết cho riêng mình, nói với em, cũng có nghĩa là tôi độc thoại cho chính mình, vì tôi không tin tưởng rằng một cuộc đối thoại được thực sự cảm thông khi mà chúng ta mỗi người đang ngóng về một hướng, mãi miết đuổi bắt những lý tưởng tận đâu đâu...

Tôi chỉ muốn hỏi em, đã có những lúc nào em thấy mình giống hệt anh chàng Bu trên đây không? Riêng tôi, tôi còn nhớ rất rõ rằng, thuở bé thơ tôi rất là hồn nhiên, không rõ ràng mình là trai hay là gái, đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, giỏi hay dở gì hết... Tôi sống thối mái và vô tư như một chú gà con, thì bỗng nhiên, có lúc tôi nghe người chung quanh nhận xét rằng tôi không đẹp bằng chị tôi, không giàu bằng nhà hàng xóm, không giỏi bằng bạn bè chung quanh... và từ đó tôi dần dần bắt đầu cảm thấy thống khổ kịch liệt khi thấy sao mà mình tầm thường quá đỗi, không có một sở trường gì để tự "lãng xê" mình, làm nổi bật lên trước bàn dân thiên hạ. Rất nhiều đêm tôi niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm, cầu mong sao cho mình được đẹp, được sang, được giỏi hơn thiên hạ. Mặt khác, tôi gắng thức khuya, dậy sớm, bỏ ngủ, quên ăn để học cho bằng bè bạn - những người hơn tôi cả tài lẫn sắc, để ít ra mình cũng chứng tỏ được cái khả năng của mình rằng mình không phải là con "số không".

Em ạ! Đó chỉ là một ví dụ, một phần rất nhỏ trong cuộc đời đủ thứ phức tạp của chúng ta. Điều khổ tâm nhất của chúng ta hằng ngày không phải là chuyện sinh già bệnh chết - vì đó là một lý đương nhiên không ai tránh khỏi. Chúng ta thường khổ khổ bức rức vì cái bản ngã của mình, sao mà ta nhỏ nhoi tầm thường quá, không có tí ti nào khả ái, khả kính dưới mắt ta và người chung quanh hết. Những lúc đối mặt với chính mình, ta phải cay đắng mà nhận chân rằng: ta chỉ là một nhân vật quá mức tầm thường, một con số không to tướng. Thế là anh chàng Bu trong ta bắt đầu tham gia vào trò "lên đồng". Từ con số không, tùy theo cơ hội, hoàn cảnh và nhu cầu

của người ái mộ chung quanh và chúng ta sẽ thành một cái gì đó. Mỗi người đội một danh hiệu khác nhau, nhưng cùng giống nhau ở một điểm là: chối bỏ con người tầm thường chân thật của mình để sống với lớp áo của những nhân vật rất mực phù hoa và giả dối.

Và em ơi! Một điều kỳ thú là chỗ chúng ta lẩn trốn, sợ hãi, lại chính là chỗ mà các thiên sư đại ngộ: Lục Tổ há chẳng xác định một cách hùng hồn rằng "bản lai vô nhất vật" đó sao? Dưới bất cứ lớp áo và nhãn hiệu nào, em và tôi đều phải công nhận rằng: trong những phút giây chiếu soi nhìn trở lại mình, ta thấy mình quả là "vô nhất vật", nghĩa là: ta - không - là - gì - cả. Ta không phải là bà Chúa Xứ, bà Ngũ Hành, cô hay cậu gì hết, không là gì hết, nhưng ta vẫn "thấy, nghe, hiểu, biết" rất rõ ràng. Cái khả năng "kiến văn giác tri" đó, chúng ta đều bình đẳng như nhau. Đây chính là chỗ mà Lục Tổ nói: "Đâu ngờ tánh mình bản lai thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình vốn đầy đủ cả" đó em!

Khi anh chàng Bu không còn lên đồng nữa, không còn là ông kia bà nọ thì không phải là anh ta chết, mà anh ta chỉ mất: mất hết những gì giả dối, không phải là mình thôi.

Nếu em thấy rằng "bà đồng" của mình hãy còn "thiên" lắm và thà rằng em đội lốt, mang mặt nạ, chịu theo thị hiếu của bàn dân thiên hạ để được thờ phụng tung hô và được vô vàn quyền lợi phụ tùng khác thì em cứ tiếp tục. Không có ai, sẽ không có ai dám lên án chỉ trích em đâu! Vì lên án một bà đồng cũng có nghĩa là lên án luôn cả quần chúng đang ái mộ, và ai mà dại gì đứng ra chọc giận thiên hạ nhiều như thế. Em có thể yên tâm và tiếp tục.

Nhưng, nếu có hôm nào, quá mệt mỏi với cái trò chơi xốc nổi ấy, mặt nhìn tận mặt, soi lại lòng mình giữa cảnh hoang tàn của trà ôi, rượu nhạt, hoa héo, hương phai; nhìn thấy người chung quanh cũng chán chường, mệt mỏi không kém mình, thì, em hãy thử một lần, làm sống lại con người năm xưa của chính mình, của anh chàng Bu khuân vác thử xem. Điều này đòi hỏi nơi em rất nhiều can đảm và hy sinh, vì em sẽ mất hết uy danh, quyền lợi, mất hết những người ái mộ cung nghinh, em sẽ bị xem thường, khinh rẻ; em phải hy sinh hết vàng son phấn sáp, danh lợi cùng uy quyền, để đi may thuê, cuộc mưu sinh, phải đổ mồ hôi, nước mắt mới có ăn.

Thế nhân thường đi tìm sự thật, nhưng sự thật lại quá phũ phàng, không giống như ta hằng mơ tưởng, nên thà rằng, cứ nhắm tít mắt lại để còn có một thế gian hoa mộng, huyền ảo, mê ly.

Câu chuyện này xin dừng lại nơi đây, vì tôi bất chợt nhận ra rằng, dường như tôi đang lên một cơn đồng xuất sắc hơn, hợp thời trang hơn... và thông thường, đôi khi ta ngỡ rằng mình đã thức giấc, đi ra khỏi cơn mơ, nhưng sau đó thật lâu ta mới vỡ lẽ ra rằng mình chỉ thay đổi tình tiết của giấc mơ mà thôi. Và điều làm chúng ta thấy mình đang lên đồng thật xuất sắc là khi có một hành động nào đó của ta bỗng dưng có được nhiều người vỗ tay tán tụng; khi mà từ cái "không", ta trở thành "có", và cái "có" này ngày càng bành trướng nảy nở ra. Chính những tràng pháo tay đã báo hại chúng ta không ít, nó xui ta cứ tiếp tục... chiêm bao, để được khen hoài, khen mãi, em có thấy như vậy không? Hèn chi trong kinh Duy Ma Cật, Bồ Tát khuyên ta cứ làm việc đi, làm mọi việc để được lợi mình và lợi người, nhưng phải làm sao để cả "tam luân" đều "không tịch" nghĩa là không thấy có mình, có người và có pháp nữa, chỉ đem thân huyễn mà làm việc huyễn (dĩ huyễn thân tác huyễn sự) mà thôi. Các Ngài khôn quá, phải không?

Dầu tại bãi chiến trường

Thắng ngàn ngàn quân địch

Tự thắng mình khó hơn

Chiến thắng ấy tối thượng.

(Pháp Cú 103)

Chỉ có ta làm điều tội lỗi

Chỉ có ta làm cho ta ô nhiễm

Chỉ có ta tránh điều tội lỗi

Chỉ có ta gội rửa cho ta

Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta

Không ai có thể làm người khác trở nên trong sạch

(Pháp Cú 145)

Cây Đàn Kỳ Lạ

Sau lễ tiễn đưa Phật và các thầy Tỳ-kheo trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, vua A Xà Thế cùng với đình thần trở lại nội cung để dự buổi yến thân mật và bàn một vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ hôm ấy:

Câu chuyện mở đầu trong bữa tiệc là những lời sau đây do vua A Xà Thế phát khởi.

- Các khanh! Quả ngon rất bằng lòng và thỏa mãn về việc các khanh đã lo liệu quá u tươm tất trong buổi lễ cúng dường Phật và giáo-hội vừa rồi.

- Hướng đòi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, Vua A Xà Thế nói tiếp:

- Kỳ Bà! Khanh ngồi nghĩ hộ quả ngon xem còn có vật gì đáng làm nữa để quả ngon tận hiến tất cả chí thành lên đức Chí tôn và giáo hội - những người tận tụy trong công việc giáo hóa chúng sinh nói chung, thần dân của quả ngon nói riêng, trở về với ánh sáng chơn lý.

Đứng dậy ngẫm nghĩ trong chốc lát, rồi đại thần Kỳ Bà thông thả tiếp:

- Tâu đại vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại vương đã dâng lên đức Chí tôn và giáo hội, theo thiển ý của hạ thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Vì ánh sáng tượng trưng cho trí tuệ, cho sự giác ngộ, ở đâu có ánh sáng thì ở đó bóng tối tan mất. Cũng như ánh sáng Phật và giáo hội đến đâu thì ở đó si ám và tội lỗi đều tiêu sạch. Nguyện ý của hạ thần chỉ có bấy nhiêu, kính mong bệ hạ thẩm xét.

- Hay lắm! Ý kiến của khanh rất chí lý! Tiện đây nhờ khanh thay quả ngon sắm sửa cho thật nhiều đèn đuốc để tối hôm nay dâng lên Phật và giáo hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn.

Đại thần Kỳ Bà vâng thuận. Buổi tiệc bắt đầu và tiếp diễn trong tình thân mật giữa nhà vua và các vị cận thần.

Chiều hôm ấy, trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất nhiều xe cộ, lính tráng, tấp nập khuân chở những thùng dầu, đèn và những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ.

Hỏi thăm, bà lão hành khất biết đó là lễ vật của nhà vua đem cúng dường Phật và giáo hội.

Hình tướng trang nghiêm của Phật và các thầy Tỳ kheo lại hiện về trong óc bà. Bà vui hẳn lên và rất tán thành việc làm có ý nghĩa của nhà vua. Và xét lại tự thân, thấy mình chưa làm được một công đức nào đối với Phật và giáo hội, bà tự nghĩ phải sắm phẩm vật để cúng dường mới được. Thò tay vào bị, bà lão moi ra vồn vện chỉ có hai tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong lòng khiến bà hoan hỉ đi ngay vào một cái quán gần đấy...

- Thưa cậu! Làm ơn bán cho tôi hai tiền dầu thấp.

- Bà mà mua dầu làm gì? Sao không mua đồ ăn lại mua dầu, nhà cửa đâu mà dầu với đèn!

- Thưa cậu! Tôi thường nghe các bậc hiền đức trong làng bảo: "Ngàn năm muôn thuở mới có một đức Phật ra đời; người nào có nhiều phước duyên lắm mới gặp". Hôm nay tôi may mắn

được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng hiến lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Nhơn tiện vua A Xà Thế sửa soạn đèn đuốc để dâng lên Ngài và giáo hội, tuy nghèo khổ, tôi cũng xin nguyện đem hai tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.

Nghe bà lão hành khất tỏ tấm lòng chân thiết đối với Đấng Giác ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng: hai tiền chỉ được hai muống, nhưng tôi xin tặng bà ba muống nữa là năm, và cho bà mượn luôn vệt đèn này. Mong bà nhận cho.

Sau khi cảm ơn người chủ quán, bà lão ra về với bao niềm hoan hỷ vì được người khác biểu đồng tình và giúp mình trong công việc phước thiện.

Trời chưa tối hẳn, những cây đèn xinh xắn, lộng lẫy của nhà vua đã được những đội thị vệ thấp sáng. Tịnh xá Kỳ Hoàn như vui nhộn hẳn lên. Đó đây vang lừng những điệu nhạc dịu dàng, nhịp nhàng với lời ca ngợi của những cận thần thay nhà vua tán thán công đức của Phật và giáo hội. Từng đoàn người lũ lượt đi dự lễ, đông như trẩy hội. Bà lão hành khất cũng tiến mau về phía Tịnh xá và dừng bước trước những hoa đăng rực rỡ, bà vội vàng đến rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim. Vừa mỗi ánh sáng bà vừa phát nguyện: "Cùng dường ánh sáng này lên đức Thế Tôn và giáo hội, con chỉ cầu mong làm sao con cũng sẽ được trí tuệ sáng suốt như các đấng giác ngộ trong mười phương". Bà lại nghĩ: "Dầu ít như vậy có sáng cũng chỉ đến nửa đêm là cùng". Nhưng mạnh dạn bà thề nguyện "Nếu quả thật sau này tôi sẽ được giác ngộ như lòng tôi mong muốn hôm nay, thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho cây đèn sáng mãi không tắt".

Sau khi treo cây đèn trên một cành cây, bà lão hành khất đi thẳng vào Tịnh xá, chí thành lễ Phật rồi ra về...

Số đèn của nhà vua, tuy được những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thay tim, nhưng ít cây được sáng suốt đêm, cây thì bị gió thổi tắt, cây thì bị phật cháy...

Duy cây đèn của bà lão hành khất thì ánh sáng nổi bật hơn muôn vạn cây đèn khác và cháy mãi đến sáng mà dầu vẫn khôn hao.

"Này đệ tử! Trời đã sáng, hãy ra tắt hết những cây đèn còn đỏ", đức Phật dạy với ngài Mục Kiền Liên như thế.

Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Nhưng đến cây đèn của bà lão hành khất, thì ba lần tôn giả quạt mạnh, nhưng ánh sáng cũng không tắt. Lần thứ tư, tôn giả cầm ngay vạt áo cà sa và vạt hết thần công diệu lực của mình quạt hất vào đèn nhưng đèn lại rực sáng hơn trước. Tôn giả Mục Kiền Liên và những người chung quanh đều ngạc nhiên cho đó là một cây đèn kỳ lạ chưa từng thấy.

Ngay lúc ấy, đức Phật vừa đến, Ngài điềm đạm bảo:

"Thôi! Đệ tử hãy thôi. Dù cho đệ tử có tận dụng cả thần lực của đệ tử cũng không thể nào làm tắt được cây đèn này, vì đó là ánh sáng công đức của vị Phật trong tương lai".

Lời dạy ấy của đức Phật đã làm cho nhiều đệ tử của Ngài muốn tìm hiểu ai là người đã cúng dường đèn ấy. Sau một cuộc điều tra kỹ càng, họ biết rõ người cúng dường cây đèn kỳ lạ ấy chính là một bà lão hành khất!

Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế. Nhà vua cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu

chuyện và hỏi:

- Kỳ Bà! Như khanh đã biết được quả nhân làm rất nhiều công đức và cúng dường rất nhiều đèn nhưng không thấy đức Thế Tôn dạy gì về quả báo của quả nhân. Trái lại, bà lão hành khất chỉ cúng dường có một cây đèn lại được Ngài thọ ký là nghĩa làm sao?

Đại thần Kỳ Bà đứng lên ngần ngại mãi không dám trả lời.

- Kỳ Bà! Người đừng ngại gì cả, quả nhân muốn tìm hiểu những khuyết điểm chứ không bao giờ dám nghĩ khác về đức Thế Tôn.

Đôi mắt của đại thần Kỳ Bà bỗng sáng lên và khiêm tốn trả lời câu hỏi của nhà vua:

- Tâu đại vương! Theo những điều mà hạ thần được phỏng vấn từ miệng của những người thân cận các thầy Tỳ kheo và cộng thêm sự suy luận của hạ thần thì tuy đại vương cúng dường rất nhiều phẩm vật, song tâm ý không được chí thành cho lắm và có lẽ đại vương không phát đại nguyện; cho nên tuy có công đức mà không làm sao bằng công đức của bà lão hành khất chỉ cúng dường một cây đèn nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ chí thành đối với những đấng Giác ngộ và nhất là lời thệ nguyện cao rộng của bà ấy.

Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỷ mỉ về động cơ của sự cúng dường của mình và của bà lão hành khất, sau một hồi suy nghĩ và xét lại bản tâm, vua A Xà Thế liền cởi mở được tất cả những điều thắc mắc.

"Công đức cúng dường không đánh giá nơi phẩm vật, mà căn cứ nơi sự thành tâm".

Chiếc Cầu Muôn Thuở

Đây là một khu rừng xanh tươi trong dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, lòng sông Hằng từ ngàn cao đổ về, chậm chậm chảy như muốn nghỉ ngơi sau khi đã vượt qua nhiều đoạn thác ghềnh. Bên bờ sông phía Nam, vượt lên trên muôn ngàn cây lá xanh tươi tốt, có một cây xoài khổng lồ. Thân cây vút tận trời. Cành xoài đâm ngang che cả một vùng rộng lớn. Nhiều nhánh ngả ngang trên dòng sông, soi hình xuống đáy nước, trái xoài mập mạp, to trĩu cả cây.

Cây xoài là nơi tụ họp của một đoàn vượn đông đúc. Tám ngàn con, chúng họp thành một quốc gia hẳn hoi đứng đầu là một vượn chúa, thân hình cao đẹp, sức khỏe phi thường. Nguồn lợi thiên nhiên đủ cung cấp cho toàn đoàn vượn lương thực suốt cả một mùa. Nhưng phải cẩn thận, không được để trái nào chín tới, phải ăn quả lúc còn xanh. Đó là lệnh của vượn chúa biết lo xa, và bầy vượn ngoan ngoãn làm theo.

Một hôm, một điều không may xảy đến. Một trái xoài che khuất bởi một tổ kiến to, dần dà chín mùi, rơi xuống dòng sông. Trái xoài bị nước cuốn đi, trôi dạt vào bể bơi của vua xứ Ba La Nại vừa đúng lúc nhà vua đang tắm. Trái xoài to một cách khác thường, mập mạp và thơm tho. Nhà vua bèn nhặt lên bóc ra và ăn thử, ngài không đợi ý kiến viên cận thần. Chưa khi nào vua được ăn một trái cây ngon như thế.

Thế là sau đó, các người thợ rừng được gọi đến hỏi ý kiến. Mọi người đều trả lời là họ chưa thấy cây xoài nào trái to như vậy. Nhưng nhà vua quyết định sẽ tìm cho kỳ được cây xoài quý giá kia. Và ngày hôm sau, cả một đội binh thuyền được huy động để vượt dòng sông. Họ chuẩn bị rất nhiều lương thực, quyết dùng lại khi nào đến được dưới gốc xoài... .

Sau ba ngày, một buổi chiều kia, người ta tìm thấy trên một triền núi xa, một cây xoài cao lớn. Tin vui mừng truyền đi rất nhanh. Cánh tay được truyền thêm sức mạnh. Người ta chèo suốt đêm ấy và cả ngày hôm sau.

Đến chiều người ta đã gần đến được dưới cây xoài. Không thể tả hết nỗi ngạc nhiên của quân binh và vua quan. Họ chưa bao giờ thấy một cây to như thế. Đứng trước nó, đứng trước cảnh núi non hùng vĩ, con người thấy mình bé nhỏ quá. Ai nấy đều có ít nhiều lo ngại.

Mà hình như trên cây có những con vật đang đang chuyển động. Không phải một vài chục, một vài trăm mà hàng ngàn. Đoàn thuyền đến gần. Người ta nhận ra đó là một thế giới vượn đang chiếm cứ cả cây xoài và sinh sống ở đấy. Nhà vua đứng ở mũi thuyền cũng vừa nghiệm thấy như thế. Quả là một sự khinh mạn lớn vì tất cả những trái xoài ngon từ trước đến giờ đều bị loài vượn đáng ghét kia ăn trước hết cả. Lệnh truyền ra cho tất cả quân lính phải bao vây chặt chẽ và chuẩn bị sẵn sàng cung tên chờ ngày mai, khi mặt trời trở dậy, bắt đầu tàn sát tất cả đoàn vượn kia!

Về phía đoàn vượn, tất cả đều tỏ vẻ hoảng sợ. Chúng đoán biết có một tai nạn không tiền khoáng hậu sẽ xảy đến với chúng, mặc dầu vượn chúa đã tìm cách làm an lòng.

Trong đêm ấy, vượn chúa băn khoăn nát óc nghĩ cách cứu đoàn. Rồi thành linh, vượn chúa vụt trèo ra đầu cành ngả sang sông. Từ đây qua bờ bên kia còn xa lắm. Sông rộng, nước sâu khó có

một con vượn nào có thể thoát được sang ngã này. Bỗng vượn chúa nhún mình lấy hết sức mạnh, đánh một cái nhảy sang bên kia bờ. Rồi vượn chúa đi tìm những sợi mây dài, nối liền lại và loay hoay cột một đầu dây vào thân cây, còn đầu dây kia cột vào thân mình. Xong xuôi, vượn chúa lại lấy hết sức để nhảy trở về cây xoài. Vượn chúa định làm một chiếc cầu bằng dây để cứu thoát cho cả đoàn mình chuyển sang bên kia bờ. Nhưng, nguy thay! Sợi dây bị hụt đoạn chừng một sải tay và vừa đúng khi hai tay vượn chúa nắm được cành xoài đâm ra sông là sợi dây vừa căng thẳng, kéo chân vượn ra sau. Tám ngàn vượn phải chuyển chuyển sang sông đêm nay. Cho nên vượn chúa nằm ngay trong thế đó, hai tay vượn ắm kỹ nhánh xoài, chân vượn nối dài thêm sợi dây để làm cầu, vượn chúa ra lệnh cho toàn đoàn sang sông. Bầy vượn ngần ngừ. Phải bước lên mình vượn chúa? Phải chuyển mình trên sợi dây đang kéo nặng thân vượn chúa? Trước sự đau lòng ấy, nhiều con đã nức nở, chảy nước mắt. Nhưng không còn chậm trễ được; hoặc xót thương để ngày mai phải bị tiêu diệt cả; hoặc phải cứu sống cả đoàn.

Lệnh được lập lại một lần nữa trước sự cương quyết của vượn chúa. Bầy vượn chuyển sang sông. Con nào con nấy đều cố sức đi thật nhẹ nhàng. Chúng cảm thấy như đang dầy vò lên một cái gì cao quý, một trái tim đã hết mục hy sinh cho chúng.

Vượn chúa đã ngắt đi nhiều lần, nhưng lại cố trấn tĩnh ngay để nắm vững thân cây. Bầy vượn qua gần hết, con vượt qua cuối cùng là con vượn Devadatta. Đây là con vượn xấu xa nhất, đã nhiều lần tỏ lòng ghen ghét vượn chúa và tìm cách ám hại. Nó cho là cơ hội đã đến. Nó nhảy mạnh lên mình vượn chúa v

o O o

i tất cả/ sức mạnh của nó và nhún thật mạnh trên cầu dây. Vượn chúa tưởng chừng như dập cả buồng gan, nhưng vẫn cố ráng sức nắm chặt thân cây để nó sang sông được an toàn. Rồi vượn chúa mệt lả đi. Qua bên kia bờ sông, con vượn Devadatta quay nhìn lại. Trong ánh lờ mờ của ngày sắp dậy, nó thấy thân hình vượn chúa lông lá phờ phạc, im không cử động. Tự nhiên nó cúi mặt xuống, roi hai hàng lệ nóng; nó hối hận, nó cảm phục đức độ bao dung của vượn chúa.

Sáng hôm sau, vua Ba La Nại truyền tiến quân. Nhưng một ngạc nhiên lớn! Toàn thể bầy vượn đông đảo đã trốn đi ngã nào hết. Quan quân đến dưới gốc cây xoài, người ta nhìn lên. Cảnh tượng thật cảm động. Một con vượn to lớn khác thường đang nói mình với một cành cây và một sợi dây bắt qua bên kia bờ sông. Vượn nằm im không cử động, hình như mệt ngắt đi. Theo nhiều người thợ rừng cho biết thì đây là con vượn đầu đàn. Lúc bấy giờ nhà vua rỏ đầu đuôi. Thì ra con vượn đầu đàn đã lấy thân mình nối thành cầu để cứu thoát cho cả bầy của mình. Vượn đầu đàn đã nêu gương hy sinh cao cả làm nhà vua cảm phục lắm. Ngài đột nhiên tỉnh ngộ, nghĩ đến việc làm ích kỷ và thấp hèn của mình: Chỉ vì muốn có những trái xoài ngon ngọt mà ngài đã dùng uy quyền huy động nhiều người đến đây. Chỉ vì một ý muốn tầm thường nếu không muốn nói là sai lầm, một sự tức giận nhỏ nhen mà ngài suýt gây nên một sự tàn sát thảm khốc. Rồi ngài quay sang bọn thợ săn đang đứng yên, không còn hăm hở muốn giết hại như trước. Ngài nói to để chỉ cho họ một bài học và lập tức truyền lệnh lui quân. Sau khi đã sai người đưa vượn chúa xuống và tự tay ngài vuốt ve săn sóc cho vượn chúa tỉnh lại.

Vượn chúa đã nêu lòng hy sinh cao cả để cứu đoàn một cách cảm động trên đây chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. /.

Con Dao Trong Tâm

Ngày xưa ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, đức Phật đến hóa độ cho một gia đình kia, hai vợ chồng đều có tánh tham lam độc ác, không biết tôn trọng đạo đức. Ngài liền hóa một vị đạo nhân, mang bình bát đến khát thực. Lúc ấy người chồng đi vắng, người vợ ở nhà, thấy vị đạo nhân vào liền mắng chửi âm lên. Vị đạo nhân hiền từ nói: Tôi là người tu hành, chỉ xin ăn mà tự sống. Lòng chỉ mong gia chủ cho bát cơm để đỡ lòng, có sao lại mắng chửi đôi đủ điều thậm tệ như vậy. Người vợ tức giận hét ngược lên, thì vừa người chồng về, trong tay sẵn cầm con dao bén, chẳng nói chẳng rằng, người chồng lạng lẹ xông tới, định chém vị đạo sĩ. Bỗng một bức thành pha lê hiện lên, bao bọc người đạo sĩ, bức thành trong sáng, kiên cố, không có cửa, người chồng đến xô đập, đâm chém đủ cách cũng không sao chuyển được. Người chồng liền nói: Ông hãy mở mau cho tôi vào với. Vị đạo sĩ trả lời: Được, nhưng ông hãy quăng con dao bén đi đã. Người chồng tự nghĩ: Mình to lớn như thế này, còn người đạo sĩ bé nhỏ thế kia, mình dùng hai tay không cũng đủ giết chết vị ấy trong giây lát nghĩ đoạn, liền quăng con dao bén đi xa, nhưng sao bức thành pha lê vẫn nguyên như cũ, người chồng tức giận hét lên: Tôi đã quăng con dao bén đi rồi sao ông không chịu mở cửa cho tôi vào. Vị đạo sĩ đáp: Không, tôi không có nói ông quăng con dao bén trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao bén trong tâm ông kia mà. Người chồng giật mình kinh sợ, nhận thấy vị đạo sĩ thấu hiểu tâm lý thâm kín của mình, nên đã bớt độc ác, cúi đầu lạy tạ, ăn năn hối lỗi. Bức thành pha lê kiên cố ấy bỗng biến mất, vị đạo sĩ hiện thành đức Phật, phóng muôn ánh hào quang chói sáng rực rỡ một phương trời, và ngay khi đó đức Phật thuyết pháp để hoá độ cho hai vợ chồng người ấy.

Trích báo: VIÊN ÂM

Con Khỉ Nhân Từ

Đời xưa, có một con khỉ lớn, sức lực mạnh mẽ, trí não thông minh và lòng nhân từ của nó chưa chán người đã bị kịp. Nó đi khắp cả rừng này, núi nọ để cứu giúp những kẻ gặp con hoạn nạn.

Một hôm, đang ngồi ăn trái ở trên cây, nó nghe tiếng than khóc ở trong hang đá đưa ra. Ngạc nhiên nó nhảy đến nhìn xuống, thì ra một người bị rơi xuống đáy mà chẳng có đường lên. Nó tìm lối xuống hang rồi nói rằng: "Anh kia, anh đừng sợ hãi. Tôi xuống để cứu anh đây. Anh cứ leo lên lưng tôi để tôi công anh ra".

Người bị nạn trong lòng sợ hãi, nhưng cũng liều trèo lên lưng khỉ. . Khỉ lần mò vịn từng cành cây khớp đá, cố đem hết sức lực mới ra khỏi hang. Cả hai cùng mừng rỡ nhưng vì quá mệt mỏi, phải nằm lăn trên thảm cỏ xanh, dưới một bóng cây to để nghỉ cho lại sức. Gió hiu hiu đưa người và khỉ vào giấc ngủ say. Khi tỉnh dậy, người vừa được cứu thoát nạn nghĩ thầm: "Ta lâu nay đói khát và đường về nhà còn xa xôi, đồ ăn chẳng có, chi bằng trong lúc con khỉ đang ngủ ta lén giết quách, lấy thịt ăn qua ngày".

Người ấy liền lấy một hòn đá to ném vào đầu khỉ. Khỉ bị thương máu ra lai láng, liền nhảy lên cây, nhìn xuống, nó biết người kia cố tâm hại mình lòng ngao ngán nhưng không giận hờn. Nó đau đớn nhìn con người ác độc ấy và để rơi từng giọt nước mắt theo từng giọt máu đỏ xuống đám cỏ xanh. Một hồi lâu, nó liền chuyển qua cây khác đi mất. (Con khỉ nhân từ ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca)

Đường Lầy

Có hai nhà sư cùng thong dong bước xuống một con đường lầy. Con mưa nặng hạt vẫn còn rơi. Đến khúc đường queo, hai người gặp một cô gái xinh xắn trong chiếc áo Kimono và chiếc khăn quàng cổ bằng lụa, đang đứng bên lề đường vì không thể băng qua ngã tư đường lầy được. Lập tức một nhà sư bảo: "Đi nào, cô bé" tức khắc đưa tay nhắc bổng cô gái lên và đưa qua quãng đường lầy.

Nhà sư bạn của anh ta, từ đó không buồn nói một tiếng nào, cho đến khi cả hai dừng lại trong một ngôi chùa. Rồi không còn chịu đựng được nữa, nhà sư bạn lên tiếng nói với anh ta:

- Chúng ta là những nhà sư, không được phép gần đàn bà, nhất là với những người đàn bà trẻ đẹp. Nguy hiểm lắm! Sao anh lại làm như vậy?

Nhà sư mỉm cười:

- Tôi đã bỏ nàng từ chỗ đó rồi! Anh còn mang nàng theo đấy sao?

Phụ bản 2 - Người Bốc Vác

Xưa, có hai thiền sư có việc phải hạ sơn. Trên đường đi đôi bạn gặp một thiếu nữ xinh xắn ngồi buồn rầu bên vệ đường. Chẳng là cô nàng muốn đi ăn cỗ cho sớm bữa mà lại bị một vũng nước to ngang đường chẹn mất lối đi.

Vị thiền sư trẻ tuổi liền bế cô qua đường. Sau lời cảm ơn, đường ai nấy đi.

Buổi chiều, vừa về đến cổng tu viện, vị thiền sư lớn tuổi đã khiêu tay bạn hỏi một cách bực dọc:

- Này chú... tại sao hồi sáng chú cả gan bế một thiếu nữ xinh đẹp thế kia qua vũng bùn mà không sợ ô nhiễm đến giới thể hử?

Vị thiền sư trẻ tuổi ngạc nhiên:

- Ô hay! Em đã đặt cô nàng xuống bên kia vệ đường rồi cơ mà! Sao Sư huynh còn công cô ta về tận nơi đây?

Phụ chú:

Vác một cô nàng như thế từ sớm tới chiều thì kể cũng nặng thật!

Hoa Vương

Ngày xưa, ngày xưa có một Minh Quân cai trị một quốc giathanh bình trù phú. Mọi việc đều xuôi chèo mát mái, ngoại trừ mộtđiều là dù tuổi đã khá cao, nhà Vua hiền đức của chúng ta vẫn chưa có được Hoàng nam nối dõi. Một bữa tốt trời đức Vua cho yết bảng, truyền lệnh cho vò các đồng tử lên 7 đến 12 vào sân rộng cho Ngài tuyển chọn người kế nghiệp. Các thần dân của đức Vua trong số tuổi ấn định lũ lượt kéo nhau về kinh đăng ký. Bất kể gia tộc sang hèn, nghèo giàu mỗi cậu bé đều được nhận một hạt giống tí tẹo. Các thí sinh phải đem hạt giống về tự tay gieo trồng và chăm bón. Đến bao giờ hạt giống nảy mầm, nứt lộc, đâm chồi, ra nụ kết hoa thì sẽ mang đến Hoàng cung dự thí.

Ngày khảo thí được ấn định vào đêm rằm tháng tám, chậu hoa nào được đức Vua chấm giải nhất thì người gieo trồng nó sẽ được vào cung làm Hoàng tử. Người sẽ kế vị đức Vua sau này. Cái ngày chờ đợi đó đã đến, vườn ngự uyển chất đầy các lảnh hoa do thí sinh đem nộp, không chê vào đâu được, vì loài hoa nào cũng rực rỡ ngát hương. Nhưng đức Vua và Hoàng hậu xem chừng vẫn chưa chọn được thứ nào vừa mắt.

Cuối cùng một chú bé khoảng 8 tuổi, áo quần rách rưới nhưng mặt mũi dễ thương, xin được vào châu đức Vua của chú. Mọi người cười ồ khi thấy chú khư khư ôm một cái chậu bằng đất nung chứa đầy phân và rác bẩn. Vị thần dân tí hon này quỳ trước bệ rồng, nước mắt chảy quanh, sụt sịt nói:

- Muôn tâu, con đã làm hết sức mình, con đã chọn chiếc chậu lành lặn nhất, để vào đó thứ đất mịn nhất, trộn vào đất thứ phân đã hoai và tốt nhất... rồi mới đặt hạt giống của đức Vua ban cho con vào đó... Con đã phơi sương ủ nắng và tưới nước cho nó... Vậy mà nó không chịu nứt cái mầm nào cả.

Đức Vua nghe xong không dấu được sự xúc động, ôm chầm lấy cậu bé reo:

- Ôi! Con chính là vị Hoàng tử mà ta chờ đợi.

Mọi người kinh ngạc lẫn bất bình.

Đức Vua vuốt râu mỉm cười giải thích:

- Tất cả các hạt giống trao cho thí sinh đều đã được hấp chín... Nó chỉ có thể nở hoa trung thực mà thôi... Đưa tay chỉ chiếc chậu đầy đất bẩn của chú bé dân giả, đức Vua tiếp:

- Đóa hoa trung thực ấy chỉ đâm chồi nảy lộc trong mỗi một chiếc chậu này. Con người đã gieo trồng được loại hoa ấy, nhất định sẽ là vị anh quân mà đất nước ta chờ đợi. Đức Vua đã không lầm trong sự lựa chọn ấy.

Linh Khuyển Thiện Thính

Trong những bức tranh và tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát, chúng ta thường thấy dưới chân ngài phủ phục một con linh khuyển. Con vật này có một nô bộc trung thành, vừa là con vật để Địa Tạng Vương Bồ Tát cưỡi trong suốt cuộc hành trình phổ độ chúng sinh. Con linh khuyển này có hai chiếc tai rất lợi hại, một chiếc có thể nghe được pháp âm của thập phương chư Phật, một chiếc kia thì lại có thể nghe được những lời than khổ của thập vạn chúng sinh. Vì vậy mà trong những bức tranh vẽ về Địa Tạng Vương Bồ Tát, chú chó Thiện Thính này có một tai vểnh lên, và một tai kia thì cụp xuống, trông rất ngộ nghĩnh, nhưng lại không mất phần linh hoạt của một con vật thông minh.

Tôi đối với chú linh khuyển Thiện Thính này có rất nhiều sự thân thiện, ở chỗ là lúc nhỏ nhà tôi cũng có nuôi một con chó có một chiếc tai vểnh lên và tai kia thì cụp xuống. Tuy rằng giống chó ta không đẹp, không quý và dĩ nhiên lá không sang như những con chó nhà giàu ngoại quốc, thế nhưng nó khiến cho người ta có một cái cảm giác thân thiện hơn.

Những pháp tướng của Địa Tạng Vương Bồ Tát trước thời nhà Đường không ghi nhận sự có mặt của con chó trung thành này, chỉ từ khi thái tử Kim Kiều Giác của nước Tân La (miền trung bộ của nước Cao Ly, tức Đại Hàn bây giờ) sang Trung Quốc xuất gia thì sự tích của Địa Tạng Vương Bồ Tát mới được truyền tụng nhiều hơn và hình ảnh của vị Bồ Tát này cũng từ đó có nhiều màu sắc sống động hơn.

Thái tử Kim Kiều Giác của Tân La Quốc là một người hâm mộ Phật Pháp từ nhỏ. Năm 24 tuổi, ông bỏ cả ngai vàng thế nguyền xuất gia, lấy pháp hiệu là Địa Tạng. Vì hâm mộ sự phát triển Phật Pháp tại Trung Quốc lúc bấy giờ cho nên vào năm Đường Trinh Quan thứ tư, ông dẫn con chó thương yêu tên là Thiện Thính lặn lội từ Cao Ly vào Trung Quốc học đạo. Tỳkheo Địa Tạng vân du nhiều nơi ở Trung Quốc, cuối cùng khi đến núi Cửu Hoa tại tỉnh An Huy thì chịu phong cảnh và địa thế ở nơi đó nên đã cất một túp lều tranh để tu hành. Trong thời gian tu khổ hạnh tại đó, chú chó Thiện Thính luôn là một người bạn trung thành túc trực bên mình của ông.

Sau đó, có một vị trưởng giả lên núi du ngoạn và phát hiện được tỳ kheo Địa Tạng. Ông ta đã phát nguyện cất một ngôi thiền viện để cúng dường. Lúc đó tại địa phương đó có một nhà phú thương tên là Văn Các Lão cũng đã đóng góp rất nhiều tiền của trong việc kiến trúc thiền viện. Văn Các Lão đến hỏi tỳkheo Địa Tạng cần bao nhiêu đất để ông ta đứng ra lo liệu để mua. Tỳkheo Địa Tạng trả lời là chỉ cần miếng đất che phủ bởi tấm cà sa của ông là đủ, thế nhưng khi ông giữ chiếc cà sa ra thì chiếc áo nhiệm mầu đã phủ nguyên một ngọn núi Cửu Hoa. Văn Các Lão là một người rộng rãi, ông đã giữ lời hứa cúng nguyên một ngọn núi cho chùa này, ông lại còn khuyên người con trai xuất gia theo Địa Tạng, lấy đạo hiệu là Đạo Minh. Vì vậy mà sau này trong những pháp tướng của Địa Tạng Vương Bồ Tát, người ta thường thấy, một là đại hộ pháp Văn Các Lão, và vị kia chính là Đạo Minh, con trai của ông.

Trong thời gian tu luyện tại núi Cửu Hoa, tỳ kheo Địa Tạng có nhiều truyền thuyết về thần thông đã được lưu truyền trong nhân gian, vì vậy mà hầu như ai cũng tin rằng tỳ kheo Địa Tạng chính là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát xuất thế để cứu khổ và độ trì chúng sinh. Hiện nay, Cửu Hoa Sơn đương nhiên trở thành đạo tràng của Địa Tạng Vương Bồ Tát (chú thích 1)

Tỳ kheo Địa Tạng tổng cộng trụ trì 75 năm tại núi Cửu Hoa và thọ đến 99 tuổi. Suốt thời gian tu luyện ngài không có trở về nước. Ông nhập Niết Bàn vào ngày 30 tháng 7 năm Đường Khai Nguyên thứ 26. Tọa quan (chú thích 2) ba năm, đến khi khai quan thì dung mạo ông vẫn y hệt như người sống. Tay chân ông hãy còn mềm dẻo và có thể di chuyển được. Mãi cho đến ngày nay, nhục thân của tỳ kheo Địa Tạng vẫn còn được cung phụng tại Cửu Hoa Sơn cho thiện tín chiêm ngưỡng.

Những sự tích của tỳ kheo Địa Tạng có ghi chú trong những quyển Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện của Trung Quốc. Đây là một câu chuyện có thật và là một người có thật được ghi nhận trong sử sách. Chỉ tiếc rằng trong những quyển sách này ít đề cập đến chú linh khuyến Thiện Thính vừa kể ở trên. Nhiều người tin rằng chú linh khuyến này là đầy tớ trung thành của Địa Tạng Vương Bồ Tát cho nên sự tích trên mới được lưu truyền và những hình ảnh của chú chó tinh khôn này.

Mỗi khi đánh lễ Địa Tạng Vương Bồ Tát tôi thường chú mục và nghiêm chỉnh kính lễ linh khuyến Thiện Thính. Mỗi lần như vậy tôi cảm thấy trong tâm hồn thư thái. Cứ thử nghĩ một con chó bình thường của người phàm nuôi cũng đã rất chạy cảm với âm thanh, có thể nghe và diễn đạt được những tín hiệu từ xa, huống hồ gì linh khuyến Thiện Thính là một thần vật đã nhập tâm những Phật pháp nhiệm mầu của Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Thiện Thính hay lắng nghe, đó là bước khởi đầu trong tâm học Phật Giáo, lắng nghe được những di động của hoàn cảnh chung quanh, lắng nghe được những sự kỳ diệu trong tâm linh, và cũng lắng nghe để có thể "trên hợp cùng giác tâm của thập phương chư Phật, cùng Như Lai đồng nhất từ lực, dưới hợp cùng thập phương nhất thiết lực đạo chúng sinh (chú thích 3), cùng chư chúng sinh đồng nhất hướng Phật"

Chúng ta dùng một tâm trạng để lắng nghe những sự việc xảy ra trong thế giới này? Khi lắng nghe như vậy thì tâm hồn chúng ta đã chuẩn bị để đối phó với những sự việc này ra sao? Phật dạy, trong trăm ngàn vui mừng, chúng ta hãy nhẫn nại tiếp nhận. Trong muôn vàn đau khổ, chúng ta cũng nên bình thường đối diện.

Chúng sinh là ta, ta là chúng sinh; Chúng sinh là sự thành tựu của Bồ Tát, Bồ Tát là sự viên mãn của chúng sinh. Trong cái vũ trụ bao la bát ngát này, Bồ Tát và chúng sinh đều là một thể duy nhất. Chúng ta đối đãi với chúng sinh cũng y như vậy. Chúng ta lắng nghe Bồ Tát và chúng sinh như thế nào, thì cũng chính như lắng nghe tiếng lòng của chúng ta như vậy.

Vậy thì chúng ta hãy cùng cất bước nối tiếp theo lời thề nguyện của Địa Tạng Vương Bồ Tát, đi cứu giúp những chúng sinh còn đang ngụp lặn trong ác đạo. Và hãy noi theo gương của linh khuyến Thiện Thính, mở rộng đôi tai trong tâm hồn để nghiêm khắc, kính cẩn, khoan dung, và ôn hòa để lắng nghe cái thế giới mà chúng ta đang ngụp lặn.

Chú thích

1. Cửu Hoa Sơn: Nằm trong tỉnh An Huy, là Thuyết Pháp Đạo Trường của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Xin xem chi tiết ở bài Cửu Hoa Sơn, Thánh Địa Phật Giáo Trung Quốc trong quyển này.

2. Tọa Quan: Những vị cao tăng viên tịch trong lúc tĩnh tọa được gọi là tọa quan. Trong những chùa chiền lớn ngày xưa, người ta di chuyển thân xác của chúng vị cao tăng vào trong mộ đài xây dựng hình dạng tháp đứng.

3. Lục Đạo Chúng Sinh: Trong lý thuyết của nhà Phật, thì chúng sinh được chia ra làm sáu cõi luân hồi, hay còn được gọi là Lục Đạo. Đó là Thiên giới, A tu La, loài Người, Súc Sinh, Ngạ Quỷ, và Địa Ngục. Thiên giới và A Tu La gồm có những chúng sinh đã tạo được thiện căn ở vô số kiếp, giới này gồm có các Thiên Tiên, các Thần, Long Vương, Quỷ Vương, Dạ Xoa v. v... Loài người thì thấp hơn một bậc. Còn ba cõi Súc Sinh, Ngạ Quỷ và Địa Ngục là những chúng sinh xó nghiệp chướng nặng hơn. Nhất là Địa Ngục gồm có những chúng sinh mà tiền kiếp đã có nhiều tội lỗi nên phải ở lại đó để chịu những hình phạt. Trong nhiều sách Phật, có sách đã gọi chung ba cõi Súc Sinh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục là hạ tam đạo, hay là ba cõi thấp.

Nguyên tác: Lâm Thanh Huyền

Người dịch: Phạm Huệ

Lời Bạt

Qua mấy lần ghé thăm Thư viện Hoa Sen MS tui thấy có nhiều những mẫu chuyện nhỏ rất hay về Phật giáo và về cuộc đời, khi đọc nhiều câu truyện bỗng giật mình thấy hình bóng mình trong đó và tuy không tự giác bỗng chợt ngẫm nghĩ về mình...

Dưới những câu truyện đó thường có những lời bình của các bậc cao tăng đại đức rất bổ ích cho hành trang của chúng ta trên con đường đời nhiều chông gai cạm bẫy này.

MS tui rất bối rối không biết nên để những mẫu truyện thu thập này ở đâu? sau xét rằng phần lớn những truyện đây đều là những tích truyện Phật giáo hoặc là những mẫu truyện nhỏ mang tính triết lý nhẹ nhàng, đối với các bạn trẻ đọc qua sẽ thêm nhiều cái hay cái đẹp cho quãng đời phía trước của mình. Nên tui đã đặt vô trang mục tím, nhưng thiết nghĩ rằng nó cũng rất bổ ích cho tất cả những ai đọc nó, không phân biệt già hay trẻ.

Mời các bạn đọc và suy ngẫm nhé.

Chuyện Người Thương Binh Trở Về

Đây là một câu chuyện thật đau lòng xảy ra trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Chuyện kể về một người lính trẻ Hoa Kỳ trở về nhà sau khi tham chiến tại Việt Nam. Từ thành phố San Francisco người lính trẻ gọi điện thoại về nhà cha mẹ. "Cha mẹ ơi, con đang trở về nhà, nhưng con có một điều xin cha mẹ. Con có đem theo một người bạn thân. " "Được", cha mẹ người lính trẻ trả lời bên kia đầu giây điện thoại, "Cha mẹ thích nó đi cùng con về đây và muốn được gặp nó. " "Nhưng có một điều con muốn thưa với cha mẹ, " người con nói tiếp, "bạn con bị thương tích trầm trọng trong lúc giao chiến. Nó dẫm phải mìn, mất một cánh tay và một cẳng chân. Nó không có nơi nào để ở, và con muốn nó về ở chung với gia đình ta. " "Con ơi! cha mẹ rất tiếc khi nghe điều đó. Chúng ta có thể giúp nó tìm một nơi nào đó cho nó ở. " "Không, con muốn nó về ở với con, với gia đình ta. " "Con, " người cha nói, con không biết con đang nói cái gì. Một người tàn tật sống với gia đình chúng ta, sẽ trở thành gánh nặng cho gia đình. Chúng ta có một đời sống riêng, và chúng ta không thể để việc đó ảnh hưởng đến đời sống chúng ta. Cha mẹ nghĩ rằng con nên về nhà và quên đi người bạn này. Bạn của con sẽ có thể tự tìm cuộc sống cho chính nó. " Nghe đến đây người con chết lặng người, không thể nào nói thêm được điều gì nữa và cúp máy điện thoại. Người cha không còn nghe thấy gì nữa.

Vài ngày sau đó, cha mẹ người lính trẻ nhận được điện thoại từ sở cảnh sát San Francisco báo tin người con của họ đã chết sau khi rơi từ trên lầu một cao ốc. Cảnh sát tin là nạn nhân đã tự tử. Cha mẹ người con đau khổ đáp máy bay đến San Fransisco, vào thẳng nhà quàng thành phố nhận diện xác con. Họ xác nhận nạn nhân chính là đứa con trai yêu quý của họ, mà họ mới nói chuyện với nó vài ngày trước đây. Nhưng đau đớn thay, họ đã khám phá ra một điều mà họ đã không biết, đứa con trai của họ chỉ có một chân và một cánh tay! !

Dưới đây là lời bàn của người kể lại chuyện này:

Cha mẹ người lính trẻ trên đây cũng giống như số đông chúng ta. Chúng ta chỉ thích yêu những người đẹp đẽ, khỏe mạnh, cơ thể lành lặn hay những cái gì vui thích chung quanh chúng ta. Chúng ta không thích những người có thể gây rắc rối và phiền phức đến chúng ta. Chúng ta thích xa lánh những người bệnh hoạn, ốm đau, tật nguyền, ngu xi, đần độn. Cảm ơn đến những người không có tâm như vậy. Có những người mở rộng vòng tay thương yêu đón nhận chúng ta vào gia đình họ, không điều kiện, không màng đến hậu quả có thể xảy ra sau đó. Đêm nay, trước khi đi ngủ, hãy nguyện cầu cho chúng ta có khả năng chấp nhận những hoàn cảnh tương tự, và giúp chúng ta thấu hiểu những người khác biệt hoàn cảnh với chúng ta...

Dưới đây là lời bàn của Hoa Sen:

Theo tinh thần đức Phật dạy về "vô duyên từ", nếu như người cha trong câu chuyện trên xem người bạn của con trai mình như con mình, mà đưa vòng tay ra đón nhận, thì sẽ không đưa đến cái chết thảm khốc cho người con.

Đối với đạo Phật, cái chính là tinh thần từ bi bình đẳng. Từ bi bình đẳng là một trong những đặc điểm nổi bật và quan trọng nhất trong Phật Giáo. Theo tinh thần này thì tất cả mọi chúng sinh hữu tình đều bình đẳng, đều có giác tánh, và sẽ thành Phật trong tương lai. Quả vậy, người Phật

tử phải có tâm từ bi bình đẳng với mọi loài chúng sinh hữu tình, xem chúng như là chính mình, như là cha mẹ anh em thân bằng quyến thuộc của mình, không nên có bất luận sự phân biệt kỳ thị nào, không thấy có sự khác biệt giữa mình và chúng sinh khác, dầu đó là một con vật hay một người câm điếc, hoặc một kẻ tàn tật xấu số. Người Phật tử không có kẻ thù nghịch hay kẻ xa lạ, không có người thân và kẻ sơ. Do vậy trong bất cứ hoàn cảnh nào, đối với bất cứ ai, bất cứ con vật gì bị khó khăn hoạn nạn, chúng ta vẫn luôn luôn giúp chúng, gần chúng để chia vui bớt khổ, để san sẻ tình thương.

Phận Đẹp Duyên May

Ngày xưa, tại một địa phương nọ bên Ấn Độ có một ngọn núi tên gọi là Âm Sơn. Trên núi cây cối um tùm, cỏ hoa tươi tốt, quanh năm ít có người qua lại, thật là một cảnh thích nghi cho những ai muốn lên đây tu hành. Về sau ngọn núi tinh mịch này được nhiều vị tu hành để ý mỗi ngày một nhiều, nên dần dà thành ra chốn đạo tràng của các vị thánh Tăng, được hàng vạn người kính mộ và lên núi cầu phúc, cúng dường, thiết trai luôn luôn không ngắt.

Một hôm có một vị Trưởng giả đem người nhà lên núi chuẩn bị một bữa cơm chay rất tinh khiết để cúng dường chúng Tăng. Mọi người lũ lượt lên núi, dự buổi tập phước này, trong số đó có một cô gái nghèo, tuổi 17, 18 nghĩ rằng: "Hôm nay nhà Phú ông cúng dường Chư Tăng trên núi, nếu ta lên theo chắc thế nào cũng được một bữa no nê, nhất là đã mấy hôm nay, ta chưa hề được bữa ăn nào gọi là lung lũng dạ". Nghĩ xong, với một vẻ mặt hớn hở, người con gái đó rảo bước chân đi.

Khi cô gái nghèo ấy lên đến đỉnh núi thấy cỗ chay của Trưởng giả bày ra đủ thứ mỹ vị thơm tho tinh khiết thì trong bụng nghĩ: "Kiếp trước vị Trưởng giả này chắc là dày công tu thân tích phước, nên ngày nay mới thành người giàu có, đó là quả báo đền bù. Đến ngày nay Phú ông lại có Thiện tâm thiết trai cúng dường Chư Tăng, sửa tạo những công đức lớn, chắc rằng phước quả kiếp sau còn nhiều, có lẽ còn nhiều hơn cả đời hiện tại này nữa.

Ngẫm lại thân ta - cô gái nghèo nghĩ tiếp - thực là đáng thương! Chỉ vì kiếp trước không biết tu tạo phước quả, cho nên bây giờ mới chịu cảnh cùng khổ như thế này. Nếu giờ đây ta không lo tu phước thì kiếp sau chắc còn nghèo khó gấp mấy! Vậy, hiện tại trong lưng còn hai đồng tiền mà ta đã dành dụm được, sao ta chẳng đem ra cúng dâng các vị Hòa Thượng có được không? Mặc dù hai đồng tiền này cũng có thể mua được hai chiếc bánh ăn tạm cho đỡ đói lòng, xét ra: Nếu ta đem cúng dâng các vị tu hành xuất gia thì ta không đến nỗi chết kia mà".

Nghĩ rồi, cô gái nghèo lẳng lặng đợi các vị Tăng Ni cùng dùng trai xong, liền móc trong bị ra hai đồng tiền cung kính dâng lên Hòa Thượng.

Theo quy tắc đã định trên núi là: Nếu có ai bố thí cúng dường thì chỉ có vị sư tri khách đứng lên thay mặt Chư Tăng hướng thí chủ mà chúc phước. Nhưng lần này cô gái nghèo lại được chính vị Hòa Thượng trụ trì thân hành ra trước mặt cô gái mà chúc phước rằng: "Tất cả bảo vật trên trái đất đều ở cả trong người đồng nữ này đã đem bố thí cho kẻ xuất gia, vật bố thí đây nguyên là việc tu phước. Vậy bản Tăng chúc cho thí chủ vĩnh viễn lìa khỏi nghèo khổ".

Cô gái nghèo nghe xong, trong lòng không thể kể xiết nỗi niềm hân hoan. Rồi đợi chúng ai ai cũng cấp thức ăn cho cô, thật là một sự vui vẻ đạo pháp không có gì sánh kịp.

Sau khi cô gái đã no nê liền đứng đỉnh ra khỏi cửa chùa tới dưới một gốc cây cổ thụ nằm nghỉ và chợp mắt đi lúc nào không biết. Lúc đó vầng thái dương đã xế chiều, thế mà bóng cây vẫn y nguyên không thay đổi. Nhìn lên xem thấy trên đỉnh cây cao bỗng có đám mây ngũ sắc như chiếc tàn che cho cô gái. Đó là một chuyện hiếm thấy từ trước đến nay.

Giữa lúc ấy, Đức Quốc Vương nước đó vừa vắn đi qua, nhân vì Hoàng Hậu mới từ trần, nên

trong lòng Ngài u uất buồn rầu mới ruỗi xe đi du sơn ngoạn thủy để cho tiêu sầu giải muộn, bỗng nhiên gặp thiếu nữ nghèo nằm ngủ dưới gốc cây mà trên đỉnh ngọn cây có đám mây ngũ sắc che cho như chiếc tàn vàng thì Quốc Vương lấy làm kinh ngạc, khác nào được thiên nữ hiện xuống dưới trần. Nhà vua tự tán thán:

"Thiếu nữ này ở đâu mà dám nghỉ ngơi ở đây? Sắc đẹp của nàng chẳng kém gì Hằng Nga! Với cái thân hình yếu điệu, với vẻ mặt sinh tươi, nàng đã khiến cho nhiều người để ý". Nói rồi, sai cung nữ ẵm nàng lên xe.

Cô gái trong cơn mộng chợt tỉnh, mở choàng mắt ra, thấy mấy người khiêng mình bỏ lên xe thì kinh hãi kêu lên:

- Ôi Phật ơi! Các người là ai? Định mang tôi đi đâu?

- Xin cô đừng sợ, chúng tôi không phải là quân gian phi đâu, chúng tôi vâng lệnh Quốc Vương đón cô về cung đây!

Cô gái nghèo sau khi đã được đặt nơi sau xe Quốc Vương ngồi rồi, Quốc Vương liền dịu dàng hỏi:

- Năm nay cô nương bao nhiêu tuổi?

- 18 tuổi

- Cô nương đẹp quá, rất đáng yêu, trẫm muốn đem cô nương về cung lập làm đệ nhất phu nhân. Vậy cô nương có bằng lòng không?

Cô gái nghèo liếc nhìn vị Quốc Vương thấy Ngài xinh đẹp trẻ trung thì nở một nụ cười. Nhưng trong lòng vẫn nghi nghi hoặc hoặc không tin, cô nghĩ: " Có lẽ nào ta lại được mang vận quá tốt, đến nỗi đương từ một đứa con gái nghèo đi ăn xin mà bỗng trở nên một vị Đệ nhất phu nhân". Cô càng nghĩ càng ngây người ra, không nói được câu nào.

- Thế nào! Cô nương không vui lòng hay sao mà làm thinh không trả lời?

- Tâu Đại Vương! Tôi hoài nghi rằng: Tôi đương ở cõi thực hay mà cõi mộng đây?

- Không phải mộng mị gì đâu. Đây là cõi thực đấy! Đoàn xe Quốc Vương đã về tới cung. Ngài liền tuyên bố với toàn quốc lập cô làm đệ nhất phu nhân.

Sau khi đã trở thành người đàn bà cao sang nhất nước, nào ăn ngon, nào mặc đẹp lại được mọi người kính nể nhưng trong lòng cô vẫn không đoạn tuyệt với ý nghĩ: " Sở dĩ ta có hạnh phúc ngày nay chỉ vì đã có nhân duyên bố thí hai đồng tiền! Vậy thì vị sư phụ chúc phước cho ta hôm trước đã là một vị ân nhân tuyệt đối cao quý của ta".

Nghĩ rồi, liền bẩm với Quốc Vương:

- Tâu Đại Vương, tiện thiếp vốn là cô gái hèn mọn, ngày nay được đội ơn Đại Vương yêu mến, lập làm đệ nhất phu nhân, lẽ tất nhiên phải cảm tạ hồng ân của Vua. Nhưng nghĩ đến cái ân của vị xuất gia mà tiện thiếp đã bố thí hai đồng tiền đồng, tiện thiếp muốn được đê, chút gì lại chùa bố thí cúng dường để tỏ lòng báo ân. Vậy chẳng hay ý Đại Vương thế nào?

- Tốt lắm, tùy Khanh định liệu, Khanh muốn như thế nào trẫm cũng vui lòng cho phép.

Rồi đó, Quốc Vương và Hoàng Hậu sắm sửa thật nhiều cỗ chay long trọng và tinh khiết, chất đầy hàng mấy chục xe đem lại núi Âm Sơn cúng dường:

Sau khi các vị Tăng chứng thọ trai rồi đến lúc ra chúc phúc cho thí chủ, thì không thấy vị Hòa Thượng trụ trì thân ra chúc phúc như lần trước mà chỉ là vị Tri Khách thay mặt người chúc phúc thí chủ mà thôi. Việc này khiến cho cả Vương lẫn Hậu đều lấy làm kỳ quái mà rằng:

- Ngày xưa, tôi đem bố thí hai đồng tiền đồng được vị sư phụ trụ trì ra chúc phước. Ngày nay, tôi bố thí biết bao nhiêu phẩm vật trân quý, thế mà không thấy sư phụ ra chúc phước là tại làm sao?

Đại chúng đều nhận xét như thế và ai ai cũng thắc mắc như nhau

Vị sư trụ trì thấy mọi người cùng xôn xao, liền vân tập quần chúng lại mở lời khai thị rằng:

" Ngày trước, tuy Hoàng Hậu bố thí chỉ có hai đồng tiền đồng là vật nhỏ mọn, nhưng là cả một tấm tâm thành phát ra, đây là điều chí cao và khả quý. Ngày nay Quốc Vương và Hoàng Hậu tuy bố thí rất nhiều, nhưng trong lòng có hàm chứa điều "ngã mạn" không giống như lần trước.

Nên biết rằng Phật pháp không trọng "vật chất" mà trọng ở điều "phát tâm" sở dĩ vì đó mà lần này ta không thân ra chúc phúc. Vậy mọi người nên hiểu rõ Phật Pháp độ kẻ nghèo cùng bố thí là như thế nào! "

Quốc Vương và Hoàng Hậu nghe lời Hòa Thượng giảng giải thì trong lòng vừa thẹn vừa vui mừng: Bây giờ mới hiểu rõ nghĩa thực và giá trị của hai chữ Bố Thí. /.

Xâu Ngọc Nước

Bên trời sương mù đã tan hẳn. Vàng thái dương ẩn hiện sau áng mây thưa, chiếu ánh sáng huy hoàng trong khoảng không gian trong tạnh. Từng cơn gió mát nhẹ từ phương nam thổi về làm rơi những hạt nước trong suốt như pha lê đọng ở đầu cỏ, lá cây. Cảnh vật nơi vườn Ngự sau một trận mưa ban mai vừa tàn càng đượm vẻ thanh-tân tươi thắm.

Nơi thềm cao của một ngôi đền vàng, một nàng công chúa tuổi còn thơ bé, ngồi trên chiếc cảm đôn, đưa mắt thần thờ nhìn ngắm cỏ hoa trong thượng uyển. Khung cảnh tuy đẹp nhưng không gợi được niềm vui cho công chúa vì nó đã thường với mắt nàng lắm như một bức tranh ngắm đi ngắm lại nhiều lần, rồi nàng mơ mộng vớ vẩn và ước một cái gì khác lạ hơn nữa...

Nắng vàng nhẹ phủ lên hoàng cung. Công chúa đang thơ thần ngồi trông xa gần, bỗng đôi mắt nàng chăm chú vào một cảnh tượng. Từ trên mái ngói tráng men xanh, nước mưa còn đọng lại rơi xuống từng giọt đều đều, nổi thành những bóng nước tròn, trôi lăn theo rãnh đá hoa trắng. Dưới ánh triều dương, những bóng nước ấy lấp lánh, nổi nhiều màu sắc kỳ xảo, xinh đẹp lạ thường như những hạt ngọc tuyệt trần vô giá! Nét mặt công chúa sáng lên, nàng mỉm cười và trầm nghĩ: "Chà! những hạt ngọc kia sao mà đẹp. thế! Ta đã có nhiều châu báu, nhưng chưa thấy thứ ngọc. nào quý lạ bằng loại này. Giá ta có một tràng chuỗi ngọc như thế để quàng nơi cổ thì thích thú biết bao. Nghĩ xong, như thâu thần công chúa lại thừ người ra nhìn ngắm say sưa

quên hẳn bao nhiêu vẻ tươi thắm quanh mình, mặc cho ngọn gió nam cợt đùa cùng cảnh vật.

Giọt mưa đã dứt từ trên mái ngói. Nơi lòng rãnh đá hoa, hình dáng những viên ngọc vô giá không còn nữa. Vàng thái dương đã lên cao, ánh vàng xuyên rọi nửa thềm vàng, mà công chúa vẫn còn ngồi ngơ ngẩn, tâm hồn như phiêu dạt tận nơi nao! Một cung nữ từ phía trong đi ra, se se đến gần, cung kính thưa: "Có lệnh Mẫu Hoàng gọi" Như chợt bừng tỉnh, công chúa không đáp lại mà nặng nề lê bước thẳng vào phòng rồi lên giường nằm. Cung nữ ngạc nhiên chạy vào phía trong. Một lát, Hoàng Hậu đến phòng con thăm công chúa, thấy trên mặt ngây thơ có vẻ bơ phờ ủ dột, tưởng rằng đứa con yêu cảm nhiễm phong hàn, nên dịu dàng han hỏi. Vốn là con một, hằng được nuông chiều, công chúa như có dịp để nhõng nhẽo cùng mẹ. Vì vậy, tuy biết Hoàng hậu đến thăm, nhưng nàng vẫn nằm xoay mặt vào trong im lặng không nói.

Hoàng hậu lại càng hốt hoảng kịp báo cho đức Vua nghe tin con gái bất thường, đức vua vội vàng đến hỏi thăm, công chúa cũng vẫn im lặng không đáp. Sau khi Vua cha và Hoàng hậu dỗ dành, khuyên lơn mãi, nàng công chúa thơ ngây ấy mới thuật chuyện những vòng ngọc quý và nói chổ ước vọng của mình. Nghe xong, đức Vua cười vui vẻ và bảo: "Ồ! Con ta khéo vớ vẩn? thì thôi! Những hạt ngọc mà con nói đó, chỉ là những bong bóng nước, làm sao kết được tràng chuỗi? Nhưng thôi, con hãy yên lòng, các thứ ngọc quý giá ở trong kho tàng không thiếu gì, cha sẽ cho con tùy ý lựa chọn. Nói đoạn, vua sai quan giữ kho lựa những thứ ngọc thật đẹp đem đến cho công chúa. Nhưng sau khi xem xong từ thứ ngọc này đến thứ ngọc khác, công chúa vẫn không vừa ý, nhất định đòi cho được những hạt ngọc mà mình đã trông thấy.

Ước vọng không thành, lòng mơ tưởng những viên ngọc tuyệt đẹp làm cho công chúa âu sầu rã rượi, không còn biết đến bao nhiêu thức ngon vật lạ, bệnh của công chúa mỗi ngày mỗi nặng. Đức vua và hoàng hậu vô cùng lo lắng, vì nhận thấy sự tương, nhớ có thể làm gầy mòn và có thể cướp mất đứa con yêu của mình.

Một buổi chiều đức Vua phán hỏi các quan làm thế nào cho công chúa hết bệnh? Tất cả triều thần đều nhìn nhau lặng thinh. Ngài lại hạ chiếu cho tìm những người thợ chuốt ngọc tài giỏi vào triều và hỏi có thứ ngọc nào như những bong bóng nước lấp lánh ngũ sắc để làm tràng chuỗi cho công chúa? Tất cả thợ ngọc đều摇头 không thể nào tìm được thứ ngọc như thế. Sau cùng, đức Vua cho truyền rao khắp trong nước: "Nếu người nào làm cho công chúa hết bệnh, sẽ được thưởng nghìn vàng". Trong khi giờ khắc lặng lẽ trôi qua mà cứu tinh vẫn vắng bóng, vì lòng thương con, người cha hiền ngồi đứng không yên, muôn phần ảo não. Một buổi sáng tinh sương, có người thợ chuốt ngọc tuổi già, râu tóc bạc phơ, xin vào ra mắt. Sau khi bái yết xong, người thợ già quỳ xuống tâu: "Muôn tâu Hoàng thượng! Bệnh của công chúa là một tâm bệnh, không thể dùng thuốc thang điều trị. Muốn cho bệnh lành, tất phải làm thỏa nguyện vọng của người ốm đang mắc phải tâm bệnh đó. Nhưng có điều khó: bong bóng nước không thể kết làm tràng chuỗi được. Tuy nhiên, thần đã có phương cách làm cho công chúa hết bệnh" Như trút được gánh nặng, đức Vua vô cùng mừng rỡ, liền đến phòng con gái âu yếm bảo: "Hôm nay có người thợ già hứa sẽ xỏ được chuỗi ngọc ấy cho con. Thôi, con đừng buồn rầu nữa". Lời nói ấy quả có một hiệu lực phi thường. Trên gương mặt xanh xao tiều tụy của công chúa nở nụ cười và con trầm kha bỗng dung như tiêu tan đi đâu mất.

Một dịp may, sáng hôm sau, trời vẫn vũ đổ mưa xuống. Khi trận mưa vừa tạnh, những bong bóng nước cũng trôi nơi lòng rãnh đá hoa như hôm nào. Người thợ già tâu vua xin mời công chúa ra trước thềm diện vàng và thưa: "Tôi tuổi già, đôi mắt đã lờ, không phân biệt được vẻ tốt xấu của hạt ngọc. Xin công chúa tùy ý lựa hạt ngọc nào đẹp nhất, tôi sẽ xỏ cho". Nhưng bong

bóng nước vẫn là chất mong manh, vừa chạm đến liền tan ngay, công chúa hết vớ bong bóng này lại đến bong bóng khác suốt cả buổi, khi tay công chúa chạm đến hạt ngọc thì hạt ngọc đó tự vỡ ra kết cuộc đã mệt nhọc mà chẳng được chi cả. Người thợ già hỏi: "Thế nào? Những hạt ngọc ấy ở đâu". Công chúa ngẩng lên nhìn người thợ, rồi quay lại nhìn vua cha, đáp: "xin phụ vương ban cho con tràng chuỗi bằng tử kim, vì thứ ấy rất chắc, rơi xuống gạch không vỡ. Còn thứ này chỉ có dáng bên ngoài, nhưng lại giả dối mong manh, con không thể lấy được và không còn thấy ưa thích nữa". Đức Vua dịu dàng bảo: "Thì nó chỉ là những bong bóng nước thôi con ạ" Như tính ngộ ra, công chúa lộ vẻ e thẹn cúi đầu giữa nụ cười kín đáo của đoàn cung nữ...

Đối Thoại Thiền

Các Thiền Sư huấn luyện các Chú Tiểu tự diễn tả ý nghĩ của các chú. Hai ngôi đền Thiền, mỗi ngôi có một Chú Tiểu hầu cận. Một chú buổi sáng đi hái rau, gặp chú kia giữa đường.

Chú thứ nhất hỏi:

- Anh đi mô rứa?

Chú kia đáp:

- Ta đi mô bàn chân ta bước.

Câu trả lời làm chú thứ nhất rối óc, chú về cầu thầy trợ giúp. Thầy chú bảo: Sáng mai, khi con gặp anh bạn nhỏ của con, hãy hỏi hấn lại câu đó. Hấn sẽ trả lời câu đó, rồi con hỏi tiếp: "Giả như anh không có chân thì anh đi mô" Hấn sẽ chịu ngay.

Sáng hôm sau khi hai chú gặp nhau. Chú thứ nhất hỏi:

- Anh đi mô rứa?

Chú kia đáp:

- Ta đi nơi mô gió thổi

Câu trả lời này làm bù đầu chú thứ nhất, chú kia đã đánh bại cả bậc thầy chú. Ông thầy lại móm ý: "Hãy hỏi hấn đi mô nếu không có gió? "

Ngày hôm sau hai chú lại gặp nhau lần thứ ba. Chú thứ nhất hỏi:

- Anh đi mô rứa?

Chú kia đáp:

- Ta đang đi chợ mua rau.

Đức Phật Với Con Voi Dữ

Thời kỳ Phật hành đạo tại thành Vương Xá, kinh đô của vua A Xà Thế, vua A Xà Thế rất tham lam hung bạo, đã sát vua cha để dành ngôi báu. A Xà Thế lại hay thù ghét và manh tâm làm hại những kẻ trung lương nên thường lập vây cánh bè đảng làm hậu thuẫn.

Trong số bè cánh nhà vua lại có Đề Bà Đạt Đa em họ Đức Phật. Vị này cũng sẵn lòng ganh tỵ với kẻ khác, thấy Đức Phật được nhiều người cung kính, Đề Bà Đạt Đa cũng giả cách tu hành như Phật, nhưng không hề được ai cung kính, nên tức giận muốn tìm cách hại Phật. Nhưng những điều không may có bao giờ đến với những người có lòng từ bi cao cả, đấng Giác-ngộ đã tu hành trong nhiều kiếp. Nhưng chúng nào tạt ấy, ông liền liên kết với vua A Xà Thế cầu xin nhà vua cộng tác trong việc sát hại Phật. Nhờ sự bằng lòng của nhà vua, nên Đề Bà Đạt Đa đến tại sở nuôi voi năn nỉ với bọn nài:

Ta đây là bạn thân của nhà vua, các người giúp ta việc này, ta sẽ xin nhà vua cho lương cao chức lớn. Sáng mai thầy Gotama (đức Phật) sẽ đi tri bình khất thực qua đây, các người cứ việc thả con voi hung dữ Nalagiri ra để làm thịt thầy.

Sáng hôm sau, đức Phật cùng một số đệ tử đi vào thành Vương Xá để tri bình khất thực, trông thấy bóng Ngài, bọn nài thả voi Nalagiri ra. Dân chúng nội thành phải tán loạn, dầy xéo nhau mà chạy, lo sợ cho tánh mạng của mình, kẻ leo lên cây người núp ở tường cao nhà kín. Sau khi đã tìm được chỗ ẩn núp chắc chắn, những con mắt hiếu kỳ hay lo sợ cũng cố tìm mắt để nhìn cho được sự việc sắp xảy đến.

Voi thấy bóng người đang trước, nó cong đuôi, thẳng vòi chống tai xông tới như vũ bão. Các vị đệ tử thấy cơ nguy mới bạch với đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con voi Nalagiri nó có tánh hung dữ và thù ghét loài người ã đến nơi kia! Đức Phật vẫn thản nhiên dạy rằng:

- Này các Tỳ-kheo, các người không nên sợ hãi. Không bao giờ một vị Chánh-giác phải chết vì một tai nạn ghê gớm như thế. Những đấng Như-lai chỉ tịch diệt khi thì giờ đã đến bằng cái chết tự nhiên và vẫn sống mãi trong tâm linh mọi người.

Trong khi ấy có tiếng bàn tán nhỏ to của mọi người đang ẩn núp. Những kẻ thiếu đức tin, u mê cho rằng: đó là một sự hy sinh vô lý, nên thốt ra những câu đầy mỉa mai:

- Chà, uống quá, vị Sa môn kia trẻ đẹp như thế mà lại hy sinh cho con voi hung dữ giết hại thì thiệt là một việc dại khờ.

Nhưng nhóm người có đủ đức tin hơn và hiểu biết Chơn lý đôi chút thì cho rằng: đó là một cuộc thử thách, sự tranh đấu giữa loài vật với vị Từ phụ của loài người.

Voi hung hăng đã phóng tới trước mặt đức Phật, mọi người phập phồng lo sợ. Nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đem tất cả lòng Từ bi vô lượng để đối lại với sự hung dữ của con voi. Voi như bị một sức thôi miên huyền bí, từ từ hạ vòi và quỳ ngay trước mặt Ngài. Đức Phật dịu dàng thoa vào đầu quy y cho voi và nói:

- Này voi ơi! Ngươi nên ăn ở hiền lành để đạt đến an vui chớ nên hung hăng như trước đây nữa. Voi như hiểu được lời Ngài, từ từ lấy vòi hút tất cả các bụi đã bám vào chân Ngài và rải lên khắp đầu nó như để chứng tỏ nó đã biết ăn năn và xin phục thiện. Đoạn cúi đầu đánh lễ Ngài rồi trở về chuồng cũ. Từ đó về sau voi Nalagiri trở nên hiền lành dễ thương. Và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho Đẻ Bà Đạt Đa biết hối hận! Vua Tần Bà Ta La biết trở về với Chánh Pháp.

Tâm Nhìn

Xưa có một vị Tỳ kheo, cất một cái am trên một sườn núi vắng vẻ để tu tập thiền định. Dưới chân núi là một con sông, có một con đò qua lại. Vị Tỳ kheo muốn hạ sơn hóa đạo phải đi qua chuyến đò ấy. Kẻ đưa đò là một bà lão trên 50 tuổi, còn khỏe mạnh.

Một hôm, khách qua sông ngạc nhiên thấy kẻ đưa đò không phải là bà lão nữa, mà là một thiếu nữ rất duyên dáng đẹp đẽ, dung nghi trang trọng, cử chỉ thanh cao. Hỏi ra mới hay rằng, người con gái ấy không biết người ở xứ nào, một ngày nọ, tới xin bà lão ở trọ và giúp bà một tay đưa khách qua sông. Thấy nàng xinh đẹp, lại đoan trang, lão bà vô cùng thương mến.

Từ đó, khách sang sông thăm thầy Tỳ kheo ngoạn cảnh mỗi ngày một đông. Có lẽ ai cũng thích qua đò để được ngắm dung nhan giai nhân và cái vẻ thướt tha mềm mại của tay ngà đưa mái chèo nhẹ trên mặt nước. Thầy Tỳ kheo thỉnh thoảng có việc phải hạ sơn, cũng qua đò. Nhưng có điều lạ, khi qua bên kia sông rồi, khách chỉ trả có một tiền, cô gái đòi thầy phải trả hai tiền. Vị Tỳ kheo ngạc nhiên hỏi tại sao lấy tiền đắt hơn. Cô gái cười nói: Mọi người qua đò chỉ có qua đò thôi. Còn thầy, ngoài việc qua đò, thầy còn ngắm tôi nữa nên phải trả gấp đôi. Không lý cãi cộ lời thôi với cô gái, vị Tỳ kheo đành phải chịu trả cho cô hai tiền.

Lần sau, có việc phải xuống núi. Vị Tỳ kheo bước xuống đò không dám nhìn cô gái mà úp mặt xuống lòng đò. Đến bến, mọi người lên trả tiền đò, đến lượt thầy, cô gái bắt trả gấp bốn lần. Thầy Tỳ kheo hỏi: Lần trước, cô bảo tôi qua đò nhìn cô nên phải trả gấp hai, nay tôi không hề nhìn cô mà chỉ úp mặt xuống đò, tại sao cô đòi gấp bốn lần? Cô gái nói rất trang nghiêm: "Mấy lần trước, thầy chỉ dùng mắt nhìn nơi mặt và bên ngoài của tôi. Hôm nay thầy dùng tâm và nhìn hết toàn thân bên trong của tôi nên phải trả gấp bốn lần. Nghe xong, thầy Tỳ kheo phát lên cười và hình như có sở ngộ. Ngoảnh lại cô gái đò đã biến đi đâu mất. Từ đó, chỉ còn bà lão đưa khách sang sông.

Trích trong "Truyện Cổ Phật Giáo", Minh Chiếu Suu tập, Tập 3, Thành Hội Phật Giáo TP. HCM ấn hành 1994, trang 87-88.

Mình Thương Ai Nhất

Phàm nói đến thương yêu thì những người được thương là cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em... Đó là những đối tượng được thương đứng hàng đầu mà không ai phủ nhận. Nhưng tại sao đây hỏi "mình thương ai nhất? " "Ai" mà mình thương nhất đó là nhân vật nào mà quan trọng đến thế? Trong kinh A Hàm có đoạn ghi: Một hôm vua Ba Tư Nặc hỏi phu nhân Mạt Lợi, "Trên đời này ái khanh yêu ai nhất? "

Phu nhân Mạt Lợi đáp: Dĩ nhiên, người thiếp yêu chính là bệ hạ.

Vua Ba Tư Nặc nói: Trẫm cũng đoán rằng khanh sẽ nói như thế.

Phu nhân Mạt Lợi mỉm cười: Tâu bệ hạ, nếu thánh thượng cho phép, thần thiếp sẽ nói khác đi một tí, nhưng xác thực hơn.

Vua Ba Tư Nặc bảo: Khanh cứ nói!

Phu nhân Mạt Lợi thưa: Tâu bệ hạ, người mà thần thiếp yêu quý nhất, chính là thần thiếp.

Vua Ba Tư Nặc ngạc nhiên: Sao? Mình lại yêu mình? Trẫm không hiểu khanh muốn nói gì?

Phu nhân Mạt Lợi thưa: Tâu bệ hạ, vì có ái trọng tự ngã mình, nên thần thiếp mới yêu thương bệ hạ, vì bệ hạ là người đem lại hạnh phúc cho cái tự ngã này.

Vua Ba Tư Nặc nói: Trẫm biết điều đó, nhưng vẫn chưa hiểu rõ ý của khanh.

Phu nhân Mạt Lợi dè dặt: Tâu bệ hạ, thần thiếp mạn phép nêu ra một câu hỏi, "Trên đời này bệ hạ yêu thương ai nhất? "

Vua Ba Tư Nặc cười: Ái khanh chứ còn ai!

Phu nhân Mạt Lợi hỏi tiếp: Giả sử thần thiếp yêu thương một người đàn ông khác thì bệ hạ sẽ làm gì?

Vua Ba Tư Nặc lúng túng: À, trẫm sẽ... trẫm sẽ...

Phu nhân Mạt Lợi tiếp lời: Bệ hạ sẽ nổi trận lôi đình, chém đầu thần thiếp ngay lập tức phải không?

Vua Ba Tư Nặc giả lả: Khanh hỏi rắc rối quá! Rắc rối thật!

Phu nhân Mạt Lợi hỏi: Tâu bệ hạ, có đúng thế không ạ?

Vua Ba Tư Nặc đáp: À... à...

Phu nhân Mạt Lợi hỏi dồn: Đúng, phải không bệ hạ?

Vua Ba Tư Nặc im lặng giây lâu, nói: Có lẽ khanh nói đúng.

Phu nhân Mạt Lợi nói: Thế là bệ hạ đã đáp câu hỏi của thần thiếp rồi!

Yêu người ta nhất đời mà người ta yêu kẻ khác thì chặt đầu. Như vậy có yêu nhất đời chưa? Nếu yêu nhất đời thật, thì dù người ta có thương ai khác, mình cũng vẫn thương người ta. Đằng này người ta không thương mình thì mình chặt đầu, vậy thương đó là qua ai? Thương đó là vì mình! Mình chỉ thương mình thôi! Tất cả mọi đối tượng mà mình thương mến đều vì mình mà mình thương, thương người qua tự ngã của mình đó vậy.

Hôm sau vua Ba Tư Nặc xa giá đến tinh xá Kỳ Viên thăm Phật, và trình bày câu chuyện đối đáp giữa vua và hoàng hậu. Phật xác nhận ý kiến của phu nhân Mạt Lợi qua bài kệ như sau:

Tâm ta đi cùng khắp

Tất cả mọi phương trời

Cũng không tìm thấy được

Ai thân hơn tự ngã

Đi tìm khắp phương trời

Cũng không tìm đâu thấy

Ai thân hơn tự ngã

Vậy ai yêu tự ngã

Chớ hại tự ngã người

Đó là lời xác nhận của Phật: Chúng sanh yêu tự ngã mình hơn hết. Đa số người đòi thương tự ngã mình hơn hết mà không biết, cứ nghĩ thương người này hết lòng, thương người kia hết lòng. Hoặc giả có biết mình thương tự ngã mình cũng không can đảm nói thật, nói gạt thiên hạ là mình thương chúng sanh, chớ đích thực mình thương mình là gốc

Ba Câu Hỏi Của Đức Vua

Có bao giờ bạn thấy rằng dù chung sống với bao nhiêu người, ta vẫn cô đơn như một mình, dù nói chuyện huyên thuyên suốt ngày, mà mình vẫn như câm nín? Ngày trôi qua như mơ, đêm đến tràn mộng mị.

Quyển truyện này được soạn ra từ những cơn mơ bất kể đêm ngày như thế, là lời độc thoại của kẻ chiêm bao tự nói với mình hơn là độc giả.

Thiền Viện Viên Chiếu 06 tháng 8 Nhâm Tuất 1982

Như Thủy

Thuở xưa, có một vị vua thuộc vào hàng minh quân, ngài thương dân như con đẻ, nhưng dù là minh quân, ngài vẫn không sao tránh được một ít lỗi lầm đáng tiếc.

Lúc tuổi đã cao, nhà vua nghĩ rằng già mà thời niên thiếu, ngài được các bậc hiền tài chỉ dẫn cho ba điều thắc mắc sau đây thì có lẽ ngài sẽ tránh được rất nhiều khuyết điểm. Đó là những nghi vấn sau:

1. Thời gian nào là quan trọng nhất của một công việc?
2. Nhân vật nào cần chú ý nhất đối với ta?
3. Công việc nào là tối quan trọng và khẩn thiết nhất?

Đức vua cho nêu ba câu hỏi trên trước hoàng thành, truyền rao khắp các thị trấn, làng mạc... và hứa sẽ trọng thưởng cho người nào có lời giải đáp khôn ngoan nhất. Bớ cáo vừa được niêm yết thì các bậc hiền tài tuần kiệt, thạc học minh triết lũ lượt kéo nhau về kinh thành, mỗi người đưa ra một ý kiến. Triều đình phải thành lập một ban giám khảo, các quan thị lang làm việc tận lực suốt hai tháng liền mới đúc kết các khuynh hướng thiên sai vạn biệt thành một vài trường phái nhất trí và dâng lên đức vua, vị chánh chủ khảo tối cao cả nước.

Đáp lại câu hỏi đầu tiên, có người bảo rằng: muốn biết thời gian nào là quan trọng nhất của một công việc, người ta phải thiết lập chương trình, kế hoạch, thời dụng biểu hẳn hoi. Xong, ta sẽ thực hành diễn tiến công việc theo những thời điểm qui định sẵn đó... Nhưng ý kiến này liền bị nhà vua bác bỏ vì không có ai có thể tiên đoán được những điều sẽ xảy ra mà lập một khuôn mẫu sẵn, công việc đòi hỏi phải linh động mới được.

Có trường phái lại cho rằng một người không thể khôn ngoan hơn tập thể. Đức vua nên thành lập một nội các gồm nhiều đại biểu để soạn thảo kế hoạch trước khi thi hành và làm theo quyết định chung.

Một trường phái khác lại đề nghị đức vua cần thành lập một hội đồng tiên tri để xử quẻ trước khi thực thi một công việc...

Như thế, đại để mọi người đều đồng ý với nhau rằng: Thời gian quan trọng nhất của công việc là thời gian chuẩn bị, nghĩ suy về công việc ấy.

Về câu hỏi thứ hai, người ta càng bất đồng ý kiến với nhau: Thượng Đế, đức vua, quan tể tướng, các giáo sĩ, bốc sư v. v... được đề nghị là những nhân vật quan trọng nhất.

Câu hỏi thứ ba cũng được giải đáp trong một tình trạng tương tự - công việc nào phải được xem là quan trọng nhất - thưa: đó là việc nước, việc nhà, việc ăn, việc mặc, học hành, giao tế, tâm linh, hành chánh, kinh tế, quân sự hay là tôn giáo... các đề mục đều được các khối óc khôn ngoan tinh tế nhất đề cập tới.

Và vị chánh chủ khảo tức là vua ấy không chấp nhận câu giải đáp nào cả. Nhiều năm trôi qua, ba câu hỏi dần dần rơi vào quên lãng... Cho đến một hôm, nhà vua nghe đồn rằng ở trên một đỉnh núi phủ đầy mây nọ, có một đạo sĩ coi là bậc giác ngộ, nhưng vị chân tu này không bao giờ chịu hạ sơn để giao tiếp với các nhà quyền quý. Tiếng đồn về đạo sĩ khiến đức vua chú ý và một hôm, ngài quyết định cải dạng thường dân đến tham vấn vị ẩn tu.

Đến nơi, nhà vua gặp đạo sĩ đang cuốc đất. Vua vái chào và nêu lên ba câu hỏi. Đạo sĩ chỉ mỉm cười, đưa tay vỗ nhẹ nhà vua rồi tiếp tục công việc. Đã được báo trước về tánh khí lạ thường của đạo sĩ, đức vua không nản lòng, ngồi xuống một tảng đá chờ đợi. Hồi lâu, buồn tay, đức vua mời đạo sĩ nghỉ tay, trao cuốc cho vua làm giúp. Nhiều giờ trôi qua, đức vua vẫn xới đất, còn đạo sĩ thì nhỏ cỏ quanh quần bên lều tranh. Khi đôi tay vương giả bắt đầu chai phỏng, đức vua ngừng cuốc nghỉ mệt giây lâu và nói với đạo sĩ:

- Tôi từ xa lặn lội đến đây, cầu Thầy chỉ giáo cho ba điều nghi vấn. Nếu Thầy biết thì xin vui lòng chỉ dẫn cho. Bằng không cũng xin cho tôi biết để tôi trở về kéo tới.

Đạo sĩ mỉm cười, định nói câu gì đó, thì chợt cả hai người cùng nghe tiếng chân chạy dồn dập. Nhà tu bảo đức vua:

- Bác xem ai đến kìa!

Nhà vua quay lại thì thấy một người vừa ngã quy xuống đất, toàn thân nhuộm máu. Hai người già không ai bảo ai, đều hối hả đến bên người bị nạn. Nạn nhân chỉ còn thở thoi thóp. Vua phụ lục với đạo sĩ băng bó các vết thương... Hai người im lặng làm việc cho đến lúc ngừng tay thì mặt trời đã lặn ở đỉnh núi bên kia. Đưa nạn nhân vào thảo am đặt người bệnh trên chiếc chõng tre độc nhất của căn lều, họ chia nhau mấy củ khoai rừng luộc và vì quá mệt, đức vua ngã mình xuống nền đất thiếp đi.

Sáng hôm sau, khi nhà vua giật mình thức giấc thì nắng đã nhuộm hồng chiếc thảo am, và chim rừng kêu rộn rã. Đức vua phải bàng hoàng hồi lâu, mới nhớ rõ mình đang ở đâu và làm gì... Đạo sĩ đã đi làm vườn, sau khi đặt một rổ khoai luộc bên cạnh ông khách. Trên chõng tre, nạn nhân đã hồi tỉnh và đang nhìn đức vua bằng cặp mắt long lanh. Đức vua đến bên người bệnh, đặt một bàn tay lên vầng trán nóng như lửa của anh ta và cất tiếng hỏi thăm bệnh tình... Nạn nhân bỗng òa lên khóc:

- Xin bệ hạ tha tội cho ngu thân...

Vô cùng ngạc nhiên, đức vua hỏi:

Khanh là ai mà lại biết Trẫm?

Bệ hạ không biết thần đâu! Hạ thần chính là em trai của võ tướng Trần Đoàn, người bị bệ hạ giết oan trong mùa thu năm Tân Dậu. Thần đã thề trước linh cữu anh là sẽ giết bệ hạ để báo thù... Biết bệ hạ lên núi này, thần mai phục sẵn. Không ngờ, đợi đến tối mà bệ hạ vẫn chưa xuống núi, thần liền đi tìm... và bị trượt chân té xuống triền núi. Nếu không nhờ bệ hạ ra tay cứu chữa thì có lẽ thần đã mất mạng. Từ đây oan cừ xin giải hết... Thần cúi mong bệ hạ tha tội chết cho thần.

Câu chuyện đáng tiếc năm xưa đã làm ta hối tiếc không nguôi... Nhưng việc đã dĩ lỡ rồi Trẫm không biết tính sao. Bây giờ chẳng những Trẫm sẽ tha tội cho Khanh mà Trẫm còn phục hồi chức tước và chu cấp cho gia đình Trần Đoàn nữa. Khanh hãy yên tâm mà tịnh dưỡng đi.

Đức vua ra hiệu gọi vệ sĩ đến, cho khiêng nạn nhân xuống núi và vờn ngự y chăm sóc vết thương. Sắp xếp đầu đó xong xuôi, vua đi tìm đạo sĩ. Nhà tu đang lúi húi trồng rau trên vạt đất mới cuốc hôm qua. Đức vua ngỏ ý cáo tử và lập lại ba câu hỏi:

- Xin đạo sĩ giải đáp cho.

Nhà tu mỉm cười:

- Bản đạo đã trả lời cho bệ hạ rồi...

Đức vua ngạc nhiên:

Thưa, hỏi nào đâu?

Ngay lúc bệ hạ vừa nêu câu hỏi.

! ??

Này nhé, thời gian nào là thời gian quan trọng nhất, đó là lúc bệ hạ cuốc đất giúp bản đạo. Nếu thiếu khoảng thời gian này thì bệ hạ đã chết về tay anh chàng kia rồi nhé! Nhân vật quan trọng nhất chính là bản đạo đây, quan trọng đến nỗi bệ hạ phải trèo non lội suối đi tìm, có phải không? Và câu thứ ba: "Công việc nào cần thiết nhất" - Thưa đó là cuốc đất, việc mà hai chúng ta đã làm ngày hôm qua...

Rồi sau đó, khi chàng thanh niên xuất hiện thì anh ta biến thành nhân vật quan trọng nhất, công việc cần thiết nhất là cứu cấp cho anh ta, và thời gian đó quan trọng nhất... Có phải thế không nào?

Nhà vua cúi đầu ngẫm nghĩ giây lâu, cất tiếng:

- Thưa đạo sĩ, Trẫm đã hiểu. Thời gian quan trọng nhất là thời gian hiện tại. Nhân vật cần thiết nhất là người mà ta cần gặp gỡ trong hiện tại, và công việc khẩn thiết nhất, cũng là công việc trong hiện tại... Quá khứ là những điều đã qua vĩnh viễn, vị lai chỉ là những ảo tưởng mơ hồ... Chỉ có khoảnh khắc ngắn ngủi trong hiện tại là quý nhất mà thôi. Những điều cần làm nhất là giúp đỡ người chung quanh ngay trước mắt ta trong giây phút ngắn ngủi quý báu đó... Thưa, có phải thế không ạ?

Đạo sĩ mỉm cười, và nụ cười đó thay lời tống biệt, đưa nhà vua xuống núi, nơi mà triều đình và

thần dân đang chờ đón ngài.

EM THÂN MẾN,

Hiện tại là cái khoảnh khắc ngăn ngại mà chúng ta luôn luôn bỏ quên vì nỗi lo hoài bão về tương lai, tiếc thương cho quá khứ. Không ngờ đó lại là thời gian quan trọng nhất. Chư Tổ Thiển Tông cũng dạy chúng ta rằng: Việc qua rồi chẳng nhớ, việc chưa đến chẳng lo, việc hiện tại chớ đem lòng vọng tưởng.

Lời dạy này cũng đồng nghĩa với câu giải đáp của đạo sĩ trên. Nếu chỉ sống với giây phút hiện tiền, thì dù ta đang gánh nước, bửa củi, uống trà, mặc áo, ăn cơm... tất cả những chuyện tầm thường nhất, không hành vi nào mà không phải là đạo. Nhưng điều thú vị nhất của câu chuyện trên là lời giải đáp cho câu hỏi thứ ba: "công việc nào là cần thiết nhất". Thưa: đó là giúp đỡ những người chung quanh ta, cũng ngay trong hiện tại.

Trong cuộc sống hàng ngày, mãi lo ngong ngóng đến tương lai, chúng ta thường bỏ quên hiện tại. Có lẽ vì mãi nghĩ đến chúng sanh mình sẽ độ sau này (khi đã thành Phật hay Bồ Tát chính hiệu), nên em không thấy được rá rau của người bạn tri nhật đang hối hả lật cho kịp giờ cơm, quên luôn nền nhà đầy rác đang cần quét, chiếc ly uống nước đầy cáu bẩn v. v... Tương lai đã che khuất khiến em không thấy được người bạn đồng tu của mình đang nhể nhại mồ hôi, đầu tắt mặt tối vì công việc. Và điều này khi nói ra e làm em bất bình. Nhưng tôi xin chân thành xin lỗi em trước, cũng như tôi đã sám hối và ân hận mãi vì đã có một thời - tôi và em - những người mãi miết lo nghĩ đến tương lai, đã biến chuyện tu hành của mình thành một gánh nặng cho bè bạn. Và chúng ta đã đặt tên cho những hành động lạ lùng đó bằng các danh từ thật kêu như: "hạ thủ công phu", "giải quyết sanh tử", "miên mật tu hành", v. v... và v. v...

Hỡi ôi! Tại sao trong hiện tại chúng ta nhẩn tâm lợi dụng sức lao động của bạn bè mình, để làm một bàn đạp tiến thân, tiến đến quả vị Phật, Tổ... là những quả vị không còn dấu vết của bản ngã và những phụ tùng của nó là tham, sân, si! Chúng ta thân nhiên nhắm mắt làm ngơ trước những công việc cần thiết cấp bách cho mình và cho người chung quanh, để chỉ lo thực hiện cho kỳ được những hoài vọng của cái bản ngã đa sự của chính mình, với một lời hứa hẹn trấn an lương tâm là: "Chùng nào thoát nhiên đại ngộ, hay thành Phật chẳng hạn, tôi sẽ độ cho quý vị hết trơn, hết trội" và chúng ta sẽ nhủ thầm rằng: "Còn bây giờ quý vị nên làm công quả cho tôi... chuyện tu hành khó khăn dữ lắm, cần phải có những căn cơ siêu việt mới có thể đảm đương nổi (như tui đây chẳng hạn)... chùng nào cuộc thí nghiệm của tui thành công, công lao của quý vị sẽ được đền bù gấp trăm, gấp nghìn lần..."

Em thân mến,

Trong kinh Kim Cang, Ngài Tu Bồ Đề có hỏi Phật rằng: "Những người thiện nam hay thiện nữ khi đã phát tâm vô thượng bồ đề rồi thì làm sao hàng phục được tâm mình?" Ngài đã đại diện cho chúng ta, nêu lên cái nguyện vọng, nỗi băn khoăn nghìn đời là: "Làm thế nào để con được thành Phật?" Câu trả lời của đấng đạo sư đã khiến ta bối rối hết sức:

- Con nên độ cho hết thầy chúng sanh vào Vô Du Niết Bàn mà không thấy có một chúng sanh được diệt độ... Câu đáp trở thành khó hiểu khi chúng ta ngỡ rằng "thành Phật" tức là thành một

"đấng" gì đó cao hơn hết thảy chúng sanh, một "khối" gì đó... chẳng hạn... Còn nếu chúng ta chỉ hiểu một cách giản dị rằng: Phật chính là sự giác ngộ, thì thành Phật tức là thành một chúng sanh giác ngộ. Nhưng giác ngộ cái gì mới được chớ?

- Thưa, giác ngộ rằng "bản ngã" không thật, không bền, không có...

Nỗi bận tâm duy nhất và tha thiết nhất của chúng ta là cái "bản ngã" của chính mình... Từ lâu, chúng ta mê mải tìm cầu ngũ dục, cho nó hưởng thọ... Không ngờ, cái dư vị của ngũ dục quá đắng cay khiến chúng ta đâm hoảng và thay vì si mê, tham đắm ngũ dục chúng ta lại xoay qua mê tu, tham đắm Niết bàn, giải thoát. Đối tượng có thay đổi nhưng lòng tham lam, tính toán vẫn còn đó. Ngày xưa, chúng ta bon chen, thủ lợi, giành giật ngũ dục ra sao, thì bây giờ ta cũng tính toán để tóm cho bằng được cái Niết bàn, hay quả Phật hết như vậy.

Thế nên, nếu đức Phật đưa ra một đường lối, một phương pháp để đạt Niết bàn thì chúng ta sẽ chịu lắm! Ta sẽ sẵn sàng hy sinh tất cả... để giật cho được cái Niết bàn lè lẹ kéo... thiên hạ phủng tay trên. Vì thế, câu trả lời của đức Từ Phụ đã làm cho chúng ta chung hưởng và thất vọng biết là bao! Hỏi làm cách nào để được giải thoát, Ngài lại bảo: "Hãy lo độ sinh đi thì tức khắc tâm con được an". Tâm an tức là giải thoát.

Bát Báu Của A Tu La

Tương truyền rằng A Tu La là một loài chúng sanh ở khoảng giữa loài người và loài trời. Nam A Tu La thì hung bạo xấu xí, còn nữ A Tu La thì trái lại cực kỳ xinh đẹp.

Các tôn giả A Tu La cũng có phước báo như chư Thiên, nghĩa là không phải lao động vất vả như chúng ta mà vẫn có ăn. Mỗi A Tu La đều có một chiếc bát báu. Đến giờ ăn, tùy theo phước báo của từng A Tu La mà thức ăn hiện ra trong bát báu, màu sắc và hương vị khác nhau, không có ai có thể ăn ké của ai được hết.

Điểm đặc biệt của dân chúng A Tu La là họ rất dễ nổi giận. Vì vậy, mà hầu hết đàn ông con trai A Tu La đều dùng thì giờ rảnh rang để đánh lộn với chư Thiên, thay vì trồng trọt, mua bán như loài người. Phụ nữ A Tu La thì không bận nấu nướng giặt giũ, tề gia nội trợ như phụ nữ của loài người, nên rất ư là diễm lệ.

Nhưng mà... áy chú! Xin các tôn giả loài người chớ nghe nói thế mà phát nguyện xin về thế giới của A Tu La.

Cũng theo tương truyền, chiếc bát báu của loài A Tu La là một vật dụng kỳ dị, nghĩa là trong giờ ăn, khi các tôn giả A Tu La "xực phần" một cách ngon ơ... thì bỗng dưng thức ăn của họ biến thành đồ bất tịnh, đầy dẫy những bùn đất, dòi bọ... Vì thế, các A Tu La cảm thấy nhàm chán, thống khổ kịch liệt khi khám phá ra mình đang ngậm và nhai những của quý ấy.

Như thế, loài A Tu La chỉ ăn được có nửa bát báu mà thôi. Nếu kẻ nào húp đến cạn tàu ráo máng thì không sao tránh khỏi tình trạng trên.

Lời Bàn

Em thân mến, truyền thuyết trên đây hư thật thế nào chúng ta chưa rõ được, nhưng em có nhận thấy rằng, loài người chúng ta cũng chỉ hưởng được có một nửa hạnh phúc trần gian, hết như chiếc bát báu của loài A Tu La chẳng?

Từ lúc chúng ta chào đời, thân bằng quyến thuộc đầy đủ, nhà cửa sung túc, cầu được ước thấy... , đó chính là nửa bát trên. Và nếu phần trên ngon ngọt dễ chịu bao nhiêu thì phần dưới lại cay đắng ê chề bấy nhiêu. Đó chính là lúc chúng ta vất vả khóc than chôn cất hết người thân này, đến người thân khác. Đó cũng chính là lúc mà chúng ta phải đối diện với cái già, cái chết, cùng những tai biến thành linh xảy đến. Cũng giống hết như loài A Tu La, chúng ta không biết phải nên dùng đũa lúc nào để khỏi ăn nhầm đồ bất tịnh.

Mỗi lần vớ được ngũ dục là chúng ta hưởng thụ một cách mê ly, cho đến bao giờ bị chúng làm cho đau khổ kịch liệt, nuốt không xong mà nhả chẳng ra... đợi đến lúc ấy, chúng ta mới chịu dùng đũa thì ôi thôi, quá muộn rồi!

Các thứ tình đời, tình bạn, tình yêu... đều là những món nhấm khó chịu như thế cả, em có thấy vậy không? Hãy thử nhìn các cặp tình nhân mới yêu nhau thì biết; khoe mắt, làn môi, giọng cười, tiếng nói... của họ đều biểu lộ một niềm hỷ lạc, hạnh phúc sung mãn tràn trề. Đó là nửa bát trên. Và sau đó, em hãy cố gắng nhìn tiếp, khi họ bắt đầu hần học, tru tréo, chửi rủa, đánh

đập... tìm đủ cách hành hạ nhau cho thỏa tức, đó là nửa bát dưới.

Điều oái oăm nhất là loài người chúng ta cũng như loài A Tu La, không ai tìm được ranh giới phân chia giữa khoái lạc và đau khổ để có thể dừng lại kịp thời. Trong lúc đang hưởng hạnh phúc, nếu có ai ngăn cản, bắt chúng ta dừng lại, đương sự sẽ đòi... uống thuốc tự vận ngay! Và thật là tội nghiệp, khi người ta đang phản đối âm ỉ, tìm đủ trăm phương ngàn kế để tiếp tục hưởng món ăn ngon thì... dùng một cái, thức ăn hoá thành độc dược!

Nhận chân được điều đó, đức Phật khuyên chúng ta rằng: "thọ là khổ", nghĩa là cảm giác nào cũng khổ hết, kể cả cảm giác gây khoái lạc, vì bản chất của chúng ta là sinh diệt vô thường. Và Ngài cũng dạy chúng ta rằng chỉ nên thọ dụng khi có nhu cầu cần thiết, cốt sao cho diệt được thọ khổ, mà đừng để nảy sinh thọ lạc, nghĩa là nên dừng lại cho kịp thời. Nhưng dừng lại nơi đâu nhỉ? Thưa, ở nơi nào chúng ta thấy có đấm trước, triu mến, lưu luyến... thì phải một, hai, ba ngừng ngay lập tức. Nguyên tắc thì như thế đó, nhưng khi thực dụng thì còn tùy theo sự khôn ngoan, mê hay tỉnh của từng người. Nhưng mà có rất nhiều chúng sanh đã từng nguyện rằng: "thà sống bên nhau để được gây gổ đánh đập hoài hoài, còn hơn là cô đơn góa lẻ... !" nghĩa là họ tình nguyện nốc chén của mình cho đến giọt cuối cùng đó, em ạ!

Chuyện Âm Phủ

Tại âm phủ, một hồn ma đang quỳ đối chất trước Diêm chúa, giữa hai vị công an của diêm phủ là Ngưu Đầu và Mã Diện.

Diêm chúa ngồi trên chín bệ đồng dặc ra lệnh:

- Phán quan đầu, đọc hồ sơ lý lịch của tên này xem!

Phán quan liền cất giọng đọc, rõ ràng và chậm rãi:

- Trần văn Trụi, 82 tuổi, du thủ du thực, vô gia cư lẫn nghề nghiệp, trúng gió chết tại chợ Bến Thành.

Hồn ma lễ phép đưa một tay xin góp ý:

- Muôn tâu Diêm chúa, cho con được phép cải chính.

- Hử?

- Thưa, con đúng tên là Trần văn Trụi thật, nhưng mới 28 tuổi chứ không phải là 82 tuổi đâu ạ!

- Sao? Phán quan... , hấn nói thế đúng không?

Phán quan giật mình, kéo áo lau kính, xem lại sổ bộ, ấp úng:

- Dạ... dạ...

- Đúng hay sai chớ dạ cái gì?

- Bẩm đúng ạ!

- Chèn đét ơi! Mấy người làm ăn kiêu này thì chết tôi rồi... Ngưu Đầu đâu?

- Dạ! Có con đây ạ.

Mau lên giữ xác nó, kéo người ta đem chôn bây giờ. Tại sao mà ra có sự như vậy hử?

Ngưu đầu vội vã ra đi. Phán quan gãi đầu ấp úng:

- Dạ... dạ tại mới mua chiếc kính, nhìn chưa quen mắt, nên ngu thần đọc nhầm 28 thành 82 ạ... xin Thánh thượng bớt giận, thần sẽ đi thay kính lập tức.

- Nó sống đến bao nhiêu tuổi?

- Muôn tâu, .. . 82 tuổi ạ!

- Vậy thì chờ đợi gì nữa mà không dắt nó đi nhập xác?

Hồn ma liền xen vào:

- Muôn tâu Diêm chúa! Những tưởng nhân gian mới làm ăn bê bối... dè dặt... đây cũng vậy. Con đang đi ăn phở với người yêu trước chợ Bến Thành thì thấy hai cha nội nầy đến thộp cổ dắt đi... Có lẽ bây giờ người yêu của con uống thuốc chuột chết theo con rồi cũng không biết chừng.

Diêm vương hạ giọng:

- Thôi! "Thiên tai nhất thì" mới có một vụ lắm lần. Mũi đại thì lái chịu đòn... Ngươi cho ta xin lỗi vậy, về dương gian đi... vui vẻ nhé!

- Muôn tâu, xin Ngài hãy bồi thường thiệt hại cho con.

- Mi muốn gì? Giấy tiền vàng bạc nơi đây đâu thể đem về trần mà xài được.

- Thưa... con chỉ muốn xin rằng luôn tiện Ngài cho con liếc sơ qua cái phiếu lý lịch số ba, tức là cung tình duyên gia đạo của con ấy. Hiện con có lấy được người mình yêu và nàng có thành thật với con không ạ!

- A! Thằng nhãi... ! Biết trước vị lai để làm gì? Chẳng sướng ích gì đâu con ạ!

- Muôn tâu, nếu Ngài không bằng lòng, khi về dương gian, con nhất định sẽ làm âm lên về cái chuyện này, con sẽ...

- Tặc! Thằng ranh! Đừng có dở trò hăm dọa, ta không ngán mi đâu... mà thôi... Phán quan đâu?

- Dạ, có thần đây.

- Đọc phiếu số ba cho nó nghe đi!

- Vâng ạ! Phán quan liền lau kính trắng giọng đọc: "Trần văn Trụi, sinh ngày... tại Cao Lãnh, con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi. Đương sự có số công danh, khoa cử, thi đầu đậu đó. Năm 27 tuổi tốt nghiệp kỹ sư công chánh hạng bình được bổ nhiệm về Sài Gòn. Năm 28 tuổi y cưới vợ là một hoa khôi ở Cầu Bông. Năm 29 tuổi làm trưởng ty Công Chánh ở Tây Ninh, năm 30 bị gọi nhập ngũ, gấn lon trung úy, năm 31 tuổi có con trai đầu lòng, năm 32 tuổi có con gái... năm 33 tuổi bị giạt mìn chết phanh thầy ở cầu Ông Phủ, nếu còn âm đức y sẽ thoát chết, chỉ gãy một chân và mù một mắt, vinh thăng đại úy rồi giải ngũ. Năm 40 tuổi... hai đứa con lớn của y bị chết ở Vũng Tàu, năm 45 tuổi bị sốt tê liệt, nằm nhà thương hai năm. Năm 50 tuổi, nhà cháy, vợ y hóa điên, năm 82 tuổi y mất trí nhớ, du thủ du thực đi xin ăn lẫn quần ở các chợ, Cầu Muối, Bến Thành rồi trúng gió chết... "

Phán quan đọc xong, hồn ma tháo mồ hôi hột, đứng chết sững, Diêm Vương thúc:

- Sao? Đủ chưa... xong rồi đó. Đi đi cha nội...

Hồn ma vẫn còn chần chờ.

Phán quan hỏi:

- Lè lè lên! Ở đó mà kêu ca hoài, cái xác mi mà sinh lên thì chỉ còn nước đem chôn.

Trần văn Trụi đáp một cách xuôi xì:

- Bẩm! Hay là để cho thiên hạ chôn quách đi cho rồi!

Em thân mến

Biết rõ vị lai không phải là một chuyện dễ chịu cho lắm. Hèn chi mà Phật và chư Tổ thường căn dặn chúng ta rằng: "Trong khi tu nếu chưa sạch phiền não mà rủi ro có được thần thông, biết được quá khứ vị lai thì phải buông bỏ cho lè lẹ kẻo phải lâm vào cảnh ngộ như chàng Trần van Trụi trên đây!

Ba Bà Hoàng Hậu

Ngày xưa, ngày xưa, có một ông vua trẻ. Đức vua cai trị một vương quốc giàu có, xinh đẹp, nhưng đẹp nhất có lẽ là ba bà hoàng hậu của đức vua.

Ba vị hoàng hậu này vừa có sắc lẫn có tài, nên cả ba đều được đức vua sủng ái như nhau, " Mỗi người một vẻ, mười phần vẹn mười". Cho đến một hôm, nhà vua bỗng nảy ra một ý nghĩ: Trong ba mỹ nhân này thế nào cũng có một người tuyệt diệu hơn hai người kia, nhưng ta không tài nào nhận ra được, có lẽ vì mình nhìn mãi nó quen mắt đi chăng? Hay là ta hỏi ý kiến bọn cung phi vậy".

Đức vua bèn mở cuộc trưng cầu dân ý tại hậu cung để tìm xem trong ba mỹ nhân ai là người đẹp nhất. Kết quả cũng không lấy gì làm sáng sủa cho lắm, vì ai cũng cho rằng cả ba vị hoàng hậu đều đẹp ngang nhau. Kể tám lạng, người nửa cân vậy.

Nhà vua lại đem nội vụ ra bàn với đình thần. Kết quả cũng tương tự như trên. Quan tể tướng khuyên đức vua nên dừng cuộc giảo nghiệm lại, vì e nó chẳng ích lợi gì mà đôi khi mang đến hậu họa khó lường được.

Thay vì nghe lời khuyên sáng suốt của vị trung thần lão thành ấy thì đức vua của chúng ta lại nổi cơn thịnh nộ, truyền lệnh cho quan tể tướng phải giải quyết cho xong công việc trong vòng ba hôm. Sau một lúc im lặng, quan tể tướng kính cẩn tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ rằng, bọn hạ thần chỉ sở trường về chuyện cung kiếm văn thơ, còn chuyện đẹp xấu tướng hảo ra sao thì chắc phải nhường cho các vị bốc sư nổi tiếng. Hay là bệ hạ cho vời y vào, y sẽ phân biệt rõ ràng hơn không?

Nhà vua nguôi giận. Một ông thầy bói được lập tức triệu vào cung để chiêm ngưỡng dung nhan ba người đẹp. Vị bốc sư không chịu cho biết kết quả ngay mà xin khất lại ngày hôm sau để về "tra tự điển" lại.

Lão bốc sư đi rồi, quan tể tướng bèn tâu nhỏ với đức vua:

- Muôn tâu thánh thượng! Hạ thần trộm nghĩ rằng quý đức bà, mỗi người có một vẻ đẹp riêng, tùy theo nhãn quan và sở thích của từng người. Ý kiến của chúng thần có thể bất đồng nhau, nhưng vì sợ uy quyền của quý đức bà, nên bọn hạ thần không dám nói lên ý kiến của mình mà chỉ kết luận chung chung rằng, cả ba đức bà đều tài sắc như nhau. Nếu thần không lầm thì lão bốc sư này cũng lâm vào một tình thế khó xử như bọn hạ thần, nên lão mới xin khất lại vào ngày mai đó thôi.

- Thế thì khanh giải quyết bằng cách nào?

- Muôn tâu! Ngu thần có một kế mọn là bệ hạ giả mạo bức thư, ký tên của ba đức bà, hẹn lão ấy đến ba địa điểm riêng. Nếu y đến địa điểm nào thì đức bà ấy sẽ là người đẹp nhất.

- Hay lắm, khanh hãy thi hành ngay cho trẫm.

Ba bức thư tức tốc được gửi đi và lão bốc sư đi đến chỗ hẹn với bà hoàng đẹp nhất.

Đức vua truyền lệnh chém đầu lão thầy bói... Và từ đó ngài đặc biệt sủng ái vị hoàng hậu vào chung kết này.

Hai bà hoàng hậu còn lại vô cùng tức tối, họ âm mưu với nhau dùng độc dược giết chết bà hoàng hậu đẹp nhất.

Chuyện bại lộ, đức vua truyền lệnh xử tử luôn hai bà hoàng hậu còn lại.

Ba vị hoàng hậu xinh đẹp nhất nước đều chết hết, đức vua còn lại một mình để thấy hoàng cung sao mà trống trải lạnh lẽo, bất kể Xuân Hạ Thu Đông.

Lời bàn:

Em thân mến!

Vạn pháp trên thế gian này, mỗi pháp đều có một đặc tính riêng, nhưng khi chúng ta bắt đầu "ưu tiên một" cho pháp nào, tức là để tâm vào nó, thì sự việc bắt đầu trở nên rắc rối. Có lẽ vì vậy mà đức Phật thường khuyên chúng ta là hãy để yên cho các pháp trụ ở bản vị của nó. Chớ xen vào phân biệt để tự chuốc khổ cho mình và làm di họa cho người chung quanh.

Cũng thế, trong cuộc tương giao với bạn bè lân cận, mỗi người bạn của chúng ta đều mang một cái tính riêng biệt, chiếm một vị trí, cách thế khác nhau, chẳng ai giống ai. Và chúng ta cũng khó mà kết luận rằng ai quan trọng hơn ai. Mùa Xuân có hoa lan, mùa Thu có hoa cúc, mỗi loài hoa đều có hương sắc riêng của nó, không thể nào bắt loại hoa này phải bắt chước hoa kia được. Em có thấy rằng số phần rủi ro luôn luôn đến với người mà chúng ta đặc biệt ưu ái hay không?

Vậy thì, ta có nên ngu muội đem cái ý thức phân biệt của mình xen vào các mối tương giao ấy, để cảm thấy cuộc đời này sao mà lạnh lẽo bất kể bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông hay không?

Bảng Chỉ Đường

Tu viện ở cách xa đường tráng nhựa, tận cùng trong một thôn xóm hẻo lánh, nên khách thập phương đến viếng chùa thường ngao ngán và bị lạc đường, vì lối vào chùa là một con đường có nhiều ngã ba.

Theo lời yêu cầu của nhiều người, Chư Sư cho cấm các bảng chỉ đường tại các lối rẽ.

Từ khi có bảng chỉ đường, số người lạc đường lại tăng lên gấp bội, ngay cả những người đã đến chùa nhiều lần. Chư Sư ngạc nhiên nên mở cuộc điều tra... thì ra các chú mục đồng tinh nghịch đã thừa lúc vắng người, đem bảng chỉ đường cấm sang lối khác.

Chư Sư liền mang tám bảng chỉ đường về chùa cất.

Em thân mến!

Tám bảng chỉ đường vẫn còn đó, chữ đẹp và rõ ràng trên nền sơn còn mới. Nhưng lại bị một bàn tay chơi xấu hướng về một lối đi sai... thì phải được dẹp bỏ gấp. Vì chẳng những nó đã không làm tròn bổn phận, mà còn làm sai lạc cho những người quen lối nữa. Trong trường hợp ấy, duy trì bảng chỉ đường là một điều ngu xuẩn, em có thấy như thế không?

Vậy thì em đã hiểu rõ tại sao tổ Bồ Đề Đạt Ma, người khai đường cho Thiền Tông Trung Hoa đã tuyên bố: "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật".

Thiền Tông không câu nệ vào văn tự kinh điển, không phải vì Chư Sư xem thường lời Phật dạy. Nhưng trong trường hợp này, kinh điển giống như những tám bảng chỉ đường, đẹp và rõ ràng thật đấy... song đã bị những bàn tay tinh nghịch đổi chỗ mất rồi... thì đành phải "truyền riêng ngoài giáo vậy". Em có thấy như thế không?

29. 04. 1985

Bà Chúa Xứ

Thuở xưa, có một anh chàng xấu xí, con nhà nghèo, thất học, phải sinh sống bằng nghề khuân vác mướn ngoài chợ. Người ta gọi anh bằng "Thằng Bu".

Bu làm việc siêng năng, giỏi giã, nên cuộc sống của anh không lấy gì làm chật vật cho lắm. Có điều anh rất buồn, khi chung quanh chẳng có ai coi trọng, nể vì anh hết. Cũng như hầu hết mọi người, anh cũng thèm thuồng quyền uy, lòng ái mộ, khát ngưỡng của đồng loại. Mặt mũi anh đã không thuộc loại đẹp trai, anh lại không có một làn hơi thiên phú để ca vọng cổ hay tân nhạc nên anh không thể tiến thân bằng con đường văn nghệ. Anh lại tứ cố vô thân, không tiền của nên khó mà mua danh vọng chức tước. Chữ nghĩa thì lại chẳng bằng ai... Vậy thì phải làm cách nào cho thiên hạ ngán mình đây? Suy nghĩ suốt ngày đêm, chàng Bu chợt nảy ra một sáng kiến.

Một hôm, sau vài ly ba xi đế, Bu đến ngồi trước miếu bà Chúa Xứ, một vị thần không được thiêng cho lắm, nên nhang tàn khói lạnh, mỗi năm chỉ được người ta cúng cho một lần.

Bu đến trước cửa miếu, ngồi lắc lư, ợ ngáp liên hồi... ban đầu chỉ có bọn trẻ con tụ tập xung quanh anh, sau đó có các bà con vô công rồi nghề, dần dần có đến cả hội đồng bô lão của làng nữa. Người ta nhìn nhau thì thầm: "Bà về! Bà về".

Vài mụ đàn bà góp ý, vàng hương hoa quả được mang đến, và chàng Bu nghiễm nhiên thành cái xác của bà Chúa Xứ. Từ đó, Bu không còn phải đi khuân thuê vác mướn nữa, người ta gọi anh bằng "Bà" bằng "Ngài" xúm xít cười và lả để đón rước những lời nũng nịu, ỏng ẹo thoát ra từ đôi môi xám xịt của Bu. Anh mặc áo lụa, quần sa-teng trắng, đi hài cườm, thoa son phấn và đeo đồ trang sức.

Một tháng sau, Bu đã có vô số người ái mộ. Những kẻ trước kia chỉ dòm Bu bằng nửa con mắt, bây giờ lại kính cẩn lễ bái, đón nhận từng mệnh lệnh của anh. Người ta đến xin bùa phép của anh để mua may bán đắt, để được sanh con trai, con gái, đánh đề, đánh bạc, đua ngựa, đá gà, v. v... và v. v...

Bởi vì Phật và chư vị Bồ Tát thường ít khi chịu khó chiều lòng những tham vọng ấy của chúng sanh, thánh thần thì bận thương thiên phạt ác, ma quỷ thì đòi ăn hối lộ... Duy có Bu là không đòi hỏi gì hết, ngoài việc ước mong được thiên hạ chiều chuộng, tặng bốc, vuốt ve lòng tự ái của mình.

Ba tháng trôi qua... những cuộc lên đồng, cầu đảo bất kể ngày đêm đã khiến Bu xuống sắc rõ rệt. Lốp son phấn dầy cộm không che khuất đôi mắt đầy quầng đen. Càng đông người tín mộ, anh càng phải lên đồng thật xuất sắc. Anh không còn đủ thì giờ để ăn uống ngủ nghỉ. Những lúc mệt quá, anh cũng muốn nghỉ ngơi để trở lại đời sống bình thường của anh. Nhưng lúc ấy thì phải trở lại chấp nhận cái bản thân tầm thường thấp kém của anh Bu khuân thuê vác mướn, một điều mà anh muốn chối bỏ. Anh phải chịu đựng những ánh mắt lạnh nhạt, khinh bỉ... của người chung quanh, người ta sẽ lại gọi anh bằng "thằng", bằng "mày". Vì thế, dù mệt mỏi, anh phải đồng hóa mình với bà Chúa Xứ, một nhân vật do dân cư trong vùng lập ra và tôn thờ, chỉ ăn hương, uống hoa, sống bằng giọng đàn tiếng địch, cùng lời xưng tụng của người chung quanh.

Lời bàn:

Em thân mến,

Số phận của anh chàng Bu này sẽ ra sao? Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào nơi anh. Nếu Bu khám phá ra rằng chính mình là nạn nhân của trò chơi lên đồng ấy, rằng sau những lúc trà thiu rượu nhạt... anh cũng phải trở về đối mặt với con người của anh, một anh Bu tâm thường, vô danh tiểu tốt; nếu anh nhận thấy rằng, anh đang bày trò điên loạn; trong cảnh giới cuồng điên đó anh đã được sự tung hô tán tụng của người điên khác; và nhất là những tham vọng hão huyền đó cũng chẳng thú vị gì cho lắm, thì tại sao anh không trở về với anh Bu khuôn vác thường ngày? Dù không được nể vì kính trọng của bàn dân thiên hạ, ít ra anh cũng còn có cái thế giới tinh táo chơn thật của một con người tâm thường và bình thường.

Mặt khác, nếu anh không thể nào chấp nhận con người chân thật của mình thì anh cứ bám vào cái vỏ của bà Chúa Xứ, bôi son trét phấn, hò hét, ban phúc giáng họa cho được đông người ái mộ. Tín đồ càng đông thì bà càng phải thiêng... Và nếu bà Chúa Xứ không còn hợp thời trang nữa thì anh có thể đổi danh hiệu thành bà Ngũ Hành - Cửu Thiên Huyền Nữ, hoặc là cô hay cậu nào đó. Nước đời lắm chìm, nhiều nổi, chúng ta chỉ có thể đoán chắc một điều là, giữa lớp danh vọng, hư huyền, phù hoa đó, anh chàng Bu sẽ chết lần, chết mòn, thể xác mệt mỏi, tinh thần điên đảo... Nếu trò chơi cứ tiếp tục thì chung cuộc anh sẽ vào nhà thương dành cho bệnh tâm thần.

Em thân mến!

Câu chuyện trên đây, tôi đã đau xót viết cho riêng mình, nói với em, cũng có nghĩa là tôi độc thoại cho chính mình, vì tôi không tin tưởng rằng một cuộc đối thoại được thực sự cảm thông khi mà chúng ta mỗi người đang ngóng về một hướng, mãi miết đuổi bắt những lý tưởng tận đâu đâu...

Tôi chỉ muốn hỏi em, đã có những lúc nào em thấy mình giống hệt anh chàng Bu trên đây không? Riêng tôi, tôi còn nhớ rất rõ rằng, thuở bé thơ tôi rất là hồn nhiên, không rõ ràng mình là trai hay là gái, đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, giỏi hay dở gì hết... Tôi sống thối mái và vô tư như một chú gà con, thì bỗng nhiên, có lúc tôi nghe người chung quanh nhận xét rằng tôi không đẹp bằng chị tôi, không giàu bằng nhà hàng xóm, không giỏi bằng bạn bè chung quanh... và từ đó tôi dần dần bắt đầu cảm thấy thống khổ kịch liệt khi thấy sao mà mình tầm thường quá đỗi, không có một sở trường gì để tự "lãng xê" mình, làm nổi bật lên trước bàn dân thiên hạ. Rất nhiều đêm tôi niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm, cầu mong sao cho mình được đẹp, được sang, được giỏi hơn thiên hạ. Mặt khác, tôi gắng thức khuya, dậy sớm, bỏ ngủ, quên ăn để học cho bằng bè bạn - những người hơn tôi cả tài lẫn sắc, để ít ra mình cũng chứng tỏ được cái khả năng của mình rằng mình không phải là con "số không".

Em ạ! Đó chỉ là một ví dụ, một phần rất nhỏ trong cuộc đời đủ thứ phức tạp của chúng ta. Điều khổ tâm nhất của chúng ta hằng ngày không phải là chuyện sinh già bệnh chết - vì đó là một lý đương nhiên không ai tránh khỏi. Chúng ta thường khổ khổ bức rức vì cái bản ngã của mình, sao mà ta nhỏ nhoi tầm thường quá, không có tí ti nào khả ái, khả kính dưới mắt ta và người chung quanh hết. Những lúc đối mặt với chính mình, ta phải cay đắng mà nhận chân rằng: ta chỉ là một nhân vật quá mức tầm thường, một con số không to tướng. Thế là anh chàng Bu trong ta bắt đầu tham gia vào trò "lên đồng". Từ con số không, tùy theo cơ hội, hoàn cảnh và nhu cầu

của người ái mộ chung quanh và chúng ta sẽ thành một cái gì đó. Mỗi người đội một danh hiệu khác nhau, nhưng cùng giống nhau ở một điểm là: chối bỏ con người tầm thường chân thật của mình để sống với lớp áo của những nhân vật rất mực phù hoa và giả dối.

Và em ơi! Một điều kỳ thú là chỗ chúng ta lẩn trốn, sợ hãi, lại chính là chỗ mà các thiên sư đại ngộ: Lục Tổ há chẳng xác định một cách hùng hồn rằng "bản lai vô nhất vật" đó sao? Dưới bất cứ lớp áo và nhãn hiệu nào, em và tôi đều phải công nhận rằng: trong những phút giây chiếu soi nhìn trở lại mình, ta thấy mình quả là "vô nhất vật", nghĩa là: ta - không - là - gì - cả. Ta không phải là bà Chúa Xứ, bà Ngũ Hành, cô hay cậu gì hết, không là gì hết, nhưng ta vẫn "thấy, nghe, hiểu, biết" rất rõ ràng. Cái khả năng "kiến văn giác tri" đó, chúng ta đều bình đẳng như nhau. Đây chính là chỗ mà Lục Tổ nói: "Đâu ngờ tánh mình bản lai thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình vốn đầy đủ cả" đó em!

Khi anh chàng Bu không còn lên đồng nữa, không còn là ông kia bà nọ thì không phải là anh ta chết, mà anh ta chỉ mất: mất hết những gì giả dối, không phải là mình thôi.

Nếu em thấy rằng "bà đồng" của mình hãy còn "thiên" lắm và thà rằng em đội lốt, mang mặt nạ, chịu theo thị hiếu của bàn dân thiên hạ để được thờ phụng tung hô và được vô vàn quyền lợi phụ tùng khác thì em cứ tiếp tục. Không có ai, sẽ không có ai dám lên án chỉ trích em đâu! Vì lên án một bà đồng cũng có nghĩa là lên án luôn cả quần chúng đang ái mộ, và ai mà dại gì đứng ra chọc giận thiên hạ nhiều như thế. Em có thể yên tâm và tiếp tục.

Nhưng, nếu có hôm nào, quá mệt mỏi với cái trò chơi xốc nổi ấy, mặt nhìn tận mặt, soi lại lòng mình giữa cảnh hoang tàn của trà ôi, rượu nhạt, hoa héo, hương phai; nhìn thấy người chung quanh cũng chán chường, mệt mỏi không kém mình, thì, em hãy thử một lần, làm sống lại con người năm xưa của chính mình, của anh chàng Bu khuân vác thử xem. Điều này đòi hỏi nơi em rất nhiều can đảm và hy sinh, vì em sẽ mất hết uy danh, quyền lợi, mất hết những người ái mộ cung nghinh, em sẽ bị xem thường, khinh rẻ; em phải hy sinh hết vàng son phấn sáp, danh lợi cùng uy quyền, để đi may thuê, cuộc mưu sinh, phải đổ mồ hôi, nước mắt mới có ăn.

Thế nhân thường đi tìm sự thật, nhưng sự thật lại quá phũ phàng, không giống như ta hằng mơ tưởng, nên thà rằng, cứ nhắm tít mắt lại để còn có một thế gian hoa mộng, huyền ảo, mê ly.

Câu chuyện này xin dừng lại nơi đây, vì tôi bất chợt nhận ra rằng, dường như tôi đang lên một cơn đồng xuất sắc hơn, hợp thời trang hơn... và thông thường, đôi khi ta ngỡ rằng mình đã thức giấc, đi ra khỏi cơn mơ, nhưng sau đó thật lâu ta mới vỡ lẽ ra rằng mình chỉ thay đổi tình tiết của giấc mơ mà thôi. Và điều làm chúng ta thấy mình đang lên đồng thật xuất sắc là khi có một hành động nào đó của ta bỗng dưng có được nhiều người vỗ tay tán tụng; khi mà từ cái "không", ta trở thành "có", và cái "có" này ngày càng bành trướng nảy nở ra. Chính những tràng pháo tay đã báo hại chúng ta không ít, nó xui ta cứ tiếp tục... chiêm bao, để được khen hoài, khen mãi, em có thấy như vậy không? Hèn chi trong kinh Duy Ma Cật, Bồ Tát khuyên ta cứ làm việc đi, làm mọi việc để được lợi mình và lợi người, nhưng phải làm sao để cả "tam luân" đều "không tịch" nghĩa là không thấy có mình, có người và có pháp nữa, chỉ đem thân huyễn mà làm việc huyễn (dĩ huyễn thân tác huyễn sự) mà thôi. Các Ngài khôn quá, phải không?

Dầu tại bãi chiến trường

Thắng ngàn ngàn quân địch

Tự thắng mình khó hơn

Chiến thắng ấy tối thượng.

(Pháp Cú 103)

Chỉ có ta làm điều tội lỗi

Chỉ có ta làm cho ta ô nhiễm

Chỉ có ta tránh điều tội lỗi

Chỉ có ta gội rửa cho ta

Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta

Không ai có thể làm người khác trở nên trong sạch

(Pháp Cú 145)

Bát Cháo Lú

Ba Kiến Châu kể:

Xưa, có một vị bác sĩ thú y mệnh chung, thần hồn xuống âm phủ. Sau khi được Diêm Vương xét xử, hồn ma được dẫn đến quán cháo lú ăn trước khi đi đầu thai. Vào quán cháo, hồn ma tình cờ gặp phải một bầy chó mà thuở sinh tiền, ông thường chữa bệnh cho chúng. Bầy chó vốn có nghĩa, rất mừng rỡ khi gặp lại ông. Đến lúc bà hàng dọn cháo, ông nhin phần mình cho bầy chó ăn.

Công an ở Diêm Phủ bắt hồn ma đi đầu thai làm một thằng cu. Nhờ không ăn cháo lú nên thằng cu này nhớ rõ tiền kiếp mồn mọt. Được năm tuổi, thằng cu khẩn khoản xin ba má dắt đi thăm thân bằng quyến thuộc cũ. Ba má nó thấy lạ nhưng cũng chiều con... Cuộc tao ngộ giữa thân quyến và thằng cu diễn ra trong một bầu không khí éo le và cảm động. Thằng cu được gặp lại bà vợ cũ, con trai, con gái, cháu nội, cháu ngoại. Bằng giọng nói ngọng nghịu của đứa bé len năm, cu kể vanh vách tiền kiếp của mình, cùng thăm hỏi hàn huyên với vợ con, cháu chắt.

Sau câu chuyện này, thằng cu không thể sống bình thường như bao thằng bé khác, gánh nặng của tiền kiếp hằn sâu trên thân xác thơ dại của thằng bé. Những mối dây thân ái trong quá khứ khiến thằng bé quên mất nhịp sống hiện tại. Cuối cùng, ba má nó đành đưa nó vào chùa không phải để tu học mà để đi dưỡng tâm thân. Cậu con trai út của ông bác sĩ thú y cũng tình nguyện vào chùa để chăm sóc người cha bé con của mình và tu tâm dưỡng tánh luôn thể.

Em thân mến,

Ba Kiến Châu đã kể câu chuyện trên cho tôi và các bạn nghe, mẫu chuyện mà ông đã lượm lặt được trên những nẻo đường ngược xuôi. Ba Kiến Châu còn quả quyết rằng câu chuyện trên hoàn toàn có thật, những nhân vật trên hiện còn, thằng cu trong câu chuyện là một vị tăng trạc tứ tuần. Tôi không dám cam đoan với em về tầm chính xác của câu chuyện kể lại cho em nghe. Tôi chỉ muốn ngỏ ý với em rằng: nhớ được tiền kiếp là một khả năng mà bất cứ người nào cũng có. Các bậc đức đạo gọi là "túc mạng minh". Trong kinh đức Phật cũng thường khuyến cáo các hành giả tu tập, nếu chưa được "lậu tận thông" (tức là khả năng hóa giải hết thủy phiền não) mà lại có thần thông thì phải xả bỏ đi lập tức. Có lẽ Ngài e rằng chúng ta sẽ lâm vào hoàn cảnh dở khóc dở cười như thằng cu trên đây. Trong quãng đời hiện tại chúng ta đã bị lụy, khổ sầu vô hạn rồi. Huống chi là nhớ lại những ân oán buồn vui trong tiền kiếp. Đức Phật và các bậc đức đạo nhớ rõ quá khứ với từng tình tiết chi li mà tâm các Ngài hoàn toàn bình thản, trong khi chúng ta nhìn lại quá khứ với biết bao là tiếc nuối, buồn thương. Càng sống với dĩ vãng, chúng ta càng rối bời xao xuyên, mắt mở mà vẫn chiêm bao... Có lẽ vì thế mà chư tổ Thiền Tông đã khuyên chúng ta: "Việc qua rồi chẳng nhớ. Việc chưa đến chẳng lo. Việc hiện tại chẳng đem lòng vọng tưởng." chẳng? Có nghĩa là, nếu chưa có khả năng hóa giải phiền não, chúng ta phải ăn cháo lú mỗi ngày để tâm ta khỏi hối tiếc dĩ vãng, khỏi có những xao xuyên khi hoài vọng về tương lai.

Hay nói cho rõ hơn, quá khứ hoặc tương lai, có hay chăng là do những vọng niệm rồi bởi trong hiện tại chiêu vời đến mà thôi. Cũng vì thế mà thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền đã bảo người đệ tử, khi chú này xin lên đường đi tham học rằng:

"Niệm khởi đừng tiếp tục còn hơn là mười năm tham thiền học đạo"

10. 04. 1985

Một số sinh ra từ bào thai, kẻ ác thì đọa vào địa ngục, người chính trực thì sinh lên chư thiên, nhưng cõi Niết Bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử.

Pháp cú 126

Chum Vàng Bất Được

Xưa có anh chàng nông dân mua được thửa đất mới. Một hôm đang cày đất, anh bắt được một chum vàng. Vốn thật thà, anh ngẫm nghĩ:

- Chum vàng này chắc của người chủ cũ.

Anh liền mang đi trả, người chủ cũ cũng đáp rất vô tư:

- Tôi không có vàng để chôn, nên chum vàng đó không phải là của tôi.

Anh nông dân cãi lại:

- Khi tôi mua thửa đất, không hề nói là có chum vàng, vì vậy nên tôi xin trả lại cho bác.

- Lúc tôi bán đất, tôi cũng không biết là có chum vàng, vậy thì bác cứ lấy.

Hai người cứ nhượng qua, nhượng lại mãi cho đến lúc trời sụp tối, đành phải chia tay. Sau một đêm suy nghĩ cặn kẽ, cả hai hối hả đi tìm nhau. Gặp nhau ở giữa đường, hai người cùng nói:

- Bác dạy thật chí lý! Chum vàng ấy là của tôi.

Hai người tranh cãi, cố chứng minh chum vàng là của mình. Cuối cùng, nội vụ phải đưa lên quan.

Lời bàn

Em thân mến,

Hóa ra càng suy đi gẫm lại, chúng ta càng bóp méo sự thật, càng làm cho sự việc rắc rối thêm lên. Có lẽ vì thế mà chư Tổ thường dạy chúng ta nên tiếp ứng với ngoại vật bằng bản tâm bình thường, không bị những tính toán lo toan làm xao động. Mang tâm ấy đã đủ khả năng làm lành lánh dữ (giới), sáng suốt (huệ), và không bị giao động vì những tư dục cá nhân (định). Đó là lúc mà cả hai bác nông dân đều thấy rõ mồn một rằng: "chum vàng ấy không phải là của tôi".

Bồ Tát Và Chúng Sanh

Trời mưa vừa dứt, một bà cụ khoác áo toi đi ra phố. Gặp một chú bé đang nghịch nước bắn bên vệ đường, bà cau mặt quát:

- Thằng cu, mà có lên ngay không? Khiếp!

Chú bé phản đối:

- Cháu xí cái vũng này từ hồi mới mưa lặn. Bà kiếm cái khác đi, thiếu gì!

Em thân mến!

Bồ Tát là những vị mà sách vở định nghĩa là: "Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh", riêng chúng ta có thể hiểu một cách giản dị như thế này: Nếu chúng ta tin rằng mình và tất cả chúng sanh đều có khả năng giác ngộ, thì ta đã có một mầm Bồ Tát trong lòng rồi. Trên đường tu chùng nào thành Phật hãy hay, còn hiện tại chúng ta hãy tùy thuận giúp đỡ người chung quanh bằng tất cả khả năng hạn hẹp của mình. Vì tin tưởng nơi Phật tánh của mình và người nên Bồ Tát không bao giờ mệt mỏi trên bước đường tự lợi, lợi tha. Nhưng... tâm Bồ Tát thì khó phát mà lại rất dễ thối thất. Em có biết tại sao không?

Em đừng tưởng là khi thực hành Bồ Tát hạnh, đi đến đâu thiên hạ cũng rải hoa và trái chiếu bông đón tiếp mình hết đâu... mà coi chùng vỡ mộng đấy nhé. Như trường hợp của bà cụ trên đây chẳng hạn. Nếu các tôn giả chúng sanh đang ưa thích điều gì mà mình cản trở thì coi chùng, họ có thể nghi là mình muốn đoạt cái sở thích đó. Trong trường ấy, nếu ta chưa đủ tài thuyết phục họ thì phải chạy cho thật lẹ kéo... u đầu!

Nếu em có giúp đỡ ai điều gì thì chớ nên hí hửng chờ người tuyên dương công trạng mình, vì có hàng khối kẻ bàng quan đang bĩu môi phẩm bình rằng: "Đồ ngu, chuyên môn làm mọi thiên hạ", hoặc là: "Cái số cực...", "cái nghiệp nặng...". Chà! Coi bộ em muốn thối tâm rồi phải không? Nếu mình là Bồ Tát thứ thiệt thì khỏi nói, đàng này... thật kệt cho hàng Bồ Tát sơ tâm như bọn mình. Có lẽ vì thế mà trong các kinh, đức Phật đã không tiếc lời ca ngợi hạnh Bồ Tát và Ngài cũng đã từng nhắc nhở chúng ta rằng: Muốn giảng kinh Pháp Hoa, tức là đi gieo rắc niềm tin rằng: "Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật", Pháp Sư phải ngồi tòa Như Lai và mặc áo Như Lai. Tòa Như Lai là tâm từ bi, áo Như Lai là giáp nhu hòa nhẫn nhục đó em ơi! (1984)

Hóa Thân Bồ Tát

Pháp sư Đỗ Thuận, sư tổ của tông Hoa Nghiêm ở Trung Hoa có nuôi một chú đệ tử thân cận rất lâu. Một hôm chú thị giả này xin phép ngài đi núi Ngũ Hành để đánh lễ đức Văn Thù, vì nghe đâu Bồ Tát thường hiện thân chốn đó. Ngài Đỗ Thuận không bằng lòng và đọc bài kệ:

Du tử mạn ba ba

Đài sơn lễ thổ pha

Văn Thù chỉ giá thị

Hà xứ mịch Di Đà

Tạm dịch

Những chàng du tử lênh đênh

Đến Đài sơn lễ những ghềnh đất thô

Di Đà tìm ở chốn mô?

Văn Thù kẻ cận hồ đồ không nghe.

... Chú đệ tử vẫn ra đi. Bằng ngàn vượt suối một thời gian mới đến núi Ngũ Đài. Chú tha thiết đánh lễ cầu mong được thấy hóa thân của Bồ Tát. Lòng thành được đáp ứng, một ông già hiện ra bảo chú:

- Đức Văn Thù nay ở núi Chung Nam, tên ngài là Đỗ Thuận.

Chú thị giả hối hả quay về. Đến cố hương, ngài Đỗ Thuận đã viên tịch.

Lời bàn:

Em thân mến,

Chỉ cần giản dị một chút thôi là chúng ta có thể gặp không biết cơ man nào là thiện hữu tri thức trên khắp nẻo đường đời. Ngược lại, chỉ cần một tí kiêu mạn thì dù ở kề cận bên Phật và Bồ Tát, chúng ta vẫn lâm vào tình trạng "Vô duyên đối diện bất tương phùng" như chú thị giả trên đây.

Là khách buông câu từ thuở trước.

Bồng cạo râu tóc khoác cà sa.

Trong ngôi Phật tổ mời chẳng ở.

Đêm về như trước ngủ bờ lau.

Như trước ngủ bờ lau

Có ai chung được?

Trăng sáng đầy thuyền không chỗ hỏi.

Đôi ba tiếng vọng cò bể kêu.

T. S. Thủ Đoan

Cách Xử Thế Người Xưa

Xưa, có một chú học trò được dịp lên phố chơi. Nhằm ngày chợ phiên, một vụ mất cắp xảy ra tại quán trọ, chú học trò liền bị quan huyện bắt nhốt vì người ta ngờ chú là thủ phạm.

Sau khi trải qua những thủ tục tra hỏi phiên phức, quan huyện tìm ra thủ phạm chính, chú học trò được trắng án ra về.

Khi về làng, gặp lại vị thầy dạy học, chú nhỏ tức tưởi kể lại tự sự, bộc bạch nỗi hàm oan của mình.

Ông thầy im lặng nghe xong câu chuyện, nghiêm nghị ra lệnh đánh đệ tử mười roi phạt. Đương sự rất ngạc nhiên, nhưng không dám cãi lời thầy, riu riu leo lên bộ phận nằm chờ trận đòn mà lòng hoang mang vô kể.

Các bạn chú thấy thế, ngạc nhiên thưa:

- Thưa thầy, trò này vô tội sao lại bị đòn?

Ông thầy từ tốn giải thích:

- Đành rằng nó vô tội, nhưng tại sao giữa phố chợ đông đảo chỉ mình nó bị tình nghi là kẻ cắp? Ta đánh đây là phạt cái tội nó có bộ vó của thằng ăn cắp để cho người ta nghi ngờ. Nếu nó không chỉnh đốn tư cách lại, ta e rằng nó sẽ bị hàm oan nhiều lần nữa.

Em thân mến

Đây là một trong những cách xử thế tuyệt diệu của người xưa. Cổ nhân đào luyện thế hệ đàn em phải sống sao cho "Cúi xuống không thẹn đất, ngẩng lên không thẹn trời".

Đành rằng chú bé trên đây không hề gian tham nhưng vị thầy không bằng lòng khi thấy học trò mình chưa đủ tư cách chính nhân quân tử, khiến người ta mất lòng tin nơi mình.

Trong kinh, đức Phật đã từng dạy dỗ chúng ta rằng: "Không phải nhờ ở lời khen của thế nhân mà con được đạo giải thoát, cũng không phải vì lời chê của thế nhân mà con lại rơi vào địa ngục. Mà chính những ý nghĩ, lời nói và hành động của con sẽ quyết định cảnh giới thiện ác tương xứng. "

Thông thường, chúng ta rất dễ nhẫn nhịn những lời khen (mà mình không hoàn toàn xứng đáng) và ngược lại, chúng ta không tài nào kham nhẫn nổi những lời vu oan trách mắng vô căn cứ. Đã bao lần em tức tưởi thuật lại nỗi hàm oan của mình cùng bè bạn. Và có lẽ, chưa lần nào em bị đánh đòn như chú bé trong câu chuyện trên đây. Có lẽ vì thế mà chúng ta kém xa người xưa chăng?

Có hôm nào, lỡ bị một nỗi hàm oan, em hãy thử một lần tự tìm xem mình đã có những tác phong, cử chỉ cung cách như thế nào... để cho người ta phải nghĩ về mình xấu tệ như thế đó. Nếu tìm thấy nguyên do nằm nơi mình, thì em đã bắt đầu nắm được chìa khóa giải thoát rồi đó. Giải thoát cái gì em biết không? Giải thoát em khỏi những niềm sầu, nỗi khổ, những tư tưởng bi

quan hắc ám. Vì thấy sao mà trên cõi đời này, sao mà không có ai hiểu mình hết trơn, hết trội...

Cành Trâm Mơ Ước

Thuở xưa, có một cô gái miền quê, tên gọi là Bông. Một hôm đến ngày chợ phiên, Bông được mẹ sai đi bán mật.

Trên đường đi đến chợ, Bông vừa đi, vừa nghĩ ngợi lan man... "Khi sáng mẹ có hứa rằng... nếu bán được giá hời mẹ sẽ cho riêng Bông một quan tiền để tùy ý sử dụng... Bông sẽ mua cái gì nhỉ? À! Bông sẽ mua nửa chục gà con, những chú gà lông nồn như tơ, vừa bằng cái chén tống ấy mà... Đàn gà gặp tay Bông nuôi thì phải biết... con nào con nấy mau lớn như thổi... chúng sanh con đẻ cháu nhiều vô kể, chỉ hiếm một nòi là chúng hay bơi xối cả ngày. Cho nên, một hôm Bông bực mình bán quách hết cả để mua hai chú lợn con ủ ủ về nuôi cho tiện. Phiên chợ cuối năm Bông lùa lợn đi bán. Đạo cận Tết lợn bán rất được giá. Bông mua một chiếc áo dài màu hoa cà, một chiếc quần sa-teng trắng, một đôi hài cườm như lũ con gái ở xóm Lò lu thường mang... Vẫn còn thừa tiền, mình mua cái gì nhỉ? Một chiếc lược hay cái khăn voan choàng đầu? Một chiếc dù hay một thỏi son... A! Phải rồi! Một chiếc trâm cài tóc... Tết đến, Bông sẽ mặc quần áo mới, đi hài cườm. Chiếc trâm có nhận hột thủy tinh lấp la lấp lánh trên mái tóc nhưng đen. Một chàng trẻ tuổi đến ngỏ chuyện làm quen với Bông. Bông e thẹn nép mình dưới một khóm lá... để đỡ ngượng. Bông đưa tay cài lại chiếc trâm, nghiêng đầu, xoa tóc che bớt đôi má đỏ bừng vì... thẹn, thì... "xoàng! "...

Bông ngờ ngác thấy mình đang đứng giữa đường làng, hũ mật đổ nhào xuống đất vỡ làm ba, bốn mảnh... Áo lượt, quần là, cành trâm cùng chàng trẻ tuổi đều tan biến đâu mất... Cô thiếu nữ hay mơ mộng này không biết làm gì hơn là ôm mặt khóc oà.

Phụ chú:

Cái này gọi là: "Bùng con mắt dậy thấy mình tay không! "

Cầu Được Ước Thấy

Xưa, có một chúng sanh đang chịu quả khổ ở địa ngục. Trong cơn đau tận mạng, y van vái Phật luôn miệng: "Xin Ngài cứu con, cho con thoát khỏi cái chảo dầu sôi này. Làm thân ngựa quý cho đỡ khổ hơn".

Bụt và Diêm vương nghe lời van xin, mủi lòng cho y được như nguyện. Làm ngựa quý được vài hôm, y lại kỳ kèo:

- Xin Ngài làm phúc cứu cho con được làm thân súc sanh, một con chó cũng được, chứ ngựa quý... khổ quá trời ơi!

Y liền được mang thân một con chó tên là Nô. Nô lại than van:

- Hỡi ơi! Thân chó nào có sướng gì! Ước chi con được thân người... Gâu! Gâu!

Nô liền được như nguyện, mang thân một chị đàn bà xấu, bán ve chai, sống qua ngày. Chị ve chai lại rên rỉ:

- Trời Phật ơi! Khổ thân tôi. Xấu xí thế này sống chi cho thêm nhục! Ước chi tôi dễ coi một chút, để kiếm được một ông chồng mà nương tựa tấm thân liễu yếu. Hu! hu!

Chị ve chai lại biến thành một thiếu nữ khá mặn mà... và có vô số anh hùng rắp ranh bắn sẻ. Sau mấy năm kén cá chọn canh, treo cao giá ngọc, chị lên xe hoa với một người trong mộng. Mười năm sau chị lại than thở:

- Trời ơi! Chồng với con, ước gì tôi được như thời con gái, không có cả đống phụ tùng rắc rối, tui sẽ cạo đầu vô chùa tu quách. Ừ! Ừ!

Cầu được, ước thấy, chị thành một tu sĩ. Người ta lại nghe Sư cô này than van:

- Ừ hự! Phải chi mình được "Sanh phùng trung quốc, trưởng ngộ minh sư" thì tu mới không ngán. Đàng này không ai chỉ dạy, tu gì mà chỉ thấy phiền với não.

Sở cầu hợp pháp này được chuẩn y lập tức. Sư cô được gửi vào một Phật học ni viện. Lần này các ni sinh bạn cô lại nghe cô kể lể:

- Học chi mà lảm thế! Học mà không tu thì như mang đũa sách nói ăn mà không no. Ước chi tôi được gặp một thiền sư, ở trong một thiền viện để vừa học vừa tu, tri hành hợp nhất... Hi, hi!

Bụt liền giúp cô... cô trở thành một thiền sinh trong một thiền viện "bất tác bất thực". Thiền sinh này thường chống cốc than thở:

- Chèn ơi! Quanh năm chỉ thấy cào với cốc. Làm mãi không có thì giờ để tu. Ước gì tôi được nhập thất để giải quyết sanh tử, nhất đao đại đoạn, ... hừ hừ!

Bụt lại ra tay. Một cái thất được dựng lên cấp tốc. Một, hai, ba, bốn... thí chủ hùn tiền giúp cô an tu. Ngồi bó rọ trong thất, đương sự loay hoay suy tính:

- Phải chi có ai tu "du" rồi mình ké vô để thành Phật thì sướng biết mấy. Sư cô chưa kịp ao ước thì bỗng bắt được cái điện tín của Diêm Vương gửi qua một cái răng sâu... và cả tiếng thì thầm của bọn quỷ sứ dưới âm phủ:

- Tâu Diêm Chúa, chảo dầu này hai đứa con chụm sắp sửa sôi rồi. Chùng nào Diêm Chúa lôi cái tên đại sư cô đó về đây?

Cước chú:

Xin hãy đọc câu chuyện này giống như đọc một cuốn sách thuộc loại "khoa học giả tưởng" vậy!

Trân trọng.

Chấp Chi Vọng Nguyệt

Lía là tên tớ của ông Bảy Mập, nó thật thà, giỏi dẫn, chỉ phải cái hơi ngu. Một hôm, ông Bảy có việc đi vắng, dặn Lía ở nhà rằng:

- Phải coi chừng của nẻo... kéo ăn trộm!

Ông Bảy đi rồi, có một đoàn cải lương đi về làng. Lía rất khoái coi hát. Nhưng nhớ lại lời dặn của ông Bảy, nó đứng ngồi không yên, mãi đến lúc tìm ra một điệu kể, và Lía thực hành liền.

Lía tháo hết mấy cánh cửa, chất lên xe đạp chở đi xem hát. Tan hát, Lía chở cửa về nhà, lắp lại như cũ.

Khi ông Bảy trở về nhà, ông thấy cả gia sản chỉ còn mấy cánh cửa, chiếc xe đạp và cậu tớ quí.

Lời bàn

Em thân mến,

Nếu chúng ta chỉ cho rằng khi đi bất cứ nơi nào, chỉ cần mang theo đầy đủ ba y, bình bát... là đã làm xong lời Phật dạy... thì coi chừng! Chúng ta sẽ giống thằng Lía này đấy!

Cây Đèn Đã Tắt

Xưa, có một chú bé bị mù cả hai mắt, mỗi khi đi đâu chú đều cầm gậy dò đường. Ngày và đêm, chú đều phải sống trong bóng tối như nhau. Một hôm, chú bé đến thăm bạn, lúc ra về trời đã tối, người bạn đốt một chiếc lồng trao cho chú, chú bé cười nói:

- Tối hay sáng đối với tôi đều như nhau, anh trao đèn cho tôi làm gì?

- Đành rằng anh không cần đèn, nhưng người khác nhờ cây đèn này mới không đâm bổ vào anh chứ.

Chú bé mù cầm đèn ra về. Đi được một quãng chú bị người khác đụng phải, chú bé tức giận quát:

- Bộ đui sao mà không thấy cây đèn của người ta?

Người kia cười to:

- Đèn của anh tắt rồi, anh đui ơi!

Em thân mến:

Giá trị của cây đèn là do ánh sáng. Thiếu ánh sáng, thì cây đèn chỉ là một vật vô dụng mà thôi.

Một pháp môn hay, quý nhất là ở chỗ nó giúp cho hành giả thấu rõ thực tướng của mình và muôn pháp, tiêu sạch phiền não, đem lại an lạc cho mình và người chung quanh.

Nếu chúng ta cứ cho rằng mình đã dựa vào hàng ngũ xuất gia, thuộc vào hàng tông môn chánh phái, Thầy Tổ là những bậc chân tu lỗi lạc, bạn bè mình toàn là những hạng anh tài xuất chúng... chúng ta đã được học những pháp môn tối thượng thừa cao siêu hi hữu. Và chúng ta cho thế là đủ, sanh tật khen mình, chê người, phiền não mỗi ngày một tăng trưởng... thì coi chừng! Chúng ta sẽ giống cậu bé mù kể trên đây. Cầm một cây đèn lồng thật tốt, thật đẹp, nhưng... tắt queo cho mà coi. (1983)

Chiếc Cùm Bằng Ngọc

Thuở xưa có một nàng công chúa bị quân địch bắt và giam giữ tại một hang núi nọ.

Quân địch trói nàng bằng một chiếc cùm bằng sắt, nạn nhân liền phản đối kịch liệt, lúc nào cũng tìm cách thoát thân.

Cuối cùng bọn giặc nhốt nàng công chúa vào một chiếc lầu sơn son thếp vàng thật đẹp, đổi chiếc cùm sắt bằng chiếc cùm nạm ngọc. Nạn nhân đổi giận làm vui, nghĩ rằng từ nay mình được sở hữu một gia tài khổng lồ nên đành cam chịu cảnh tù tội, không bao giờ nghĩ cách thoát thân nữa.

Chiếc Cùm Bằng Ngọc

Thuở xưa có một nàng công chúa bị quân địch bắt và giam giữ tại một hang núi nọ.

Quân địch trói nàng bằng một chiếc cùm bằng sắt, nạn nhân liền phản đối kịch liệt, lúc nào cũng tìm cách thoát thân.

Cuối cùng bọn giặc nhốt nàng công chúa vào một chiếc lầu sơn son thếp vàng thật đẹp, đổi chiếc cùm sắt bằng chiếc cùm nạm ngọc. Nạn nhân đổi giận làm vui, nghĩ rằng từ nay mình được sở hữu một gia tài khổng lồ nên đành cam chịu cảnh tù tội, không bao giờ nghĩ cách thoát thân nữa.

Em thân mến,

Những chiếc cùm dù có làm bằng phẩm lượng khác nhau thế nào đi nữa, chúng vẫn có cùng mục đích là trói buộc, tước đoạt sự tự do của chúng ta. Cởi bỏ một chiếc cùm bằng sắt, bằng gỗ tuy là có khó thật, nhưng so với chiếc cùm bằng vàng bạc, kim cương thì mới là thiên nan, vạn nan. Những người bị trói bằng chiếc cùm quý có thể tự tử chết nếu được giải thoát. Em có thấy điều ấy không?

Có lẽ vì thế mà kinh Kim Cang có câu "Pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp" nghĩa là "Cùm vàng cũng phải cởi, hướng nữa là cùm bằng kẽm gai" chẳng?

Cây Đàn Kỳ Lạ

Sau lễ tiễn đưa Phật và các thầy Tỳ-kheo trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, vua A Xà Thế cùng với đình thần trở lại nội cung để dự buổi yến thân mật và bàn một vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ hôm ấy:

Câu chuyện mở đầu trong bữa tiệc là những lời sau đây do vua A Xà Thế phát khởi.

- Các khanh! Quả ngon rất bằng lòng và thỏa mãn về việc các khanh đã lo liệu quá u tươm tất trong buổi lễ cúng dường Phật và giáo-hội vừa rồi.

- Hướng đòi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, Vua A Xà Thế nói tiếp:

- Kỳ Bà! Khanh ngồi nghĩ hộ quả ngon xem còn có vật gì đáng làm nữa để quả ngon tận hiến tấc dạ chí thành lên đức Chí tôn và giáo hội - những người tận tụy trong công việc giáo hóa chúng sinh nói chung, thần dân của quả ngon nói riêng, trở về với ánh sáng chơn lý.

Đứng dậy ngẫm nghĩ trong chốc lát, rồi đại thần Kỳ Bà thông thả tiếp:

- Tâu đại vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại vương đã dâng lên đức Chí tôn và giáo hội, theo thiển ý của hạ thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Vì ánh sáng tượng trưng cho trí tuệ, cho sự giác ngộ, ở đâu có ánh sáng thì ở đó bóng tối tan mất. Cũng như ánh sáng Phật và giáo hội đến đâu thì ở đó si ám và tội lỗi đều tiêu sạch. Nguyện ý của hạ thần chỉ có bấy nhiêu, kính mong bệ hạ thẩm xét.

- Hay lắm! Ý kiến của khanh rất chí lý! Tiện đây nhờ khanh thay quả ngon sắm sửa cho thật nhiều đèn đuốc để tối hôm nay dâng lên Phật và giáo hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn.

Đại thần Kỳ Bà vâng thuận. Buổi tiệc bắt đầu và tiếp diễn trong tình thân mật giữa nhà vua và các vị cận thần.

Chiều hôm ấy, trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất nhiều xe cộ, lính tráng, tấp nập khuân chở những thùng dầu, đèn và những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ.

Hỏi thăm, bà lão hành khất biết đó là lễ vật của nhà vua đem cúng dường Phật và giáo hội.

Hình tướng trang nghiêm của Phật và các thầy Tỳ kheo lại hiện về trong óc bà. Bà vui hẳn lên và rất tán thành việc làm có ý nghĩa của nhà vua. Và xét lại tự thân, thấy mình chưa làm được một công đức nào đối với Phật và giáo hội, bà tự nghĩ phải sắm phẩm vật để cúng dường mới được. Thò tay vào bị, bà lão moi ra vốn vẹn chỉ có hai tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong lòng khiến bà hoan hỉ đi ngay vào một cái quán gần đấy...

- Thưa cậu! Làm ơn bán cho tôi hai tiền dầu thấp.

- Bà mà mua dầu làm gì? Sao không mua đồ ăn lại mua dầu, nhà cửa đâu mà dầu với đèn!

- Thưa cậu! Tôi thường nghe các bậc hiền đức trong làng bảo: "Ngàn năm muôn thuở mới có một đức Phật ra đời; người nào có nhiều phước duyên lắm mới gặp". Hôm nay tôi may mắn

được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng hiến lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Nhơn tiện vua A Xà Thế sửa soạn đèn đuốc để dâng lên Ngài và giáo hội, tuy nghèo khổ, tôi cũng xin nguyện đem hai tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.

Nghe bà lão hành khất tỏ tấm lòng chân thiết đối với Đấng Giác ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng: hai tiền chỉ được hai muống, nhưng tôi xin tặng bà ba muống nữa là năm, và cho bà mượn luôn vệt đèn này. Mong bà nhận cho.

Sau khi cảm ơn người chủ quán, bà lão ra về với bao niềm hoan hỷ vì được người khác biểu đồng tình và giúp mình trong công việc phước thiện.

Trời chưa tối hẳn, những cây đèn xinh xắn, lộng lẫy của nhà vua đã được những đội thị vệ thấp sáng. Tịnh xá Kỳ Hoàn như vui nhộn hẳn lên. Đó đây vang lừng những điệu nhạc dịu dàng, nhịp nhàng với lời ca ngợi của những cận thần thay nhà vua tán thán công đức của Phật và giáo hội. Từng đoàn người lũ lượt đi dự lễ, đông như trẩy hội. Bà lão hành khất cũng tiến mau về phía Tịnh xá và dừng bước trước những hoa đăng rực rỡ, bà vội vàng đến rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim. Vừa mỗi ánh sáng bà vừa phát nguyện: "Cùng dường ánh sáng này lên đức Thế Tôn và giáo hội, con chỉ cầu mong làm sao con cũng sẽ được trí tuệ sáng suốt như các đấng giác ngộ trong mười phương". Bà lại nghĩ: "Dầu ít như vậy có sáng cũng chỉ đến nửa đêm là cùng". Nhưng mạnh dạn bà thề nguyện "Nếu quả thật sau này tôi sẽ được giác ngộ như lòng tôi mong muốn hôm nay, thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho cây đèn sáng mãi không tắt".

Sau khi treo cây đèn trên một cành cây, bà lão hành khất đi thẳng vào Tịnh xá, chí thành lễ Phật rồi ra về...

Số đèn của nhà vua, tuy được những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thay tim, nhưng ít cây được sáng suốt đêm, cây thì bị gió thổi tắt, cây thì bị phật cháy...

Duy cây đèn của bà lão hành khất thì ánh sáng nổi bật hơn muôn vạn cây đèn khác và cháy mãi đến sáng mà dầu vẫn khôn hao.

"Này đệ tử! Trời đã sáng, hãy ra tắt hết những cây đèn còn đỏ", đức Phật dạy với ngài Mục Kiền Liên như thế.

Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Nhưng đến cây đèn của bà lão hành khất, thì ba lần tôn giả quạt mạnh, nhưng ánh sáng cũng không tắt. Lần thứ tư, tôn giả cầm ngay vạt áo cà sa và vạt hết thần công diệu lực của mình quạt hất vào đèn nhưng đèn lại rực sáng hơn trước. Tôn giả Mục Kiền Liên và những người chung quanh đều ngạc nhiên cho đó là một cây đèn kỳ lạ chưa từng thấy.

Ngay lúc ấy, đức Phật vừa đến, Ngài điềm đạm bảo:

"Thôi! Đệ tử hãy thôi. Dù cho đệ tử có tận dụng cả thần lực của đệ tử cũng không thể nào làm tắt được cây đèn này, vì đó là ánh sáng công đức của vị Phật trong tương lai".

Lời dạy ấy của đức Phật đã làm cho nhiều đệ tử của Ngài muốn tìm hiểu ai là người đã cúng dường đèn ấy. Sau một cuộc điều tra kỹ càng, họ biết rõ người cúng dường cây đèn kỳ lạ ấy chính là một bà lão hành khất!

Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế. Nhà vua cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu

chuyện và hỏi:

- Kỳ Bà! Như khanh đã biết được quả nhân làm rất nhiều công đức và cúng dường rất nhiều đèn nhưng không thấy đức Thế Tôn dạy gì về quả báo của quả nhân. Trái lại, bà lão hành khất chỉ cúng dường có một cây đèn lại được Ngài thọ ký là nghĩa làm sao?

Đại thần Kỳ Bà đứng lên ngẩn ngại mãi không dám trả lời.

- Kỳ Bà! Người đừng ngại gì cả, quả nhân muốn tìm hiểu những khuyết điểm chứ không bao giờ dám nghĩ khác về đức Thế Tôn.

Đôi mắt của đại thần Kỳ Bà bỗng sáng lên và khiêm tốn trả lời câu hỏi của nhà vua:

- Tâu đại vương! Theo những điều mà hạ thần được phỏng vấn từ miệng của những người thân cận các thầy Tỳ kheo và cộng thêm sự suy luận của hạ thần thì tuy đại vương cúng dường rất nhiều phẩm vật, song tâm ý không được chí thành cho lắm và có lẽ đại vương không phát đại nguyện; cho nên tuy có công đức mà không làm sao bằng công đức của bà lão hành khất chỉ cúng dường một cây đèn nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ chí thành đối với những đấng Giác ngộ và nhất là lời thệ nguyện cao rộng của bà ấy.

Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỷ mỉ về động cơ của sự cúng dường của mình và của bà lão hành khất, sau một hồi suy nghĩ và xét lại bản tâm, vua A Xà Thế liền cởi mở được tất cả những điều thắc mắc.

"Công đức cúng dường không đánh giá nơi phẩm vật, mà căn cứ nơi sự thành tâm".

Chim Cú Mèo

Xưa, có con chim cú mèo làm tổ chung trên một cội cây với con chim gáy. Một hôm Cú Mèo đến từ già chim gáy để dọn đi nơi khác, Gáy ngạc nhiên hỏi:

- Bác đi đâu thế?

- Tôi dời nhà sang phương Tây.

- Sao thế? Có việc gì làm trở ngại cho bác? Tôi thấy nơi đây mát mẻ, sinh sống dễ dàng, sao bác lại bỏ đi?

Cú Mèo buồn rầu đáp:

- Dân cư vùng này không ưa tôi!

Gáy dụ dàng bảo:

- Này bác ạ! Chỗ thân tình với nhau tôi nói cho bác nghe... Sở dĩ người ta không ưa bác là tại vì tiếng kêu của bác. Nếu sang phương Tây bác cũng kêu như thế thì người ta cũng ghét bác thôi. Chi bằng bác đổi tiếng kêu đi thì Đông Tây gì cũng tốt như nhau, chẳng ai ghét bác nữa đâu mà sợ.

Cú Mèo nghe nói giận dữ bỏ đi đến miền Tây ở. Đúng như lời tiên đoán của Gáy, dân chúng miền Tây cũng ghét bỏ nó. Cú mèo đâm ra hận đời, nhất định đi vào thâm sơn cùng cốc lánh xa loài người, loài vật, mặt trời, mặt trăng...

Em thân mến

Đổi chỗ ở bao giờ cũng dễ dàng hơn sửa đổi một cố tật của mình, phản ứng mất thì giờ của chúng ta mỗi khi gặp trở ngại, bị bạc đãi, là giận dỗi bỏ đi.

Ta chỉ muốn giữ lại mối tương giao nào mà cái huyễn ngã của chúng ta được ái mộ, chiều chuộng, vuốt ve, những hành động của ta được tung hô vạn tuế. Bằng ngược lại, ta hờn, ta dỗi, ta hận đời đen bạc, than rằng sao người ta không hiểu mình, rằng sao mà mình cô đơn quá, v. v... và v. v...

Vậy thì nên đổi cảnh hay đổi tâm đây?

Em có để ý rằng, chư vị Bồ Tát dù ở địa ngục mà vẫn hỷ lạc như cảnh trời Tam Thiên, còn chúng ta ở giữa cảnh đời đầy trăng thanh gió mát, hoa thắm lá xanh, bụng no chần ấm mà vẫn muộn phiền không nguôi chẳng? Và có lẽ, nếu ai mang cái mạng mộc của mình đi lang thang từ nơi này sang nơi khác, dù gặp được những chốn thông dong như cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà đi nữa, chúng ta cũng chỉ tự làm phiền mình và chúng sanh lân cận mà thôi.

Em nghĩ sao? (1983)

Như thành quách được phòng hộ thế nào, tự thân các người cũng phải nên phòng hộ như thế. Một giây lát cũng chớ buông lung. Hễ một giây lát buông lung là một giây lát sa đọa địa ngục.

Chỉ Một Giới Thôi

Uttiya là một thanh niên Bà La Môn ở kinh thành Xá Vệ. Sau khi làm đầy đủ bốn phận của một cư sĩ tại gia như bố thí, cúng dường, Uttiya đến yết kiến Phật và xin được xuất gia. Đức Đạo Sư chấp thuận cho chàng được toại nguyện.

Sau ngày xuất gia và thọ Tỳ Kheo giới, Uttiya đâm hoảng. Chàng tự nghĩ: "Không ngờ muốn làm một sa môn phải giữ đến 250 giới... chỉ nhớ thôi cũng đã mệt rồi... nói gì đến thọ trì. Thôi chết rồi! "

Và thầy Tỳ Kheo Uttiya đâm ra lúng túng vì thầy không tài nào nhớ mỗi 250 giới cấm. Uttiya đến gặp Phật và xin hoàn tục vì chàng không tài nào xoay sở với ngần ấy giới luật phải giữ. Đức Đạo Sư ân cần khuyên hỏi:

- Nay Tỳ Kheo! Con xin hoàn tục chỉ vì các điều giới quá nhiều khiến con không nhớ nổi, chứ không phải vì con tiếc nước đục lặc thế gian, có phải thế không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Con nghĩ rằng khi sống đời cư sĩ, chỉ phải giữ 5 giới cấm, là những điều con có thể thi hành được. Còn hôm nay, hai trăm năm mươi giới của Tỳ Kheo, con không tài nào nhớ hết thì làm sao mà vâng giữ. Chi bằng con xin hoàn tục để khỏi vi phạm đến giới pháp cao sâu vi diệu của Tăng đoàn.

- Nay Tỳ Kheo! Nếu Như Lai rút 250 giới lại thật tóm tắt, chỉ còn một vài điều giới thôi thì con có thể tiếp tục đời sống xuất gia hay không?

- Bạch Thế Tôn! Được như thế thì còn gì bằng.

- Nay Tỳ Kheo! Vậy thì bắt đầu từ hôm nay, con chỉ giữ có mỗi một giới này thôi. Đó là canh chừng thật chặt chẽ những móng tâm động niệm của con, biết rõ từng ý nghĩ khởi lên là thiện hay ác. Nay Tỳ Kheo! Làm sao để biết đó là một ý tưởng thiện hay ác: Ý tưởng ác là những ý tưởng mà nếu đem ra nói hay làm sẽ gây hại cho mình, cho người hoặc cho cả hai. Đối với những ý tưởng như thế, con phải canh chừng, theo dõi nó từ lúc mới sanh, lan rộng, cho đến khi diệt mất. Nay Tỳ Kheo! Thế nào là những ý tưởng thiện? Đó là những ý tưởng mà khi đem ra thi hành sẽ không làm hại mình, hại người hoặc cả hai... Đối với những ý tưởng loại này, con cũng phải theo dõi từ lúc chúng sanh khởi, lan rộng cho đến khi chúng diệt mất. Nay Tỳ Kheo! Với một điều giới duy nhất như thế, con có thể giữ được hay không?

Thầy Tỳ Kheo Uttiya cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể giữ được và con xin Thế Tôn cho phép con ở lại tịnh xá tu học.

Rồi Tỳ Kheo Uttiya, với một điều giới duy nhất như thế, tinh cần tu tập. Không may cho thầy, một cơn bệnh nặng chợt đến khiến thầy phải gián đoạn công phu. Cơn bệnh này tiếp nối cơn bệnh khác không thừa dứt, khiến thầy Uttiya vô cùng sầu khổ. Một hôm trên giường bệnh, thầy chợt nghĩ: "Trong khi ta lâm bệnh khổ thân thể khó chịu vô vàn như thế này, các ý tưởng sinh khởi liên miên không bao giờ dứt. Nếu cái thân xác thịt này mà không được tiếp tế thức ăn, nước uống và không khí thì nó có lẽ đã chết từ lâu. Còn cái vọng tâm của ta, nếu không được

tiếp tế bằng những ý niệm thì có lẽ... nó cũng đã chết từ lâu lắm rồi. Thân ta tuy hiện đang bị bệnh khổ bức bách, nhưng đó không phải là cái có để ta buông lung... hướng chi đấng đạo sư đã thương tình tóm tắt 250 điều giới vào trong chỉ một giới mà ta còn lơ đãng thì thật là đáng trách... "

Nghĩ như thế, Tỳ Kheo Uttiya tinh cần tu tập. Chẳng bao lâu, thầy đắc A La Hán, ngay khi còn nằm trên giường bệnh. Người ta còn ghi lại được một bài kệ đơn giản của vị La Hán này như sau:

Trong khi ta lâm bệnh

Niệm khởi lên nơi ta.

Trong khi ta lâm bệnh

Không phải thời phóng dật.

Lời bàn:

Em thân mến,

Trường hợp của thầy Tỳ Kheo Uttiya cũng là trường hợp của em và tôi. Dù đã thọ 5 giới, 10 giới, 250 giới hay 348 giới đi nữa, tuy số lượng có sai biệt nhưng tinh thần của giới luật không ngoài hai điểm: "Dứt ác, làm lành". Đó chính là một giới răn mà đấng Đạo Sư đã tóm tắt cho thầy Uttiya giữ gìn giới này, nhà thiền gọi là "chăn trâu" đó em.

"Bằng sự cố gắng, hăng hái không buông lung, tự khắc chế lấy mình, kẻ tự tạo cho mình một hòn đảo. Chẳng có ngọn thủy triều nào nhận chìm được. "

Chú Rể Đa Sự

Ngày xưa, ngày xưa... có một chàng trai nọ, chúng ta cứ tạm gọi là An cho tiện.

An được cha mẹ hứa hôn với một cô gái đồng trang lứa. Hai đảng chưa hề giáp mặt nhau. An chỉ nghe phong thanh rằng vị hôn thê của mình là một thiếu nữ khá diễm lệ, tam tòng tứ đức đều đầy đủ. Và các bạn chàng vẫn thường kín đáo tỏ bày niềm ao ước được một người bạn đường tốt đẹp như chàng.

Để chúng tỏ cho cô dâu, và mọi người biết rằng đảng gái đã không lằm khi chọn mình làm rể đồng sàng, An cương quyết sẽ không bao giờ rước vợ nếu chưa lập công danh với đời.

Từ đó, người ta thấy An đêm ngày soi kính nấu sủ, luyện võ ôn văn.

Ngày tháng dần qua... Biết bao lần đảng gái bắt tin cho An biết rằng họ không đòi hỏi nơi chàng gì hết, rằng tân nương sẽ được đưa đến vô điều kiện, như lời giao ước năm xưa... Nhưng lòng tự tôn của An đã không cho phép chàng hành động như bao nhiêu con người tầm thường khác... Chàng vẫn thường hình dung đến nhan sắc diễm lệ của nàng để tự an ủi và sách tấn mình trong những lúc thất chí, sa cơ... Tất cả những gian truân khổ nhọc mà chàng đã vượt qua, há chẳng phải là vì nàng đó sao? Người thiếu nữ mà dung nhan còn mơ hồ đó dần dần trở thành một điểm tựa, một lý tưởng, một hải đăng định hướng cho đời chàng.

Mười năm trôi qua... An tạm hài lòng với con đường công danh của đời mình. Và một hôm, hôn lễ được cử hành rất tung bừng. Cô dâu được đưa về nhà chồng với vô số đồ trang sức, và, một tấm khăn voan che kín mặt.

Và trước mặt rất đông quan khách, An đưa tay giở tấm khăn che mặt tân nương... Bỗng nhiên, người ta nghe tiếng kêu thảng thốt của An:

- Chèn ơi! Tưởng ai đâu xa lạ, té ra nàng chính là người vẫn thường cắt chuỗi cho heo ăn, và vớt bèo nuôi vịt mà tôi vẫn thường thấy hằng ngày qua song cửa đấy ư?

Lời bàn:

Người ta không đồng ý với nhau về đoạn kết của câu chuyện. Có người cho rằng sau đó An bỏ nhà ra đi biên biệt vì tân nương đã làm cho chàng quá thất vọng. Nàng đã không chịu ăn hoa, uống sương và thêu vàng giắt ngọc như chàng hằng mơ tưởng mà lại là một thiếu nữ hoàn toàn bình thường và đằm đằm như bao nhiêu người vợ khác.

Nhưng có kẻ quả quyết rằng, sau ngày hôn lễ An đã tuyên bố rằng tân nương tuy không giống người trong mộng của chàng nhưng nàng cũng không đến nỗi xấu xí... và chàng kết luận rằng chỉ vì tính khí cao ngạo ngông cuồng mà chàng đã phí mất 10 năm dài lao khổ trong khi nàng lúc nào cũng ở bên cạnh chàng, v. v... và v. v...

Nhưng nơi đây người kể không cốt ý trình bày một câu chuyện tình có hậu của thế gian giới mà chỉ thừa hứng nghĩ lan man về tu hành giới, về chuyện hạ thủ công phu của nhà thiền. Cũng như những lao tâm khổ trí, những niềm sâu, nỗi chán trên đường tầm đạo... Chân lý là một cái gì khi ẩn, khi hiện, như thực, như hư... Hành giả thường không phân biệt biết mình đang làm gì và ở đâu trên đường tìm kiếm, đang đi hay sắp đến.

Đạo ở nơi đâu, ra sao mà thiền sư Nam Tuyền lại khẳng định rằng: "Tâm bình thường là đạo". Và Tổ Bồ Đề Đạt Ma lại dạy: "Càng cố tâm tìm càng chẳng biết"; nhất là câu nói sau đây của Cổ Đức:

"Đáo xứ phùng nhân mạch điện khi".

Có nghĩa nôm na rằng: Sau khi lội suối trèo non, mất bao nhiêu năm cầu tìm kiếm, rốt cuộc ta sẽ gặp lại người mà ta vẫn thường khinh dễ mỗi khi gặp mặt hàng ngày... Giống hệt như anh chàng An trên đây. Sau 10 năm khổ nhọc tìm sinh lễ, đã rước về một vị tân nương khác xa người trong mộng của chàng là người mà chàng hằng thấy thấp thoáng qua song cửa mỗi ngày, khi xắt chuối cho heo, lúc vớt bèo nuôi vịt!

Chuyện Tình Không Đoạn Kết

Ngày xưa, ngày xưa, có một cô công chúa út, con gái yêu của một vị hoàng đế La Mã giàu sang, độc tài và hung bạo.

Lúc lớn lên, nàng công chúa này lại đem lòng thầm yêu trộm nhớ một chàng trai trẻ trong đội ngự lâm quân của cha mình. Nhà có ngạch, vách có tai, câu chuyện tình thơ mộng này chẳng bao lâu lại lọt vào tai vua.

Sau một hồi xoắn râu giện dữ, hoàng đế ra lệnh đưa chàng trai tốt phước, nhưng đang tái xanh mặt mũi ra trước đấu trường. Chàng tuổi trẻ được dẫn đến trước hai gian phòng và được quyền mở một trong hai cánh cửa.

Nếu chàng vô tội, thần linh sẽ giúp chàng mở cánh cửa hạnh phúc: một giai nhân đang chờ chàng cùng một số hồi môn đồ sộ.

Nếu chàng có tội, cánh cửa sẽ mở lối cho một ả sư tử đói bụng, cũng đang chờ chàng bằng hai hàm răng bén nhọn.

Trong giây phút định mệnh, chàng ngự lâm quân bối rối nhìn quanh... Và nơi khán đài danh dự, chàng bỗng gập ngón tay điểm chỉ của công chúa.

Lòng đầy hy vọng, chàng liền mở một trong hai cánh cửa...

Nhiều thế hệ đã trôi qua, các ông hoàng bà chúa đã biến mất... nhưng người ta vẫn chưa đồng ý với nhau về đoạn kết của câu chuyện. (1979)

Chính các người là kẻ bảo hộ cho các người.

Chính các người là nơi nương náu cho các người.

Các người hãy gắng điều phục lấy mình như thương khách lo điều phục con ngựa lành.

Pháp cú 380

Con Chó Vô Ưu

Thầy kể chuyện:

"Tu viện có một con chó tên là Tiểu Bạch, nó bị xà mâu ăn lở loét cùng mình. Sư khám thấy vậy, động lòng trắc ẩn, chế thuốc bôi cho nó. Thuốc thật công hiệu nên chỉ mới xức có một lần mà ghẻ đã khô mặt. Nhưng cũng từ dạo đó, mỗi lần thoáng thấy bóng ân nhân, Tiểu Bạch liền hậm hực bỏ đi nơi khác".

Xong, Thầy kết luận:

"Mấy đứa tụi con, khi có lỗi được huynh đệ nhắc nhở, đâm ra tức tối tìm cách trả đũa lại... thì coi chừng giống như con Tiểu Bạch! "

Lời bàn

Em thân mến, chúng sanh trong cõi này, dù là nhân đạo hay súc sinh đạo cũng giống nhau ở chỗ này. Nhớ ân và đáp ân là một điều thật khó trong khi đem oán trả ân là một chuyện dễ... ợt. Có lẽ vì thế mà chúng ta thường thấp hươg đánh lễ những kẻ biết ghi ân chăng? Và trong kinh cũng thường tán thán Tôn Giả Xá Lợi Phất là người mà "một chút ân nhỏ xíu cũng không quên".

Cô Lái Đò

Xưa, có một thiền sư có việc phải sang sông. Ngồi trên đò, sư cũng hơi kinh ngạc vì nhan sắc dễ coi của cô gái miền quê. Đến lúc lên đò, hành khách mỗi người phải trả cho cô một quan. Sư cũng định thế, không ngờ cô gái hóm hỉnh bảo:

- Xin nhà thầy trả cho tôi hai quan!

Sư còn đang ngạc nhiên thì cô lái đã tiếp:

- Một quan cho tiền đi đò và một quan về khoản nhìn người lái.

Vốn không ưa tranh cãi lời thôi. Sư liền trả cho cô hai quan tiền, nhưng trong bụng hơi tấm tức.

Bận về sư cứ dí mũi xuống sàn thuyền, không dám nhìn lên, nào ngờ lần này cô lái bảo:

- Xin nhà thầy cho xin năm quan!

Không nhịn được nữa, nhà sư cãi:

- Nhưng tôi có nhìn cô đâu nào?

Cô lái mỉm cười:

- Đồng ý là thầy không nhìn tôi bằng mắt, nhưng thầy lại nhìn bằng tâm... Vì thế tôi mới tăng giá gấp đôi lên cơ chứ!

Lời bàn

Nếu mỗi móng tâm động niệm của chúng ta đều phải trả tiền kiểu này thì dù có đi ở đợ cũng không thể nào thanh toán nổi!

Phật Của Ngoại

Bé đi chùa về chào ngoại. Ngoại hỏi:

- Con đi chùa có gì hay kể cho ngoại nghe với!

- Ngoại à! Thầy dạy con niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Ngoại nhớ niệm nghen.

Bà ngoại ngần ngừ hồi lâu đáp:

- Xưa rày ngoại niệm đức Quán Thế Âm, bữa nay đổi niệm đức Di Đà... Sao ngoại sợ ông Phật kia giận ngoại quá... con à!

Phụ chú:

Điều này phải hỏi lại đức Quán Thế Âm mới rõ thực hư!

Không có trí tuệ thì không có thiền định.

Không có thiền định thì không có trí tuệ.

Người nào gồm đủ thiền định và trí tuệ thì gần đến Niết bàn.

Chế phục được mắt - Lành thay!

Chế phục được tai - Lành thay!

Chế phục được mũi - Lành thay!

Chế phục được lưỡi - Lành thay!

Chế phục được thân - Lành thay!

Chế phục được tâm ý - Lành thay!

Chế phục được hết thảy - Thật lành thay!

Tỳ Kheo nào chế phục được hết thảy thì giải thoát hết thảy khổ

Pháp cú 360

Của Quý

Nước Tống có người nhặt được viên ngọc quý. Anh mang đến biểu quan tư thành là Tử Hãn. Tử Hãn không nhận, người đưa ngọc cố nài:

- Bẩm thượng nhân, đây là viên ngọc quý rất hiếm, ai cũng phải công nhận điều ấy. Xin ngài nhận cho tôi được vui.

Tử Hãn đáp:

- Chú cho ngọc là của quý, còn ta, ta cho tánh không tham là của quý. Chú mang ngọc cho ta, nếu ta nhận thì cả hai đều mất cái mình cho là quý nhất. Chi bằng của quý của ai thì người ấy giữ.

Người được ngọc thưa:

- Chúng tôi là thường nhân, mà được ngọc thì dù biết là của quý, nhưng nếu cố giữ thì sẽ thành họa vì thế mới mạo muội đến dâng ngài.

Tử Hãn bèn gọi thợ ngọc đến bán dùm viên ngọc. Xong ông trao tiền cho người được ngọc mang về.

Đạo Sĩ Am Mây

Xưa, có một đạo sĩ sống ẩn dật tại một thâm sơn cùng cốc đầy mây phủ nọ. Rau rừng, nước suối, quạt gió, đèn trăng, tuy đạm bạc nhưng thật đầy đủ đạo vị đối với con người tri túc, cắt đứt duyên trần như đạo sĩ. Trở ngại duy nhất của nhà tu là các chú chuột nhất trong hang động thường khuấy phá gặm nhấm bất kể đêm ngày.

Ngày lại tháng qua, bọn chuột sinh sôi nảy nở đông đúc và mỗi ngày mỗi một lộng hành. Chịu hết nổi, đạo sĩ đành mang một chú mèo về ở chung. Nhờ sự cảm hóa của đạo sĩ, chú mèo chỉ hăm he lũ chuột nhất, chứ riêng chú hoàn toàn trường chay khổ hạnh. Lâu ngày mèo chỉ còn da bọc xương. Chạnh lòng, đạo sĩ phải hạ sơn đi xin sữa bò về để bồi dưỡng cho ân nhân, cũng là bạn đồng hành trên đường cầu đạo.

Để tránh tối thiểu sự đi lại thường làm gián đoạn công phu tu tập, đạo sĩ xin một con bò sữa về nuôi để lấy sữa cho mèo uống. Nhân vật mới này thật là ngu như... bò, ả ta cứ nhớn nhợ đi dạo khắp vùng núi ẩn cư và thường quên lối về. Một chú mục đồng được vờ đến để trông nom con bò và vắt sữa mỗi ngày... Rừng núi hoang sơ xem chừng không thấy thích hợp lắm với một chàng trai mới lớn và nặng lòng trần tục... Đạo sĩ đành mượn sợi tóc nữ cột chân chàng trai trẻ... bằng cách đó, chẳng bao lâu vùng núi ẩn dật biến thành một thôn trang trù phú với đông đảo những tập đoàn chuột, mèo, bò, đàn ông, đàn bà, và con nít.

Không ai biết đạo sĩ đắc đạo khi nào, tịch ở đâu và truyền pháp cho ai... lâu dần người ta cũng quên mất tên tuổi ông và chỉ gọi nhà tu là "Đạo sĩ Am Mây".

Lời bàn:

Em thân mến,

Như vậy, thì không phải là khi không khi không mà đức Phật dạy hàng tu sĩ chúng ta nên tu hạnh "thiểu dục tri túc" tức là hãy bằng lòng với tình trạng vật chất hiện có của mình. Lâu lâu, có lẽ chúng ta nên kiểm kê tài sản một lần xem nó đã sinh sôi nảy nở đến đâu rồi, kéo mà "cái sậy nó nảy cái ung". Biết đâu chừng! Có phải thế không?

Chiếc Cầu Muôn Thuở

Đây là một khu rừng xanh tươi trong dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, lòng sông Hằng từ ngàn cao đổ về, chậm chậm chảy như muốn nghỉ ngơi sau khi đã vượt qua nhiều đoạn thác ghềnh. Bên bờ sông phía Nam, vượt lên trên muôn ngàn cây lá xanh tươi tốt, có một cây xoài khổng lồ. Thân cây vút tận trời. Cành xoài đâm ngang che cả một vùng rộng lớn. Nhiều nhánh ngả ngang trên dòng sông, soi hình xuống đáy nước, trái xoài mập mạp, to trĩu cả cây.

Cây xoài là nơi tụ họp của một đoàn vượn đông đúc. Tám ngàn con, chúng họp thành một quốc gia hẳn hoi đứng đầu là một vượn chúa, thân hình cao đẹp, sức khỏe phi thường. Nguồn lợi thiên nhiên đủ cung cấp cho toàn đoàn vượn lương thực suốt cả một mùa. Nhưng phải cẩn thận, không được để trái nào chín tới, phải ăn quả lúc còn xanh. Đó là lệnh của vượn chúa biết lo xa, và bầy vượn ngoan ngoãn làm theo.

Một hôm, một điều không may xảy đến. Một trái xoài che khuất bởi một tổ kiến to, dần dà chín mùi, rơi xuống dòng sông. Trái xoài bị nước cuốn đi, trôi dạt vào bể bơi của vua xứ Ba La Nại vừa đúng lúc nhà vua đang tắm. Trái xoài to một cách khác thường, mập mạp và thơm tho. Nhà vua bèn nhặt lên bóc ra và ăn thử, ngài không đợi ý kiến viên cận thần. Chưa khi nào vua được ăn một trái cây ngon như thế.

Thế là sau đó, các người thợ rừng được gọi đến hỏi ý kiến. Mọi người đều trả lời là họ chưa thấy cây xoài nào trái to như vậy. Nhưng nhà vua quyết định sẽ tìm cho kỳ được cây xoài quý giá kia. Và ngày hôm sau, cả một đội binh thuyền được huy động để vượt dòng sông. Họ chuẩn bị rất nhiều lương thực, quyết dùng lại khi nào đến được dưới gốc xoài... .

Sau ba ngày, một buổi chiều kia, người ta tìm thấy trên một triền núi xa, một cây xoài cao lớn. Tin vui mừng truyền đi rất nhanh. Cánh tay được truyền thêm sức mạnh. Người ta chèo suốt đêm ấy và cả ngày hôm sau.

Đến chiều người ta đã gần đến được dưới cây xoài. Không thể tả hết nỗi ngạc nhiên của quân binh và vua quan. Họ chưa bao giờ thấy một cây to như thế. Đứng trước nó, đứng trước cảnh núi non hùng vĩ, con người thấy mình bé nhỏ quá. Ai nấy đều có ít nhiều lo ngại.

Mà hình như trên cây có những con vật đang đang chuyển động. Không phải một vài chục, một vài trăm mà hàng ngàn. Đoàn thuyền đến gần. Người ta nhận ra đó là một thế giới vượn đang chiếm cứ cả cây xoài và sinh sống ở đấy. Nhà vua đứng ở mũi thuyền cũng vừa nghiệm thấy như thế. Quả là một sự khinh mạn lớn vì tất cả những trái xoài ngon từ trước đến giờ đều bị loài vượn đáng ghét kia ăn trước hết cả. Lệnh truyền ra cho tất cả quân lính phải bao vây chặt chẽ và chuẩn bị sẵn sàng cung tên chờ ngày mai, khi mặt trời trở dậy, bắt đầu tàn sát tất cả đoàn vượn kia!

Về phía đoàn vượn, tất cả đều tỏ vẻ hoảng sợ. Chúng đoán biết có một tai nạn không tiền khoáng hậu sẽ xảy đến với chúng, mặc dầu vượn chúa đã tìm cách làm an lòng.

Trong đêm ấy, vượn chúa băn khoăn nát óc nghĩ cách cứu đoàn. Rồi thành linh, vượn chúa vụt trèo ra đầu cành ngả sang sông. Từ đây qua bờ bên kia còn xa lắm. Sông rộng, nước sâu khó có

một con vượn nào có thể thoát được sang ngã này. Bỗng vượn chúa nhún mình lấy hết sức mạnh, đánh một cái nhảy sang bên kia bờ. Rồi vượn chúa đi tìm những sợi mây dài, nối liền lại và loay hoay cột một đầu dây vào thân cây, còn đầu dây kia cột vào thân mình. Xong xuôi, vượn chúa lại lấy hết sức để nhảy trở về cây xoài. Vượn chúa định làm một chiếc cầu bằng dây để cứu thoát cho cả đoàn mình chuyển sang bên kia bờ. Nhưng, nguy thay! Sợi dây bị hụt đoạn chừng một sải tay và vừa đúng khi hai tay vượn chúa nắm được cành xoài đâm ra sông là sợi dây vừa căng thẳng, kéo chân vượn ra sau. Tám ngàn vượn phải chuyển chuyển sang sông đêm nay. Cho nên vượn chúa nằm ngay trong thế đó, hai tay vượn ắm kỹ nhánh xoài, chân vượn nối dài thêm sợi dây để làm cầu, vượn chúa ra lệnh cho toàn đoàn sang sông. Bầy vượn ngần ngừ. Phải bước lên mình vượn chúa? Phải chuyển mình trên sợi dây đang kéo nặng thân vượn chúa? Trước sự đau lòng ấy, nhiều con đã nức nở, chảy nước mắt. Nhưng không còn chậm trễ được; hoặc xót thương để ngày mai phải bị tiêu diệt cả; hoặc phải cứu sống cả đoàn.

Lệnh được lập lại một lần nữa trước sự cương quyết của vượn chúa. Bầy vượn chuyển sang sông. Con nào con nấy đều cố sức đi thật nhẹ nhàng. Chúng cảm thấy như đang dầy vò lên một cái gì cao quý, một trái tim đã hết mục hy sinh cho chúng.

Vượn chúa đã ngắt đi nhiều lần, nhưng lại cố trấn tĩnh ngay để nắm vững thân cây. Bầy vượn qua gần hết, con vượt qua cuối cùng là con vượn Devadatta. Đây là con vượn xấu xa nhất, đã nhiều lần tỏ lòng ghen ghét vượn chúa và tìm cách ám hại. Nó cho là cơ hội đã đến. Nó nhảy mạnh lên mình vượn chúa v

<center>o O o</center>

i tất cả/ sức mạnh của nó và nhún thật mạnh trên cầu dây. Vượn chúa tưởng chừng như dập cả buồng gan, nhưng vẫn cố ráng sức nắm chặt thân cây để nó sang sông được an toàn. Rồi vượn chúa mệt lả đi. Qua bên kia bờ sông, con vượn Devadatta quay nhìn lại. Trong ánh lờ mờ của ngày sắp dậy, nó thấy thân hình vượn chúa lông lá phờ phạc, im không cử động. Tự nhiên nó cúi mặt xuống, roi hai hàng lệ nóng; nó hối hận, nó cảm phục đức độ bao dung của vượn chúa.

Sáng hôm sau, vua Ba La Nại truyền tiến quân. Nhưng một ngạc nhiên lớn! Toàn thể bầy vượn đông đảo đã trốn đi ngã nào hết. Quan quân đến dưới gốc cây xoài, người ta nhìn lên. Cảnh tượng thật cảm động. Một con vượn to lớn khác thường đang nói mình với một cành cây và một sợi dây bắt qua bên kia bờ sông. Vượn nằm im không cử động, hình như mệt ngắt đi. Theo nhiều người thợ rừng cho biết thì đây là con vượn đầu đàn. Lúc bấy giờ nhà vua rỏ đầu đuôi. Thì ra con vượn đầu đàn đã lấy thân mình nối thành cầu để cứu thoát cho cả bầy của mình. Vượn đầu đàn đã nêu gương hy sinh cao cả làm nhà vua cảm phục lắm. Ngài đột nhiên tỉnh ngộ, nghĩ đến việc làm ích kỷ và thấp hèn của mình: Chỉ vì muốn có những trái xoài ngon ngọt mà ngài đã dùng uy quyền huy động nhiều người đến đây. Chỉ vì một ý muốn tầm thường nếu không muốn nói là sai lầm, một sự tức giận nhỏ nhen mà ngài suýt gây nên một sự tàn sát thảm khốc. Rồi ngài quay sang bọn thợ săn đang đứng yên, không còn hăm hở muốn giết hại như trước. Ngài nói to để chỉ cho họ một bài học và lập tức truyền lệnh lui quân. Sau khi đã sai người đưa vượn chúa xuống và tự tay ngài vuốt ve săn sóc cho vượn chúa tỉnh lại.

Vượn chúa đã nêu lòng hy sinh cao cả để cứu đoàn một cách cảm động trên đây chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. /.

Con Dao Trong Tâm

Ngày xưa ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, đức Phật đến hóa độ cho một gia đình kia, hai vợ chồng đều có tánh tham lam độc ác, không biết tôn trọng đạo đức. Ngài liền hóa một vị đạo nhân, mang bình bát đến khát thực. Lúc ấy người chồng đi vắng, người vợ ở nhà, thấy vị đạo nhân vào liền mắng chửi âm lên. Vị đạo nhân hiền từ nói: Tôi là người tu hành, chỉ xin ăn mà tự sống. Lòng chỉ mong gia chủ cho bát cơm để đỡ lòng, có sao lại mắng chửi đôi đủ điều thậm tệ như vậy. Người vợ tức giận hét ngược lên, thì vừa người chồng về, trong tay sẵn cầm con dao bén, chẳng nói chẳng rằng, người chồng lạng lẹ xông tới, định chém vị đạo sĩ. Bỗng một bức thành pha lê hiện lên, bao bọc người đạo sĩ, bức thành trong sáng, kiên cố, không có cửa, người chồng đến xô đập, đâm chém đủ cách cũng không sao chuyển được. Người chồng liền nói: Ông hãy mở mau cho tôi vào với. Vị đạo sĩ trả lời: Được, nhưng ông hãy quăng con dao bén đi đã. Người chồng tự nghĩ: Mình to lớn như thế này, còn người đạo sĩ bé nhỏ thế kia, mình dùng hai tay không cũng đủ giết chết vị ấy trong giây lát nghĩ đoạn, liền quăng con dao bén đi xa, nhưng sao bức thành pha lê vẫn nguyên như cũ, người chồng tức giận hét lên: Tôi đã quăng con dao bén đi rồi sao ông không chịu mở cửa cho tôi vào. Vị đạo sĩ đáp: Không, tôi không có nói ông quăng con dao bén trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao bén trong tâm ông kia mà. Người chồng giật mình kinh sợ, nhận thấy vị đạo sĩ thấu hiểu tâm lý thâm kín của mình, nên đã bớt độc ác, cúi đầu lạy tạ, ăn năn hối lỗi. Bức thành pha lê kiên cố ấy bỗng biến mất, vị đạo sĩ hiện thành đức Phật, phóng muôn ánh hào quang chói sáng rực rỡ một phương trời, và ngay khi đó đức Phật thuyết pháp để hoá độ cho hai vợ chồng người ấy.

Trích báo: VIÊN ÂM

Con Khỉ Nhân Từ

Đời xưa, có một con khỉ lớn, sức lực mạnh mẽ, trí não thông minh và lòng nhân từ của nó chưa chán người đã bị kẹp. Nó đi khắp cả rừng này, núi nọ để cứu giúp những kẻ gặp con hoạn nạn.

Một hôm, đang ngồi ăn trái ở trên cây, nó nghe tiếng than khóc ở trong hang đá đưa ra. Ngạc nhiên nó nhảy đến nhìn xuống, thì ra một người bị rơi xuống đáy mà chẳng có đường lên. Nó tìm lối xuống hang rồi nói rằng: "Anh kia, anh đừng sợ hãi. Tôi xuống để cứu anh đây. Anh cứ leo lên lưng tôi để tôi công anh ra".

Người bị nạn trong lòng sợ hãi, nhưng cũng liều trèo lên lưng khỉ. . Khỉ lần mò vịn từng cành cây khớp đá, cố đem hết sức lực mới ra khỏi hang. Cả hai cùng mừng rỡ nhưng vì quá mệt mỏi, phải nằm lăn trên thảm cỏ xanh, dưới một bóng cây to để nghỉ cho lại sức. Gió hiu hiu đưa người và khỉ vào giấc ngủ say. Khi tỉnh dậy, người vừa được cứu thoát nạn nghĩ thầm: "Ta lâu nay đói khát và đường về nhà còn xa xôi, đồ ăn chẳng có, chi bằng trong lúc con khỉ đang ngủ ta lén giết quách, lấy thịt ăn qua ngày".

Người ấy liền lấy một hòn đá to ném vào đầu khỉ. Khỉ bị thương máu ra lai láng, liền nhảy lên cây, nhìn xuống, nó biết người kia cố tâm hại mình lòng ngao ngán nhưng không giận hờn. Nó đau đớn nhìn con người ác độc ấy và để rơi từng giọt nước mắt theo từng giọt máu đỏ xuống đám cỏ xanh. Một hồi lâu, nó liền chuyển qua cây khác đi mất. (Con khỉ nhân từ ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca)

Đường Lầy

Có hai nhà sư cùng thong dong bước xuống một con đường lầy. Con mưa nặng hạt vẫn còn rơi. Đến khúc đường quẹo, hai người gặp một cô gái xinh xắn trong chiếc áo Kimono và chiếc khăn quàng cổ bằng lụa, đang đứng bên lề đường vì không thể băng qua ngã tư đường lầy được. Lập tức một nhà sư bảo: "Đi nào, cô bé" tức khắc đưa tay nhắc bổng cô gái lên và đưa qua quãng đường lầy.

Nhà sư bạn của anh ta, từ đó không buồn nói một tiếng nào, cho đến khi cả hai dừng lại trong một ngôi chùa. Rồi không còn chịu đựng được nữa, nhà sư bạn lên tiếng nói với anh ta:

- Chúng ta là những nhà sư, không được phép gần đàn bà, nhất là với những người đàn bà trẻ đẹp. Nguy hiểm lắm! Sao anh lại làm như vậy?

Nhà sư mỉm cười:

- Tôi đã bỏ nàng từ chỗ đó rồi! Anh còn mang nàng theo đấy sao?

Phụ bản 2 - Người Bốc Vác

Xưa, có hai thiền sư có việc phải hạ sơn. Trên đường đi đôi bạn gặp một thiếu nữ xinh xắn ngồi buồn rầu bên vệ đường. Chả là cô nàng muốn đi ăn cỗ cho sớm bữa mà lại bị một vũng nước to ngang đường chẹn mất lối đi.

Vị thiền sư trẻ tuổi liền bế cô qua đường. Sau lời cảm ơn, đường ai nấy đi.

Buổi chiều, vừa về đến cổng tu viện, vị thiền sư lớn tuổi đã khiêu tay bạn hỏi một cách bực dọc:

- Này chú... tại sao hồi sáng chú cả gan bế một thiếu nữ xinh đẹp thế kia qua vũng bùn mà không sợ ô nhiễm đến giới thể hủ?

Vị thiền sư trẻ tuổi ngạc nhiên:

- Ô hay! Em đã đặt cô nàng xuống bên kia vệ đường rồi cơ mà! Sao Sư huynh còn công cô ta về tận nơi đây?

Phụ chú:

Vác một cô nàng như thế từ sớm tới chiều thì kể cũng nặng thật!

Hoa Vương

Ngày xưa, ngày xưa có một Minh Quân cai trị một quốc giathanh bình trù phú. Mọi việc đều xuôi chèo mát mái, ngoại trừ mộtđiều là dù tuổi đã khá cao, nhà Vua hiền đức của chúng ta vẫn chưa có được Hoàng nam nối dõi. Một bữa tốt trời đức Vua cho yết bảng, truyền lệnh cho vò các đồng tử lên 7 đến 12 vào sân rộng cho Ngài tuyển chọn người kế nghiệp. Các thần dân của đức Vua trong số tuổi ấn định lũ lượt kéo nhau về kinh đăng ký. Bất kể gia tộc sang hèn, nghèo giàu mỗi cậu bé đều được nhận một hạt giống tí tẹo. Các thí sinh phải đem hạt giống về tự tay gieo trồng và chăm bón. Đến bao giờ hạt giống nảy mầm, nứt lộc, đâm chồi, ra nụ kết hoa thì sẽ mang đến Hoàng cung dự thí.

Ngày khảo thí được ấn định vào đêm rằm tháng tám, chậu hoa nào được đức Vua chấm giải nhất thì người gieo trồng nó sẽ được vào cung làm Hoàng tử. Người sẽ kế vị đức Vua sau này. Cái ngày chờ đợi đó đã đến, vườn ngự uyển chất đầy các lảnh hoa do thí sinh đem nộp, không chê vào đâu được, vì loài hoa nào cũng rực rỡ ngát hương. Nhưng đức Vua và Hoàng hậu xem chừng vẫn chưa chọn được thứ nào vừa mắt.

Cuối cùng một chú bé khoảng 8 tuổi, áo quần rách rưới nhưng mặt mũi dễ thương, xin được vào châu đức Vua của chú. Mọi người cười ồ khi thấy chú khư khư ôm một cái chậu bằng đất nung chứa đầy phân và rác bẩn. Vị thần dân tí hon này quỳ trước bệ rồng, nước mắt chảy quanh, sụt sịt nói:

- Muôn tâu, con đã làm hết sức mình, con đã chọn chiếc chậu lành lặn nhất, để vào đó thứ đất mịn nhất, trộn vào đất thứ phân đã hoai và tốt nhất... rồi mới đặt hạt giống của đức Vua ban cho con vào đó... Con đã phơi sương ủ nắng và tưới nước cho nó... Vậy mà nó không chịu nứt cái mầm nào cả.

Đức Vua nghe xong không dấu được sự xúc động, ôm chầm lấy cậu bé reo:

- Ôi! Con chính là vị Hoàng tử mà ta chờ đợi.

Mọi người kinh ngạc lẫn bất bình.

Đức Vua vuốt râu mỉm cười giải thích:

- Tất cả các hạt giống trao cho thí sinh đều đã được hấp chín... Nó chỉ có thể nở hoa trung thực mà thôi... Đưa tay chỉ chiếc chậu đầy đất bẩn của chú bé dân giả, đức Vua tiếp:

- Đóa hoa trung thực ấy chỉ đâm chồi nảy lộc trong mỗi một chiếc chậu này. Con người đã gieo trồng được loại hoa ấy, nhất định sẽ là vị anh quân mà đất nước ta chờ đợi. Đức Vua đã không lầm trong sự lựa chọn ấy.

Linh Khuyển Thiện Thính

Trong những bức tranh và tượng của Địa Tạng Vương Bồ Tát, chúng ta thường thấy dưới chân ngài phủ phục một con linh khuyển. Con vật này có một nô bộc trung thành, vừa là con vật để Địa Tạng Vương Bồ Tát cưỡi trong suốt cuộc hành trình phổ độ chúng sinh. Con linh khuyển này có hai chiếc tai rất lợi hại, một chiếc có thể nghe được pháp âm của thập phương chư Phật, một chiếc kia thì lại có thể nghe được những lời than khổ của thập vạn chúng sinh. Vì vậy mà trong những bức tranh vẽ về Địa Tạng Vương Bồ Tát, chú chó Thiện Thính này có một tai vểnh lên, và một tai kia thì cụp xuống, trông rất ngộ nghĩnh, nhưng lại không mất phần linh hoạt của một con vật thông minh.

Tôi đối với chú linh khuyển Thiện Thính này có rất nhiều sự thân thiện, ở chỗ là lúc nhỏ nhà tôi cũng có nuôi một con chó có một chiếc tai vểnh lên và tai kia thì cụp xuống. Tuy rằng giống chó ta không đẹp, không quý và dĩ nhiên lá không sang như những con chó nhà giàu ngoại quốc, thế nhưng nó khiến cho người ta có một cái cảm giác thân thiện hơn.

Những pháp tướng của Địa Tạng Vương Bồ Tát trước thời nhà Đường không ghi nhận sự có mặt của con chó trung thành này, chỉ từ khi thái tử Kim Kiều Giác của nước Tân La (miền trung bộ của nước Cao Ly, tức Đại Hàn bây giờ) sang Trung Quốc xuất gia thì sự tích của Địa Tạng Vương Bồ Tát mới được truyền tụng nhiều hơn và hình ảnh của vị Bồ Tát này cũng từ đó có nhiều màu sắc sống động hơn.

Thái tử Kim Kiều Giác của Tân La Quốc là một người hâm mộ Phật Pháp từ nhỏ. Năm 24 tuổi, ông bỏ cả ngai vàng thế nguyện xuất gia, lấy pháp hiệu là Địa Tạng. Vì hâm mộ sự phát triển Phật Pháp tại Trung Quốc lúc bấy giờ cho nên vào năm Đường Trinh Quan thứ tư, ông dẫn con chó thương yêu tên là Thiện Thính lặn lội từ Cao Ly vào Trung Quốc học đạo. Tỳkheo Địa Tạng vân du nhiều nơi ở Trung Quốc, cuối cùng khi đến núi Cửu Hoa tại tỉnh An Huy thì chịu phong cảnh và địa thế ở nơi đó nên đã cất một túp lều tranh để tu hành. Trong thời gian tu khổ hạnh tại đó, chú chó Thiện Thính luôn là một người bạn trung thành túc trực bên mình của ông.

Sau đó, có một vị trưởng giả lên núi du ngoạn và phát hiện được tỳ kheo Địa Tạng. Ông ta đã phát nguyện cất một ngôi thiền viện để cúng dường. Lúc đó tại địa phương đó có một nhà phú thương tên là Văn Các Lão cũng đã đóng góp rất nhiều tiền của trong việc kiến trúc thiền viện. Văn Các Lão đến hỏi tỳkheo Địa Tạng cần bao nhiêu đất để ông ta đứng ra lo liệu để mua. Tỳkheo Địa Tạng trả lời là chỉ cần miếng đất che phủ bởi tấm cà sa của ông là đủ, thế nhưng khi ông giữ chiếc cà sa ra thì chiếc áo nhiệm mầu đã phủ nguyên một ngọn núi Cửu Hoa. Văn Các Lão là một người rộng rãi, ông đã giữ lời hứa cúng nguyên một ngọn núi cho chùa này, ông lại còn khuyên người con trai xuất gia theo Địa Tạng, lấy đạo hiệu là Đạo Minh. Vì vậy mà sau này trong những pháp tướng của Địa Tạng Vương Bồ Tát, người ta thường thấy, một là đại hộ pháp Văn Các Lão, và vị kia chính là Đạo Minh, con trai của ông.

Trong thời gian tu luyện tại núi Cửu Hoa, tỳ kheo Địa Tạng có nhiều truyền thuyết về thần thông đã được lưu truyền trong nhân gian, vì vậy mà hầu như ai cũng tin rằng tỳ kheo Địa Tạng chính là hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát xuất thế để cứu khổ và độ trì chúng sinh. Hiện nay, Cửu Hoa Sơn đương nhiên trở thành đạo tràng của Địa Tạng Vương Bồ Tát (chú thích 1)

Tỳ kheo Địa Tạng tổng cộng trụ trì 75 năm tại núi Cửu Hoa và thọ đến 99 tuổi. Suốt thời gian tu luyện ngài không có trở về nước. Ông nhập Niết Bàn vào ngày 30 tháng 7 năm Đường Khai Nguyên thứ 26. Tọa quan (chú thích 2) ba năm, đến khi khai quan thì dung mạo ông vẫn y hệt như người sống. Tay chân ông hãy còn mềm dẻo và có thể di chuyển được. Mãi cho đến ngày nay, nhục thân của tỳ kheo Địa Tạng vẫn còn được cung phụng tại Cửu Hoa Sơn cho thiện tín chiêm ngưỡng.

Những sự tích của tỳ kheo Địa Tạng có ghi chú trong những quyển Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện của Trung Quốc. Đây là một câu chuyện có thật và là một người có thật được ghi nhận trong sử sách. Chỉ tiếc rằng trong những quyển sách này ít đề cập đến chú linh khuyến Thiện Thính vừa kể ở trên. Nhiều người tin rằng chú linh khuyến này là đầy tớ trung thành của Địa Tạng Vương Bồ Tát cho nên sự tích trên mới được lưu truyền và những hình ảnh của chú chó tinh khôn này.

Mỗi khi đánh lễ Địa Tạng Vương Bồ Tát tôi thường chú mục và nghiêm chỉnh kính lễ linh khuyến Thiện Thính. Mỗi lần như vậy tôi cảm thấy trong tâm hồn thư thái. Cứ thử nghĩ một con chó bình thường của người phàm nuôi cũng đã rất chạy cảm với âm thanh, có thể nghe và diễn đạt được những tín hiệu từ xa, huống hồ gì linh khuyến Thiện Thính là một thần vật đã nhập tâm những Phật pháp nhiệm mầu của Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Thiện Thính hay lắng nghe, đó là bước khởi đầu trong tâm học Phật Giáo, lắng nghe được những di động của hoàn cảnh chung quanh, lắng nghe được những sự kỳ diệu trong tâm linh, và cũng lắng nghe để có thể "trên hợp cùng giác tâm của thập phương chư Phật, cùng Như Lai đồng nhất từ lực, dưới hợp cùng thập phương nhất thiết lực đạo chúng sinh (chú thích 3), cùng chư chúng sinh đồng nhất hướng Phật"

Chúng ta dùng một tâm trạng để lắng nghe những sự việc xảy ra trong thế giới này? Khi lắng nghe như vậy thì tâm hồn chúng ta đã chuẩn bị để đối phó với những sự việc này ra sao? Phật dạy, trong trăm ngàn vui mừng, chúng ta hãy nhẫn nại tiếp nhận. Trong muôn vàn đau khổ, chúng ta cũng nên bình thường đối diện.

Chúng sinh là ta, ta là chúng sinh; Chúng sinh là sự thành tựu của Bồ Tát, Bồ Tát là sự viên mãn của chúng sinh. Trong cái vũ trụ bao la bát ngát này, Bồ Tát và chúng sinh đều là một thể duy nhất. Chúng ta đối đãi với chúng sinh cũng y như vậy. Chúng ta lắng nghe Bồ Tát và chúng sinh như thế nào, thì cũng chính như lắng nghe tiếng lòng của chúng ta như vậy.

Vậy thì chúng ta hãy cùng cất bước nối tiếp theo lời thề nguyện của Địa Tạng Vương Bồ Tát, đi cứu giúp những chúng sinh còn đang ngụp lặn trong ác đạo. Và hãy noi theo gương của linh khuyến Thiện Thính, mở rộng đôi tai trong tâm hồn để nghiêm khắc, kính cẩn, khoan dung, và ôn hòa để lắng nghe cái thế giới mà chúng ta đang ngụp lặn.

Chú thích

1. Cửu Hoa Sơn: Nằm trong tỉnh An Huy, là Thuyết Pháp Đạo Trường của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Xin xem chi tiết ở bài Cửu Hoa Sơn, Thánh Địa Phật Giáo Trung Quốc trong quyển này.

2. Tọa Quan: Những vị cao tăng viên tịch trong lúc tĩnh tọa được gọi là tọa quan. Trong những chùa chiền lớn ngày xưa, người ta di chuyển thân xác của chúng vị cao tăng vào trong mộ đài xây dựng hình dạng tháp đứng.

3. Lục Đạo Chúng Sinh: Trong lý thuyết của nhà Phật, thì chúng sinh được chia ra làm sáu cõi luân hồi, hay còn được gọi là Lục Đạo. Đó là Thiên giới, A tu La, loài Người, Súc Sinh, Ngạ Quỷ, và Địa Ngục. Thiên giới và A Tu La gồm có những chúng sinh đã tạo được thiện căn ở vô số kiếp, giới này gồm có các Thiên Tiên, các Thần, Long Vương, Quỷ Vương, Dạ Xoa v. v... Loài người thì thấp hơn một bậc. Còn ba cõi Súc Sinh, Ngạ Quỷ và Địa Ngục là những chúng sinh xó nghiệp chướng nặng hơn. Nhất là Địa Ngục gồm có những chúng sinh mà tiền kiếp đã có nhiều tội lỗi nên phải ở lại đó để chịu những hình phạt. Trong nhiều sách Phật, có sách đã gọi chung ba cõi Súc Sinh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục là hạ tam đạo, hay là ba cõi thấp.

Nguyên tác: Lâm Thanh Huyền

Người dịch: Phạm Huệ

Chuyện Người Thương Binh Trở Về

Đây là một câu chuyện thật đau lòng xảy ra trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Chuyện kể về một người lính trẻ Hoa Kỳ trở về nhà sau khi tham chiến tại Việt Nam. Từ thành phố San Francisco người lính trẻ gọi điện thoại về nhà cha mẹ. "Cha mẹ ơi, con đang trở về nhà, nhưng con có một điều xin cha mẹ. Con có đem theo một người bạn thân. " "Được", cha mẹ người lính trẻ trả lời bên kia đầu giây điện thoại, "Cha mẹ thích nó đi cùng con về đây và muốn được gặp nó. " "Nhưng có một điều con muốn thưa với cha mẹ, " người con nói tiếp, "bạn con bị thương tích trầm trọng trong lúc giao chiến. Nó dẫm phải mìn, mất một cánh tay và một cẳng chân. Nó không có nơi nào để ở, và con muốn nó về ở chung với gia đình ta. " "Con ơi! cha mẹ rất tiếc khi nghe điều đó. Chúng ta có thể giúp nó tìm một nơi nào đó cho nó ở. " "Không, con muốn nó về ở với con, với gia đình ta. " "Con, " người cha nói, con không biết con đang nói cái gì. Một người tàn tật sống với gia đình chúng ta, sẽ trở thành gánh nặng cho gia đình. Chúng ta có một đời sống riêng, và chúng ta không thể để việc đó ảnh hưởng đến đời sống chúng ta. Cha mẹ nghĩ rằng con nên về nhà và quên đi người bạn này. Bạn của con sẽ có thể tự tìm cuộc sống cho chính nó. " Nghe đến đây người con chết lặng người, không thể nào nói thêm được điều gì nữa và cúp máy điện thoại. Người cha không còn nghe thấy gì nữa.

Vài ngày sau đó, cha mẹ người lính trẻ nhận được điện thoại từ sở cảnh sát San Francisco báo tin người con của họ đã chết sau khi rơi từ trên lầu một cao ốc. Cảnh sát tin là nạn nhân đã tự tử. Cha mẹ người con đau khổ đập máy bay đến San Fransisco, vào thẳng nhà quảng thành phố nhận diện xác con. Họ xác nhận nạn nhân chính là đứa con trai yêu quý của họ, mà họ mới nói chuyện với nó vài ngày trước đây. Nhưng đau đớn thay, họ đã khám phá ra một điều mà họ đã không biết, đứa con trai của họ chỉ có một chân và một cánh tay! !

Dưới đây là lời bàn của người kể lại chuyện này:

Cha mẹ người lính trẻ trên đây cũng giống như số đông chúng ta. Chúng ta chỉ thích yêu những người đẹp đẽ, khỏe mạnh, cơ thể lành lặn hay những cái gì vui thích chung quanh chúng ta. Chúng ta không thích những người có thể gây rắc rối và phiền phức đến chúng ta. Chúng ta thích xa lánh những người bệnh hoạn, ốm đau, tật nguyền, ngu xi, đần độn. Cảm ơn đến những người không có tâm như vậy. Có những người mở rộng vòng tay thương yêu đón nhận chúng ta vào gia đình họ, không điều kiện, không màng đến hậu quả có thể xảy ra sau đó. Đêm nay, trước khi đi ngủ, hãy nguyện cầu cho chúng ta có khả năng chấp nhận những hoàn cảnh tương tự, và giúp chúng ta thấu hiểu những người khác biệt hoàn cảnh với chúng ta...

Dưới đây là lời bàn của Hoa Sen:

Theo tinh thần đức Phật dạy về "vô duyên từ", nếu như người cha trong câu chuyện trên xem người bạn của con trai mình như con mình, mà đưa vòng tay ra đón nhận, thì sẽ không đưa đến cái chết thảm khốc cho người con.

Đối với đạo Phật, cái chính là tinh thần từ bi bình đẳng. Từ bi bình đẳng là một trong những đặc điểm nổi bật và quan trọng nhất trong Phật Giáo. Theo tinh thần này thì tất cả mọi chúng sinh hữu tình đều bình đẳng, đều có giác tánh, và sẽ thành Phật trong tương lai. Quả vậy, người Phật

tử phải có tâm từ bi bình đẳng với mọi loài chúng sinh hữu tình, xem chúng như là chính mình, như là cha mẹ anh em thân bằng quyến thuộc của mình, không nên có bất luận sự phân biệt kỳ thị nào, không thấy có sự khác biệt giữa mình và chúng sinh khác, dầu đó là một con vật hay một người câm điếc, hoặc một kẻ tàn tật xấu số. Người Phật tử không có kẻ thù nghịch hay kẻ xa lạ, không có người thân và kẻ sơ. Do vậy trong bất cứ hoàn cảnh nào, đối với bất cứ ai, bất cứ con vật gì bị khó khăn hoạn nạn, chúng ta vẫn luôn luôn giúp chúng, gần chúng để chia vui bớt khổ, để san sẻ tình thương.

Phận Đẹp Duyên May

Ngày xưa, tại một địa phương nọ bên Ấn Độ có một ngọn núi tên gọi là Âm Sơn. Trên núi cây cối um tùm, cỏ hoa tươi tốt, quanh năm ít có người qua lại, thật là một cảnh thích nghi cho những ai muốn lên đây tu hành. Về sau ngọn núi tinh mịch này được nhiều vị tu hành để ý mỗi ngày một nhiều, nên dần dà thành ra chốn đạo tràng của các vị thánh Tăng, được hàng vạn người kính mộ và lên núi cầu phúc, cúng dường, thiết trai luôn luôn không ngắt.

Một hôm có một vị Trưởng giả đem người nhà lên núi chuẩn bị một bữa cơm chay rất tinh khiết để cúng dường chúng Tăng. Mọi người lũ lượt lên núi, dự buổi tập phước này, trong số đó có một cô gái nghèo, tuổi 17, 18 nghĩ rằng: "Hôm nay nhà Phú ông cúng dường Chư Tăng trên núi, nếu ta lên theo chắc thế nào cũng được một bữa no nê, nhất là đã mấy hôm nay, ta chưa hề được bữa ăn nào gọi là lung lũng dạ". Nghĩ xong, với một vẻ mặt hớn hỏ, người con gái đó rảo bước chân đi.

Khi cô gái nghèo ấy lên đến đỉnh núi thấy cỗ chay của Trưởng giả bày ra đủ thứ mỹ vị thơm tho tinh khiết thì trong bụng nghĩ: "Kiếp trước vị Trưởng giả này chắc là dày công tu thân tích phước, nên ngày nay mới thành người giàu có, đó là quả báo đền bù. Đến ngày nay Phú ông lại có Thiện tâm thiết trai cúng dường Chư Tăng, sửa tạo những công đức lớn, chắc rằng phước quả kiếp sau còn nhiều, có lẽ còn nhiều hơn cả đời hiện tại này nữa.

Ngẫm lại thân ta - cô gái nghèo nghĩ tiếp - thực là đáng thương! Chỉ vì kiếp trước không biết tu tạo phước quả, cho nên bây giờ mới chịu cảnh cùng khổ như thế này. Nếu giờ đây ta không lo tu phước thì kiếp sau chắc còn nghèo khó gấp mấy! Vậy, hiện tại trong lưng còn hai đồng tiền mà ta đã dành dụm được, sao ta chẳng đem ra cúng dâng các vị Hòa Thượng có được không? Mặc dù hai đồng tiền này cũng có thể mua được hai chiếc bánh ăn tạm cho đỡ đói lòng, xét ra: Nếu ta đem cúng dâng các vị tu hành xuất gia thì ta không đến nỗi chết kia mà".

Nghĩ rồi, cô gái nghèo lẳng lặng đợi các vị Tăng Ni cùng dùng trai xong, liền móc trong bị ra hai đồng tiền cung kính dâng lên Hòa Thượng.

Theo quy tắc đã định trên núi là: Nếu có ai bố thí cúng dường thì chỉ có vị sư tri khách đứng lên thay mặt Chư Tăng hướng thí chủ mà chúc phước. Nhưng lần này cô gái nghèo lại được chính vị Hòa Thượng trụ trì thân hành ra trước mặt cô gái mà chúc phước rằng: "Tất cả bảo vật trên trái đất đều ở cả trong người đồng nữ này đã đem bố thí cho kẻ xuất gia, vật bố thí đây nguyên là việc tu phước. Vậy bản Tăng chúc cho thí chủ vĩnh viễn lìa khỏi nghèo khổ".

Cô gái nghèo nghe xong, trong lòng không thể kể xiết nỗi niềm hân hoan. Rồi đợi chúng ai ai cũng cấp thức ăn cho cô, thật là một sự vui vẻ đạo pháp không có gì sánh kịp.

Sau khi cô gái đã no nê liền đứng đỉnh ra khỏi cửa chùa tới dưới một gốc cây cổ thụ nằm nghỉ và chợp mắt đi lúc nào không biết. Lúc đó vầng thái dương đã xế chiều, thế mà bóng cây vẫn y nguyên không thay đổi. Nhìn lên xem thấy trên đỉnh cây cao bỗng có đám mây ngũ sắc như chiếc tàn che cho cô gái. Đó là một chuyện hiếm thấy từ trước đến nay.

Giữa lúc ấy, Đức Quốc Vương nước đó vừa vắn đi qua, nhân vì Hoàng Hậu mới từ trần, nên

trong lòng Ngài u uất buồn rầu mới ruỗi xe đi du sơn ngoạn thủy để cho tiêu sầu giải muộn, bỗng nhiên gặp thiếu nữ nghèo nằm ngủ dưới gốc cây mà trên đỉnh ngọn cây có đám mây ngũ sắc che cho như chiếc tàn vàng thì Quốc Vương lấy làm kinh ngạc, khác nào được thiên nữ hiện xuống dưới trần. Nhà vua tự tán thán:

"Thiếu nữ này ở đâu mà dám nghỉ ngơi ở đây? Sắc đẹp của nàng chẳng kém gì Hằng Nga! Với cái thân hình yếu điệu, với vẻ mặt sinh tươi, nàng đã khiến cho nhiều người để ý". Nói rồi, sai cung nữ ẵm nàng lên xe.

Cô gái trong cơn mộng chợt tỉnh, mở choàng mắt ra, thấy mấy người khiêng mình bỏ lên xe thì kinh hãi kêu lên:

- Ôi Phật ơi! Các người là ai? Định mang tôi đi đâu?

- Xin cô đừng sợ, chúng tôi không phải là quân gian phi đâu, chúng tôi vâng lệnh Quốc Vương đón cô về cung đây!

Cô gái nghèo sau khi đã được đặt nơi sau xe Quốc Vương ngồi rồi, Quốc Vương liền dịu dàng hỏi:

- Năm nay cô nương bao nhiêu tuổi?

- 18 tuổi

- Cô nương đẹp quá, rất đáng yêu, trẫm muốn đem cô nương về cung lập làm đệ nhất phu nhân. Vậy cô nương có bằng lòng không?

Cô gái nghèo liếc nhìn vị Quốc Vương thấy Ngài xinh đẹp trẻ trung thì nở một nụ cười. Nhưng trong lòng vẫn nghi nghi hoặc hoặc không tin, cô nghĩ: " Có lẽ nào ta lại được mang vận quá tốt, đến nỗi đương từ một đứa con gái nghèo đi ăn xin mà bỗng trở nên một vị Đệ nhất phu nhân". Cô càng nghĩ càng ngây người ra, không nói được câu nào.

- Thế nào! Cô nương không vui lòng hay sao mà làm thinh không trả lời?

- Tâu Đại Vương! Tôi hoài nghi rằng: Tôi đương ở cõi thực hay mà cõi mộng đây?

- Không phải mộng mị gì đâu. Đây là cõi thực đấy! Đoàn xe Quốc Vương đã về tới cung. Ngài liền tuyên bố với toàn quốc lập cô làm đệ nhất phu nhân.

Sau khi đã trở thành người đàn bà cao sang nhất nước, nào ăn ngon, nào mặc đẹp lại được mọi người kính nể nhưng trong lòng cô vẫn không đoạn tuyệt với ý nghĩ: " Sở dĩ ta có hạnh phúc ngày nay chỉ vì đã có nhân duyên bố thí hai đồng tiền! Vậy thì vị sư phụ chúc phước cho ta hôm trước đã là một vị ân nhân tuyệt đối cao quý của ta".

Nghĩ rồi, liền bẩm với Quốc Vương:

- Tâu Đại Vương, tiện thiếp vốn là cô gái hèn mọn, ngày nay được đội ơn Đại Vương yêu mến, lập làm đệ nhất phu nhân, lẽ tất nhiên phải cảm tạ hồng ân của Vua. Nhưng nghĩ đến cái ân của vị xuất gia mà tiện thiếp đã bố thí hai đồng tiền đồng, tiện thiếp muốn được đê, chút gì lại chùa bố thí cúng dường để tỏ lòng báo ân. Vậy chẳng hay ý Đại Vương thế nào?

- Tốt lắm, tùy Khanh định liệu, Khanh muốn như thế nào trẫm cũng vui lòng cho phép.

Rồi đó, Quốc Vương và Hoàng Hậu sắm sửa thật nhiều cỗ chay long trọng và tinh khiết, chất đầy hàng mấy chục xe đem lại núi Âm Sơn cúng dường:

Sau khi các vị Tăng chứng thọ trai rồi đến lúc ra chúc phúc cho thí chủ, thì không thấy vị Hòa Thượng trụ trì thân ra chúc phúc như lần trước mà chỉ là vị Tri Khách thay mặt người chúc phúc thí chủ mà thôi. Việc này khiến cho cả Vương lẫn Hậu đều lấy làm kỳ quái mà rằng:

- Ngày xưa, tôi đem bố thí hai đồng tiền đồng được vị sư phụ trụ trì ra chúc phước. Ngày nay, tôi bố thí biết bao nhiêu phẩm vật trân quý, thế mà không thấy sư phụ ra chúc phước là tại làm sao?

Đại chúng đều nhận xét như thế và ai ai cũng thắc mắc như nhau

Vị sư trụ trì thấy mọi người cùng xôn xao, liền vân tập quần chúng lại mở lời khai thị rằng:

" Ngày trước, tuy Hoàng Hậu bố thí chỉ có hai đồng tiền đồng là vật nhỏ mọn, nhưng là cả một tấm tâm thành phát ra, đây là điều chí cao và khả quý. Ngày nay Quốc Vương và Hoàng Hậu tuy bố thí rất nhiều, nhưng trong lòng có hàm chứa điều "ngã mạn" không giống như lần trước.

Nên biết rằng Phật pháp không trọng "vật chất" mà trọng ở điều "phát tâm" sở dĩ vì đó mà lần này ta không thân ra chúc phúc. Vậy mọi người nên hiểu rõ Phật Pháp độ kẻ nghèo cùng bố thí là như thế nào! "

Quốc Vương và Hoàng Hậu nghe lời Hòa Thượng giảng giải thì trong lòng vừa thẹn vừa vui mừng: Bây giờ mới hiểu rõ nghĩa thực và giá trị của hai chữ Bố Thí. /.

Xâu Ngọc Nước

Bên trời sương mù đã tan hẳn. Vàng thái dương ẩn hiện sau áng mây thưa, chiếu ánh sáng huy hoàng trong khoảng không gian trong tạnh. Từng cơn gió mát nhẹ từ phương nam thổi về làm rơi những hạt nước trong suốt như pha lê đọng ở đầu cỏ, lá cây. Cảnh vật nơi vườn Ngự sau một trận mưa ban mai vừa tàn càng đượm vẻ thanh-tân tươi thắm.

Nơi thềm cao của một ngôi đền vàng, một nàng công chúa tuổi còn thơ bé, ngồi trên chiếc cảm đôn, đưa mắt thần thờ nhìn ngắm cỏ hoa trong thượng uyển. Khung cảnh tuy đẹp nhưng không gợi được niềm vui cho công chúa vì nó đã thường với mắt nàng lắm như một bức tranh ngắm đi ngắm lại nhiều lần, rồi nàng mơ mộng vớ vẩn và ước một cái gì khác lạ hơn nữa...

Nắng vàng nhẹ phủ lên hoàng cung. Công chúa đang thơ thần ngồi trông xa gần, bỗng đôi mắt nàng chăm chú vào một cảnh tượng. Từ trên mái ngói tráng men xanh, nước mưa còn đọng lại rơi xuống từng giọt đều đều, nổi thành những bóng nước tròn, trôi lăn theo rãnh đá hoa trắng. Dưới ánh triều dương, những bóng nước ấy lấp lánh, nổi nhiều màu sắc kỳ ảo, xinh đẹp lạ thường như những hạt ngọc tuyệt trần vô giá! Nét mặt công chúa sáng lên, nàng mỉm cười và trầm nghĩ: "Chà! những hạt ngọc kia sao mà đẹp. thế! Ta đã có nhiều châu báu, nhưng chưa thấy thứ ngọc. nào quý lạ bằng loại này. Giá ta có một tràng chuỗi ngọc như thế để quàng nơi cổ thì thích thú biết bao. Nghĩ xong, như thâu thần công chúa lại thừ người ra nhìn ngắm say sưa

quên hẳn bao nhiêu vẻ tươi thắm quanh mình, mặc cho ngọn gió nam cợt đùa cùng cảnh vật.

Giọt mưa đã dứt từ trên mái ngói. Nơi lòng rãnh đá hoa, hình dáng những viên ngọc vô giá không còn nữa. Vầng thái dương đã lên cao, ánh vàng xuyên rọi nửa thềm vàng, mà công chúa vẫn còn ngồi ngơ ngẩn, tâm hồn như phiêu dạt tận nơi nao! Một cung nữ từ phía trong đi ra, se se đến gần, cung kính thưa: "Có lệnh Mẫu Hoàng gọi" Như chợt bừng tỉnh, công chúa không đáp lại mà nặng nề lê bước thẳng vào phòng rồi lên giường nằm. Cung nữ ngạc nhiên chạy vào phía trong. Một lát, Hoàng Hậu đến phòng con thăm công chúa, thấy trên mặt ngây thơ có vẻ bơ phờ ủ dột, tưởng rằng đứa con yêu cảm nhiễm phong hàn, nên dịu dàng han hỏi. Vốn là con một, hằng được nuông chiều, công chúa như có dịp để nhõng nhẽo cùng mẹ. Vì vậy, tuy biết Hoàng hậu đến thăm, nhưng nàng vẫn nằm xoay mặt vào trong im lặng không nói.

Hoàng hậu lại càng hốt hoảng kịp báo cho đức Vua nghe tin con gái bất thường, đức vua vội vàng đến hỏi thăm, công chúa cũng vẫn im lặng không đáp. Sau khi Vua cha và Hoàng hậu dỗ dành, khuyên lơn mãi, nàng công chúa thơ ngây ấy mới thuật chuyện những vòng ngọc quý và nói chổ ước vọng của mình. Nghe xong, đức Vua cười vui vẻ và bảo: "Ồ! Con ta khéo vớ vẩn? thì thôi! Những hạt ngọc mà con nói đó, chỉ là những bong bóng nước, làm sao kết được tràng chuỗi? Nhưng thôi, con hãy yên lòng, các thứ ngọc quý giá ở trong kho tàng không thiếu gì, cha sẽ cho con tùy ý lựa chọn. Nói đoạn, vua sai quan giữ kho lựa những thứ ngọc thật đẹp đem đến cho công chúa. Nhưng sau khi xem xong từ thứ ngọc này đến thứ ngọc khác, công chúa vẫn không vừa ý, nhất định đòi cho được những hạt ngọc mà mình đã trông thấy.

Ước vọng không thành, lòng mơ tưởng những viên ngọc tuyệt đẹp làm cho công chúa âu sầu rã rượi, không còn biết đến bao nhiêu thức ngon vật lạ, bệnh của công chúa mỗi ngày mỗi nặng. Đức vua và hoàng hậu vô cùng lo lắng, vì nhận thấy sự tương, nhớ có thể làm gãy mòn và có thể cướp mất đứa con yêu của mình.

Một buổi chiều đức Vua phán hỏi các quan làm thế nào cho công chúa hết bệnh? Tất cả triều thần đều nhìn nhau lặng thinh. Ngài lại hạ chiếu cho tìm những người thợ chuốt ngọc tài giỏi vào triều và hỏi có thứ ngọc nào như những bong bóng nước lấp lánh ngũ sắc để làm tràng chuỗi cho công chúa? Tất cả thợ ngọc đều摇头 không thể nào tìm được thứ ngọc như thế. Sau cùng, đức Vua cho truyền rao khắp trong nước: "Nếu người nào làm cho công chúa hết bệnh, sẽ được thưởng nghìn vàng". Trong khi giờ khắc lặng lẽ trôi qua mà cứu tinh vẫn vắng bóng, vì lòng thương con, người cha hiền ngồi đứng không yên, muôn phần ảo não. Một buổi sáng tinh sương, có người thợ chuốt ngọc tuổi già, râu tóc bạc phơ, xin vào ra mắt. Sau khi bái yết xong, người thợ già quỳ xuống tâu: "Muôn tâu Hoàng thượng! Bệnh của công chúa là một tâm bệnh, không thể dùng thuốc thang điều trị. Muốn cho bệnh lành, tất phải làm thỏa nguyện vọng của người ốm đang mắc phải tâm bệnh đó. Nhưng có điều khó: bong bóng nước không thể kết làm tràng chuỗi được. Tuy nhiên, thần đã có phương cách làm cho công chúa hết bệnh" Như trút được gánh nặng, đức Vua vô cùng mừng rỡ, liền đến phòng con gái âu yếm bảo: "Hôm nay có người thợ già hứa sẽ xỏ được chuỗi ngọc ấy cho con. Thôi, con đừng buồn rầu nữa". Lời nói ấy quả có một hiệu lực phi thường. Trên gương mặt xanh xao tiều tụy của công chúa nở nụ cười và con trầm kha bỗng dung như tiêu tan đi đâu mất.

Một dịp may, sáng hôm sau, trời vẫn vũ đổ mưa xuống. Khi trận mưa vừa tạnh, những bong bóng nước cũng trôi nơi lòng rãnh đá hoa như hôm nào. Người thợ già tâu vua xin mời công chúa ra trước thềm diện vàng và thưa: "Tôi tuổi già, đôi mắt đã lờ, không phân biệt được vẻ tốt xấu của hạt ngọc. Xin công chúa tùy ý lựa hạt ngọc nào đẹp nhất, tôi sẽ xỏ cho". Nhưng bong

bóng nước vẫn là chất mong manh, vừa chạm đến liền tan ngay, công chúa hết vớ bong bóng này lại đến bong bóng khác suốt cả buổi, khi tay công chúa chạm đến hạt ngọc thì hạt ngọc đó tự vỡ ra kết cuộc đã mệt nhọc mà chẳng được chi cả. Người thợ già hỏi: "Thế nào? Những hạt ngọc ấy ở đâu". Công chúa ngẩn lên nhìn người thợ, rồi quay lại nhìn vua cha, đáp: "xin phụ vương ban cho con tràng chuỗi bằng tử kim, vì thứ ấy rất chắc, rơi xuống gạch không vỡ. Còn thứ này chỉ có dáng bên ngoài, nhưng lại giả dối mong manh, con không thể lấy được và không còn thấy ưa thích nữa". Đức Vua dịu dàng bảo: "Thì nó chỉ là những bong bóng nước thôi con ạ" Như tính ngộ ra, công chúa lộ vẻ e thẹn cúi đầu giữa nụ cười kín đáo của đoàn cung nữ...

Đối Thoại Thiền

Các Thiền Sư huấn luyện các Chú Tiểu tự diễn tả ý nghĩ của các chú. Hai ngôi đền Thiền, mỗi ngôi có một Chú Tiểu hầu cận. Một chú buổi sáng đi hái rau, gặp chú kia giữa đường.

Chú thứ nhất hỏi:

- Anh đi mô rứa?

Chú kia đáp:

- Ta đi mô bàn chân ta bước.

Câu trả lời làm chú thứ nhất rối óc, chú về cầu thầy trợ giúp. Thầy chú bảo: Sáng mai, khi con gặp anh bạn nhỏ của con, hãy hỏi hấn lại câu đó. Hấn sẽ trả lời câu đó, rồi con hỏi tiếp: "Giả như anh không có chân thì anh đi mô" Hấn sẽ chịu ngay.

Sáng hôm sau khi hai chú gặp nhau. Chú thứ nhất hỏi:

- Anh đi mô rứa?

Chú kia đáp:

- Ta đi nơi mô gió thổi

Câu trả lời này làm bù đầu chú thứ nhất, chú kia đã đánh bại cả bậc thầy chú. Ông thầy lại móm ý: "Hãy hỏi hấn đi mô nếu không có gió? "

Ngày hôm sau hai chú lại gặp nhau lần thứ ba. Chú thứ nhất hỏi:

- Anh đi mô rứa?

Chú kia đáp:

- Ta đang đi chợ mua rau.

Đức Phật Với Con Voi Dữ

Thời kỳ Phật hành đạo tại thành Vương Xá, kinh đô của vua A Xà Thế, vua A Xà Thế rất tham lam hung bạo, đã sát vua cha để dành ngôi báu. A Xà Thế lại hay thù ghét và manh tâm làm hại những kẻ trung lương nên thường lập vây cánh bè đảng làm hậu thuẫn.

Trong số bè cánh nhà vua lại có Đề Bà Đạt Đa em họ Đức Phật. Vị này cũng sẵn lòng ganh tỵ với kẻ khác, thấy Đức Phật được nhiều người cung kính, Đề Bà Đạt Đa cũng giả cách tu hành như Phật, nhưng không hề được ai cung kính, nên tức giận muốn tìm cách hại Phật. Nhưng những điều không may có bao giờ đến với những người có lòng từ bi cao cả, đấng Giác-ngộ đã tu hành trong nhiều kiếp. Nhưng chúng nào tạt ấy, ông liền liên kết với vua A Xà Thế cầu xin nhà vua cộng tác trong việc sát hại Phật. Nhờ sự bằng lòng của nhà vua, nên Đề Bà Đạt Đa đến tại sở nuôi voi năn nỉ với bọn nài:

Ta đây là bạn thân của nhà vua, các người giúp ta việc này, ta sẽ xin nhà vua cho lương cao chức lớn. Sáng mai thầy Gotama (đức Phật) sẽ đi tri bình khất thực qua đây, các người cứ việc thả con voi hung dữ Nalagiri ra để làm thịt thầy.

Sáng hôm sau, đức Phật cùng một số đệ tử đi vào thành Vương Xá để tri bình khất thực, trông thấy bóng Ngài, bọn nài thả voi Nalagiri ra. Dân chúng nội thành phải tán loạn, dầy xéo nhau mà chạy, lo sợ cho tánh mạng của mình, kẻ leo lên cây người núp ở tường cao nhà kín. Sau khi đã tìm được chỗ ẩn núp chắc chắn, những con mắt hiếu kỳ hay lo sợ cũng cố tìm mắt để nhìn cho được sự việc sắp xảy đến.

Voi thấy bóng người đang trước, nó cong đuôi, thẳng vòi chống tai xông tới như vũ bão. Các vị đệ tử thấy cơ nguy mới bạch với đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con voi Nalagiri nó có tánh hung dữ và thù ghét loài người ã đến nơi kia! Đức Phật vẫn thản nhiên dạy rằng:

- Này các Tỳ-kheo, các người không nên sợ hãi. Không bao giờ một vị Chánh-giác phải chết vì một tai nạn ghê gớm như thế. Những đấng Như-lai chỉ tịch diệt khi thì giờ đã đến bằng cái chết tự nhiên và vẫn sống mãi trong tâm linh mọi người.

Trong khi ấy có tiếng bàn tán nhỏ to của mọi người đang ẩn núp. Những kẻ thiếu đức tin, u mê cho rằng: đó là một sự hy sinh vô lý, nên thốt ra những câu đầy mỉa mai:

- Chà, uống quá, vị Sa môn kia trẻ đẹp như thế mà lại hy sinh cho con voi hung dữ giết hại thì thiệt là một việc dại khờ.

Nhưng nhóm người có đủ đức tin hơn và hiểu biết Chơn lý đôi chút thì cho rằng: đó là một cuộc thử thách, sự tranh đấu giữa loài vật với vị Từ phụ của loài người.

Voi hung hăng đã phóng tới trước mặt đức Phật, mọi người phập phồng lo sợ. Nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đem tất cả lòng Từ bi vô lượng để đối lại với sự hung dữ của con voi. Voi như bị một sức thôi miên huyền bí, từ từ hạ vòi và quỳ ngay trước mặt Ngài. Đức Phật dịu dàng thoa vào đầu quy y cho voi và nói:

- Này voi ơi! Ngươi nên ăn ở hiền lành để đạt đến an vui chớ nên hung hăng như trước đây nữa. Voi như hiểu được lời Ngài, từ từ lấy vòi hút tất cả các bụi đã bám vào chân Ngài và rải lên khắp đầu nó như để chứng tỏ nó đã biết ăn năn và xin phục thiện. Đoạn cúi đầu đánh lễ Ngài rồi trở về chuồng cũ. Từ đó về sau voi Nalagiri trở nên hiền lành dễ thương. Và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho Đẻ Bà Đạt Đa biết hối hận! Vua Tần Bà Ta La biết trở về với Chánh Pháp.

Tâm Nhìn

Xưa có một vị Tỳ kheo, cất một cái am trên một sườn núi vắng vẻ để tu tập thiền định. Dưới chân núi là một con sông, có một con đò qua lại. Vị Tỳ kheo muốn hạ sơn hóa đạo phải đi qua chuyến đò ấy. Kẻ đưa đò là một bà lão trên 50 tuổi, còn khỏe mạnh.

Một hôm, khách qua sông ngạc nhiên thấy kẻ đưa đò không phải là bà lão nữa, mà là một thiếu nữ rất duyên dáng đẹp đẽ, dung nghi trang trọng, cử chỉ thanh cao. Hỏi ra mới hay rằng, người con gái ấy không biết người ở xứ nào, một ngày nọ, tới xin bà lão ở trọ và giúp bà một tay đưa khách qua sông. Thấy nàng xinh đẹp, lại đoan trang, lão bà vô cùng thương mến.

Từ đó, khách sang sông thăm thầy Tỳ kheo ngoạn cảnh mỗi ngày một đông. Có lẽ ai cũng thích qua đò để được ngắm dung nhan giai nhân và cái vẻ thướt tha mềm mại của tay ngà đưa mái chèo nhẹ trên mặt nước. Thầy Tỳ kheo thỉnh thoảng có việc phải hạ sơn, cũng qua đò. Nhưng có điều lạ, khi qua bên kia sông rồi, khách chỉ trả có một tiền, cô gái đòi thầy phải trả hai tiền. Vị Tỳ kheo ngạc nhiên hỏi tại sao lấy tiền đắt hơn. Cô gái cười nói: Mọi người qua đò chỉ có qua đò thôi. Còn thầy, ngoài việc qua đò, thầy còn ngắm tôi nữa nên phải trả gấp đôi. Không lý cãi cộ lời thôi với cô gái, vị Tỳ kheo đành phải chịu trả cho cô hai tiền.

Lần sau, có việc phải xuống núi. Vị Tỳ kheo bước xuống đò không dám nhìn cô gái mà úp mặt xuống lòng đò. Đến bến, mọi người lên trả tiền đò, đến lượt thầy, cô gái bắt trả gấp bốn lần. Thầy Tỳ kheo hỏi: Lần trước, cô bảo tôi qua đò nhìn cô nên phải trả gấp hai, nay tôi không hề nhìn cô mà chỉ úp mặt xuống đò, tại sao cô đòi gấp bốn lần? Cô gái nói rất trang nghiêm: "Mấy lần trước, thầy chỉ dùng mắt nhìn nơi mặt và bên ngoài của tôi. Hôm nay thầy dùng tâm và nhìn hết toàn thân bên trong của tôi nên phải trả gấp bốn lần. Nghe xong, thầy Tỳ kheo phát lên cười và hình như có sở ngộ. Ngoảnh lại cô gái đò đã biến đi đâu mất. Từ đó, chỉ còn bà lão đưa khách sang sông.

Trích trong "Truyện Cổ Phật Giáo", Minh Chiếu Suu tập, Tập 3, Thành Hội Phật Giáo TP. HCM ấn hành 1994, trang 87-88.

Mình Thương Ai Nhất

Phàm nói đến thương yêu thì những người được thương là cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em... Đó là những đối tượng được thương đứng hàng đầu mà không ai phủ nhận. Nhưng tại sao đây hỏi "mình thương ai nhất? " "Ai" mà mình thương nhất đó là nhân vật nào mà quan trọng đến thế? Trong kinh A Hàm có đoạn ghi: Một hôm vua Ba Tư Nặc hỏi phu nhân Mạt Lợi, "Trên đời này ái khanh yêu ai nhất? "

Phu nhân Mạt Lợi đáp: Dĩ nhiên, người thiếp yêu chính là bệ hạ.

Vua Ba Tư Nặc nói: Trẫm cũng đoán rằng khanh sẽ nói như thế.

Phu nhân Mạt Lợi mỉm cười: Tâu bệ hạ, nếu thánh thượng cho phép, thần thiếp sẽ nói khác đi một tí, nhưng xác thực hơn.

Vua Ba Tư Nặc bảo: Khanh cứ nói!

Phu nhân Mạt Lợi thưa: Tâu bệ hạ, người mà thần thiếp yêu quý nhất, chính là thần thiếp.

Vua Ba Tư Nặc ngạc nhiên: Sao? Mình lại yêu mình? Trẫm không hiểu khanh muốn nói gì?

Phu nhân Mạt Lợi thưa: Tâu bệ hạ, vì có ái trọng tự ngã mình, nên thần thiếp mới yêu thương bệ hạ, vì bệ hạ là người đem lại hạnh phúc cho cái tự ngã này.

Vua Ba Tư Nặc nói: Trẫm biết điều đó, nhưng vẫn chưa hiểu rõ ý của khanh.

Phu nhân Mạt Lợi dè dặt: Tâu bệ hạ, thần thiếp mạn phép nêu ra một câu hỏi, "Trên đời này bệ hạ yêu thương ai nhất? "

Vua Ba Tư Nặc cười: Ái khanh chứ còn ai!

Phu nhân Mạt Lợi hỏi tiếp: Giả sử thần thiếp yêu thương một người đàn ông khác thì bệ hạ sẽ làm gì?

Vua Ba Tư Nặc lúng túng: À, trẫm sẽ... trẫm sẽ...

Phu nhân Mạt Lợi tiếp lời: Bệ hạ sẽ nổi trận lôi đình, chém đầu thần thiếp ngay lập tức phải không?

Vua Ba Tư Nặc giả lả: Khanh hỏi rắc rối quá! Rắc rối thật!

Phu nhân Mạt Lợi hỏi: Tâu bệ hạ, có đúng thế không ạ?

Vua Ba Tư Nặc đáp: À... à...

Phu nhân Mạt Lợi hỏi dồn: Đúng, phải không bệ hạ?

Vua Ba Tư Nặc im lặng giây lâu, nói: Có lẽ khanh nói đúng.

Phu nhân Mạt Lợi nói: Thế là bệ hạ đã đáp câu hỏi của thần thiếp rồi!

Yêu người ta nhất đời mà người ta yêu kẻ khác thì chặt đầu. Như vậy có yêu nhất đời chưa? Nếu yêu nhất đời thật, thì dù người ta có thương ai khác, mình cũng vẫn thương người ta. Đằng này người ta không thương mình thì mình chặt đầu, vậy thương đó là qua ai? Thương đó là vì mình! Mình chỉ thương mình thôi! Tất cả mọi đối tượng mà mình thương mến đều vì mình mà mình thương, thương người qua tự ngã của mình đó vậy.

Hôm sau vua Ba Tư Nặc xa giá đến tinh xá Kỳ Viên thăm Phật, và trình bày câu chuyện đối đáp giữa vua và hoàng hậu. Phật xác nhận ý kiến của phu nhân Mạt Lợi qua bài kệ như sau:

Tâm ta đi cùng khắp

Tất cả mọi phương trời

Cũng không tìm thấy được

Ai thân hơn tự ngã

Đi tìm khắp phương trời

Cũng không tìm đâu thấy

Ai thân hơn tự ngã

Vậy ai yêu tự ngã

Chớ hại tự ngã người

Đó là lời xác nhận của Phật: Chúng sanh yêu tự ngã mình hơn hết. Đa số người đòi thương tự ngã mình hơn hết mà không biết, cứ nghĩ thương người này hết lòng, thương người kia hết lòng. Hoặc giả có biết mình thương tự ngã mình cũng không can đảm nói thật, nói gạt thiên hạ là mình thương chúng sanh, chớ đích thực mình thương mình là gốc

Ba Câu Hỏi Của Đức Vua

Có bao giờ bạn thấy rằng dù chung sống với bao nhiêu người, ta vẫn cô đơn như một mình, dù nói chuyện huyên thuyên suốt ngày, mà mình vẫn như câm nín? Ngày trôi qua như mơ, đêm đến tràn mộng mị.

Quyển truyện này được soạn ra từ những cơn mơ bất kể đêm ngày như thế, là lời độc thoại của kẻ chiêm bao tự nói với mình hơn là độc giả.

Thiền Viện Viên Chiếu 06 tháng 8 Nhâm Tuất 1982

Như Thủy

Thuở xưa, có một vị vua thuộc vào hàng minh quân, ngài thương dân như con đẻ, nhưng dù là minh quân, ngài vẫn không sao tránh được một ít lỗi lầm đáng tiếc.

Lúc tuổi đã cao, nhà vua nghĩ rằng già mà thời niên thiếu, ngài được các bậc hiền tài chỉ dẫn cho ba điều thắc mắc sau đây thì có lẽ ngài sẽ tránh được rất nhiều khuyết điểm. Đó là những nghi vấn sau:

1. Thời gian nào là quan trọng nhất của một công việc?
2. Nhân vật nào cần chú ý nhất đối với ta?
3. Công việc nào là tối quan trọng và khẩn thiết nhất?

Đức vua cho nêu ba câu hỏi trên trước hoàng thành, truyền rao khắp các thị trấn, làng mạc... và hứa sẽ trọng thưởng cho người nào có lời giải đáp khôn ngoan nhất. Bớ cáo vừa được niêm yết thì các bậc hiền tài tuần kiệt, thạc học minh triết lũ lượt kéo nhau về kinh thành, mỗi người đưa ra một ý kiến. Triều đình phải thành lập một ban giám khảo, các quan thị lang làm việc tận lực suốt hai tháng liền mới đúc kết các khuynh hướng thiên sai vạn biệt thành một vài trường phái nhất trí và dâng lên đức vua, vị chánh chủ khảo tối cao cả nước.

Đáp lại câu hỏi đầu tiên, có người bảo rằng: muốn biết thời gian nào là quan trọng nhất của một công việc, người ta phải thiết lập chương trình, kế hoạch, thời dụng biểu hẳn hoi. Xong, ta sẽ thực hành diễn tiến công việc theo những thời điểm qui định sẵn đó... Nhưng ý kiến này liền bị nhà vua bác bỏ vì không có ai có thể tiên đoán được những điều sẽ xảy ra mà lập một khuôn mẫu sẵn, công việc đòi hỏi phải linh động mới được.

Có trường phái lại cho rằng một người không thể khôn ngoan hơn tập thể. Đức vua nên thành lập một nội các gồm nhiều đại biểu để soạn thảo kế hoạch trước khi thi hành và làm theo quyết định chung.

Một trường phái khác lại đề nghị đức vua cần thành lập một hội đồng tiên tri để xử quyết trước khi thực thi một công việc...

Như thế, đại để mọi người đều đồng ý với nhau rằng: Thời gian quan trọng nhất của công việc là thời gian chuẩn bị, nghĩ suy về công việc ấy.

Về câu hỏi thứ hai, người ta càng bất đồng ý kiến với nhau: Thượng Đế, đức vua, quan tể tướng, các giáo sĩ, bô sư v. v... được đề nghị là những nhân vật quan trọng nhất.

Câu hỏi thứ ba cũng được giải đáp trong một tình trạng tương tự - công việc nào phải được xem là quan trọng nhất - thưa: đó là việc nước, việc nhà, việc ăn, việc mặc, học hành, giao tế, tâm linh, hành chánh, kinh tế, quân sự hay là tôn giáo... các đề mục đều được các khối óc khôn ngoan tinh tế nhất đề cập tới.

Và vị chánh chủ khảo tức là vua ấy không chấp nhận câu giải đáp nào cả. Nhiều năm trôi qua, ba câu hỏi dần dần rơi vào quên lãng... Cho đến một hôm, nhà vua nghe đồn rằng ở trên một đỉnh núi phủ đầy mây nọ, có một đạo sĩ coi là bậc giác ngộ, nhưng vị chân tu này không bao giờ chịu hạ sơn để giao tiếp với các nhà quyền quý. Tiếng đồn về đạo sĩ khiến đức vua chú ý và một hôm, ngài quyết định cải dạng thường dân đến tham vấn vị ẩn tu.

Đến nơi, nhà vua gặp đạo sĩ đang cuốc đất. Vua vái chào và nêu lên ba câu hỏi. Đạo sĩ chỉ mỉm cười, đưa tay vỗ nhẹ nhà vua rồi tiếp tục công việc. Đã được báo trước về tánh khí lạ thường của đạo sĩ, đức vua không nản lòng, ngồi xuống một tảng đá chờ đợi. Hồi lâu, buồn tay, đức vua mời đạo sĩ nghỉ tay, trao cuốc cho vua làm giúp. Nhiều giờ trôi qua, đức vua vẫn xới đất, còn đạo sĩ thì nhỏ cỏ quanh quần bên lều tranh. Khi đôi tay vương giả bắt đầu chai phỏng, đức vua ngừng cuốc nghỉ mệt giây lâu và nói với đạo sĩ:

- Tôi từ xa lặn lội đến đây, cầu Thầy chỉ giáo cho ba điều nghi vấn. Nếu Thầy biết thì xin vui lòng chỉ dẫn cho. Bằng không cũng xin cho tôi biết để tôi trở về kéo tới.

Đạo sĩ mỉm cười, định nói câu gì đó, thì chợt cả hai người cùng nghe tiếng chân chạy dồn dập. Nhà tu bảo đức vua:

- Bác xem ai đến kìa!

Nhà vua quay lại thì thấy một người vừa ngã quy xuống đất, toàn thân nhuộm máu. Hai người già không ai bảo ai, đều hối hả đến bên người bị nạn. Nạn nhân chỉ còn thở thoi thóp. Vua phụ lục với đạo sĩ băng bó các vết thương... Hai người im lặng làm việc cho đến lúc ngừng tay thì mặt trời đã lặn ở đỉnh núi bên kia. Đưa nạn nhân vào thảo am đặt người bệnh trên chiếc chõng tre độc nhất của căn lều, họ chia nhau mấy củ khoai rừng luộc và vì quá mệt, đức vua ngã mình xuống nền đất thiếp đi.

Sáng hôm sau, khi nhà vua giật mình thức giấc thì nắng đã nhuộm hồng chiếc thảo am, và chim rừng kêu rộn rã. Đức vua phải bàng hoàng hồi lâu, mới nhớ rõ mình đang ở đâu và làm gì... Đạo sĩ đã đi làm vườn, sau khi đặt một rổ khoai luộc bên cạnh ông khách. Trên chõng tre, nạn nhân đã hồi tỉnh và đang nhìn đức vua bằng cặp mắt long lanh. Đức vua đến bên người bệnh, đặt một bàn tay lên vầng trán nóng như lửa của anh ta và cất tiếng hỏi thăm bệnh tình... Nạn nhân bỗng òa lên khóc:

- Xin bệ hạ tha tội cho ngu thần...

Vô cùng ngạc nhiên, đức vua hỏi:

Khanh là ai mà lại biết Trẫm?

Bệ hạ không biết thần đâu! Hạ thần chính là em trai của võ tướng Trần Đoàn, người bị bệ hạ giết oan trong mùa thu năm Tân Dậu. Thần đã thề trước linh cữu anh là sẽ giết bệ hạ để báo thù... Biết bệ hạ lên núi này, thần mai phục sẵn. Không ngờ, đợi đến tối mà bệ hạ vẫn chưa xuống núi, thần liền đi tìm... và bị trượt chân té xuống triền núi. Nếu không nhờ bệ hạ ra tay cứu chữa thì có lẽ thần đã mất mạng. Từ đây oan cừ xin giải hết... Thần cúi mong bệ hạ tha tội chết cho thần.

Câu chuyện đáng tiếc năm xưa đã làm ta hối tiếc không nguôi... Nhưng việc đã dĩ lỡ rồi Trẫm không biết tính sao. Bây giờ chẳng những Trẫm sẽ tha tội cho Khanh mà Trẫm còn phục hồi chức tước và chu cấp cho gia đình Trần Đoàn nữa. Khanh hãy yên tâm mà tịnh dưỡng đi.

Đức vua ra hiệu gọi vệ sĩ đến, cho khiêng nạn nhân xuống núi và vờn ngự y chăm sóc vết thương. Sắp xếp đầu đó xong xuôi, vua đi tìm đạo sĩ. Nhà tu đang lúi húi trồng rau trên vạt đất mới cuốc hôm qua. Đức vua ngỏ ý cáo từ và lặp lại ba câu hỏi:

- Xin đạo sĩ giải đáp cho.

Nhà tu mỉm cười:

- Bản đạo đã trả lời cho bệ hạ rồi...

Đức vua ngạc nhiên:

Thưa, hỏi nào đâu?

Ngay lúc bệ hạ vừa nêu câu hỏi.

! ??

Này nhé, thời gian nào là thời gian quan trọng nhất, đó là lúc bệ hạ cuốc đất giúp bản đạo. Nếu thiếu khoảng thời gian này thì bệ hạ đã chết về tay anh chàng kia rồi nhé! Nhân vật quan trọng nhất chính là bản đạo đây, quan trọng đến nỗi bệ hạ phải trèo non lội suối đi tìm, có phải không? Và câu thứ ba: "Công việc nào cần thiết nhất" - Thưa đó là cuốc đất, việc mà hai chúng ta đã làm ngày hôm qua...

Rồi sau đó, khi chàng thanh niên xuất hiện thì anh ta biến thành nhân vật quan trọng nhất, công việc cần thiết nhất là cứu cấp cho anh ta, và thời gian đó quan trọng nhất... Có phải thế không nào?

Nhà vua cúi đầu ngẫm nghĩ giây lâu, cất tiếng:

- Thưa đạo sĩ, Trẫm đã hiểu. Thời gian quan trọng nhất là thời gian hiện tại. Nhân vật cần thiết nhất là người mà ta cần gặp gỡ trong hiện tại, và công việc khẩn thiết nhất, cũng là công việc trong hiện tại... Quá khứ là những điều đã qua vĩnh viễn, vị lai chỉ là những ảo tưởng mơ hồ... Chỉ có khoảnh khắc ngắn ngủi trong hiện tại là quý nhất mà thôi. Những điều cần làm nhất là giúp đỡ người chung quanh ngay trước mắt ta trong giây phút ngắn ngủi quý báu đó... Thưa, có phải thế không ạ?

Đạo sĩ mỉm cười, và nụ cười đó thay lời tống biệt, đưa nhà vua xuống núi, nơi mà triều đình và

thần dân đang chờ đón ngài.

EM THÂN MẾN,

Hiện tại là cái khoảnh khắc ngăn ngủ mà chúng ta luôn luôn bỏ quên vì nỗi lo hoài bão về tương lai, tiếc thương cho quá khứ. Không ngờ đó lại là thời gian quan trọng nhất. Chư Tổ Thiển Tông cũng dạy chúng ta rằng: Việc qua rồi chẳng nhớ, việc chưa đến chẳng lo, việc hiện tại chớ đem lòng vọng tưởng.

Lời dạy này cũng đồng nghĩa với câu giải đáp của đạo sĩ trên. Nếu chỉ sống với giây phút hiện tiền, thì dù ta đang gánh nước, bửa củi, uống trà, mặc áo, ăn cơm... tất cả những chuyện tầm thường nhất, không hành vi nào mà không phải là đạo. Nhưng điều thú vị nhất của câu chuyện trên là lời giải đáp cho câu hỏi thứ ba: "công việc nào là cần thiết nhất". Thưa: đó là giúp đỡ những người chung quanh ta, cũng ngay trong hiện tại.

Trong cuộc sống hàng ngày, mãi lo ngong ngóng đến tương lai, chúng ta thường bỏ quên hiện tại. Có lẽ vì mãi nghĩ đến chúng sanh mình sẽ độ sau này (khi đã thành Phật hay Bồ Tát chính hiệu), nên em không thấy được rá rau của người bạn tri nhật đang hối hả lật cho kịp giờ cơm, quên luôn nền nhà đầy rác đang cần quét, chiếc ly uống nước đầy cáu bẩn v. v... Tương lai đã che khuất khiến em không thấy được người bạn đồng tu của mình đang nhể nhại mồ hôi, đầu tắt mặt tối vì công việc. Và điều này khi nói ra e làm em bất bình. Nhưng tôi xin chân thành xin lỗi em trước, cũng như tôi đã sám hối và ân hận mãi vì đã có một thời - tôi và em - những người mãi miết lo nghĩ đến tương lai, đã biến chuyện tu hành của mình thành một gánh nặng cho bè bạn. Và chúng ta đã đặt tên cho những hành động lạ lùng đó bằng các danh từ thật kêu như: "hạ thủ công phu", "giải quyết sanh tử", "miên mật tu hành", v. v... và v. v...

Hỡi ôi! Tại sao trong hiện tại chúng ta nhẩn tâm lợi dụng sức lao động của bạn bè mình, để làm một bàn đạp tiến thân, tiến đến quả vị Phật, Tổ... là những quả vị không còn dấu vết của bản ngã và những phụ tùng của nó là tham, sân, si! Chúng ta thân nhiên nhắm mắt làm ngơ trước những công việc cần thiết cấp bách cho mình và cho người chung quanh, để chỉ lo thực hiện cho kỳ được những hoài vọng của cái bản ngã đa sự của chính mình, với một lời hứa hẹn trấn an lương tâm là: "Chùng nào thoát nhiên đại ngộ, hay thành Phật chẳng hạn, tôi sẽ độ cho quý vị hết trơn, hết trội" và chúng ta sẽ nhủ thầm rằng: "Còn bây giờ quý vị nên làm công quả cho tôi... chuyện tu hành khó khăn dữ lắm, cần phải có những căn cơ siêu việt mới có thể đảm đương nổi (như tui đây chẳng hạn)... chùng nào cuộc thí nghiệm của tui thành công, công lao của quý vị sẽ được đền bù gấp trăm, gấp nghìn lần... "

Em thân mến,

Trong kinh Kim Cang, Ngài Tu Bồ Đề có hỏi Phật rằng: "Những người thiện nam hay thiện nữ khi đã phát tâm vô thượng bồ đề rồi thì làm sao hàng phục được tâm mình? " Ngài đã đại diện cho chúng ta, nêu lên cái nguyện vọng, nỗi băn khoăn nghìn đời là: "Làm thế nào để con được thành Phật? " Câu trả lời của đấng đạo sư đã khiến ta bối rối hết sức:

- Con nên độ cho hết thầy chúng sanh vào Vô Du Niết Bàn mà không thấy có một chúng sanh được diệt độ... Câu đáp trở thành khó hiểu khi chúng ta ngỡ rằng "thành Phật" tức là thành một

"đấng" gì đó cao hơn hết thảy chúng sanh, một "khối" gì đó... chẳng hạn... Còn nếu chúng ta chỉ hiểu một cách giản dị rằng: Phật chính là sự giác ngộ, thì thành Phật tức là thành một chúng sanh giác ngộ. Nhưng giác ngộ cái gì mới được chớ?

- Thưa, giác ngộ rằng "bản ngã" không thật, không bền, không có...

Nỗi bận tâm duy nhất và tha thiết nhất của chúng ta là cái "bản ngã" của chính mình... Từ lâu, chúng ta mê mải tìm cầu ngũ dục, cho nó hưởng thọ... Không ngờ, cái dư vị của ngũ dục quá đắng cay khiến chúng ta đâm hoảng và thay vì si mê, tham đắm ngũ dục chúng ta lại xoay qua mê tu, tham đắm Niết bàn, giải thoát. Đối tượng có thay đổi nhưng lòng tham lam, tính toán vẫn còn đó. Ngày xưa, chúng ta bon chen, thủ lợi, giành giật ngũ dục ra sao, thì bây giờ ta cũng tính toán để tóm cho bằng được cái Niết bàn, hay quả Phật hết như vậy.

Thế nên, nếu đức Phật đưa ra một đường lối, một phương pháp để đạt Niết bàn thì chúng ta sẽ chịu lắm! Ta sẽ sẵn sàng hy sinh tất cả... để giật cho được cái Niết bàn lè lẹ kéo... thiên hạ phủng tay trên. Vì thế, câu trả lời của đức Từ Phụ đã làm cho chúng ta chung hững và thất vọng biết là bao! Hỏi làm cách nào để được giải thoát, Ngài lại bảo: "Hãy lo độ sinh đi thì tức khắc tâm con được an". Tâm an tức là giải thoát.

Bát Báu Của A Tu La

Tương truyền rằng A Tu La là một loài chúng sanh ở khoảng giữa loài người và loài trời. Nam A Tu La thì hung bạo xấu xí, còn nữ A Tu La thì trái lại cực kỳ xinh đẹp.

Các tôn giả A Tu La cũng có phước báo như chư Thiên, nghĩa là không phải lao động vất vả như chúng ta mà vẫn có ăn. Mỗi A Tu La đều có một chiếc bát báu. Đến giờ ăn, tùy theo phước báo của từng A Tu La mà thức ăn hiện ra trong bát báu, màu sắc và hương vị khác nhau, không có ai có thể ăn ké của ai được hết.

Điểm đặc biệt của dân chúng A Tu La là họ rất dễ nổi giận. Vì vậy, mà hầu hết đàn ông con trai A Tu La đều dùng thì giờ rảnh rang để đánh lộn với chư Thiên, thay vì trồng trọt, mua bán như loài người. Phụ nữ A Tu La thì không bận nấu nướng giặt giũ, tề gia nội trợ như phụ nữ của loài người, nên rất ư là diễm lệ.

Nhưng mà... áy chú! Xin các tôn giả loài người chớ nghe nói thế mà phát nguyện xin về thế giới của A Tu La.

Cũng theo tương truyền, chiếc bát báu của loài A Tu La là một vật dụng kỳ dị, nghĩa là trong giờ ăn, khi các tôn giả A Tu La "xực phần" một cách ngon ơ... thì bỗng dưng thức ăn của họ biến thành đồ bất tịnh, đầy dẫy những bùn đất, dòi bọ... Vì thế, các A Tu La cảm thấy nhàm chán, thống khổ kịch liệt khi khám phá ra mình đang ngậm và nhai những của quý ấy.

Như thế, loài A Tu La chỉ ăn được có nửa bát báu mà thôi. Nếu kẻ nào húp đến cạn tàu ráo máng thì không sao tránh khỏi tình trạng trên.

Lời Bàn

Em thân mến, truyền thuyết trên đây hư thật thế nào chúng ta chưa rõ được, nhưng em có nhận thấy rằng, loài người chúng ta cũng chỉ hưởng được có một nửa hạnh phúc trần gian, hết như chiếc bát báu của loài A Tu La chẳng?

Từ lúc chúng ta chào đời, thân bằng quyến thuộc đầy đủ, nhà cửa sung túc, cầu được ước thấy... , đó chính là nửa bát trên. Và nếu phần trên ngon ngọt dễ chịu bao nhiêu thì phần dưới lại cay đắng ê chề bấy nhiêu. Đó chính là lúc chúng ta vất vả khóc than chôn cất hết người thân này, đến người thân khác. Đó cũng chính là lúc mà chúng ta phải đối diện với cái già, cái chết, cùng những tai biến thành linh xảy đến. Cũng giống hết như loài A Tu La, chúng ta không biết phải nên dùng đũa lúc nào để khỏi ăn nhầm đồ bất tịnh.

Mỗi lần vớ được ngũ dục là chúng ta hưởng thụ một cách mê ly, cho đến bao giờ bị chúng làm cho đau khổ kịch liệt, nuốt không xong mà nhả chẳng ra... đợi đến lúc ấy, chúng ta mới chịu dùng đũa thì ôi thôi, quá muộn rồi!

Các thứ tình đời, tình bạn, tình yêu... đều là những món nhấm khó chịu như thế cả, em có thấy vậy không? Hãy thử nhìn các cặp tình nhân mới yêu nhau thì biết; khoe mắt, làn môi, giọng cười, tiếng nói... của họ đều biểu lộ một niềm hỷ lạc, hạnh phúc sung mãn tràn trề. Đó là nửa bát trên. Và sau đó, em hãy cố gắng nhìn tiếp, khi họ bắt đầu hần học, tru tréo, chửi rủa, đánh

đập... tìm đủ cách hành hạ nhau cho thỏa tức, đó là nửa bát dưới.

Điều oái oăm nhất là loài người chúng ta cũng như loài A Tu La, không ai tìm được ranh giới phân chia giữa khoái lạc và đau khổ để có thể dừng lại kịp thời. Trong lúc đang hưởng hạnh phúc, nếu có ai ngăn cản, bắt chúng ta dừng lại, đương sự sẽ đòi... uống thuốc tự vận ngay! Và thật là tội nghiệp, khi người ta đang phản đối âm ỉ, tìm đủ trăm phương ngàn kế để tiếp tục hưởng món ăn ngon thì... dùng một cái, thức ăn hoá thành độc dược!

Nhận chân được điều đó, đức Phật khuyên chúng ta rằng: "thọ là khổ", nghĩa là cảm giác nào cũng khổ hết, kể cả cảm giác gây khoái lạc, vì bản chất của chúng ta là sinh diệt vô thường. Và Ngài cũng dạy chúng ta rằng chỉ nên thọ dụng khi có nhu cầu cần thiết, cốt sao cho diệt được thọ khổ, mà đừng để nảy sinh thọ lạc, nghĩa là nên dừng lại cho kịp thời. Nhưng dừng lại nơi đâu nhỉ? Thừa, ở nơi nào chúng ta thấy có đấm trước, triu mến, lưu luyến... thì phải một, hai, ba ngừng ngay lập tức. Nguyên tắc thì như thế đó, nhưng khi thực dụng thì còn tùy theo sự khôn ngoan, mê hay tỉnh của từng người. Nhưng mà có rất nhiều chúng sanh đã từng nguyện rằng: "thà sống bên nhau để được gây gổ đánh đập hoài hoài, còn hơn là cô đơn góa lẻ... !" nghĩa là họ tình nguyện nốc chén của mình cho đến giọt cuối cùng đó, em ạ!

Chuyện Âm Phủ

Tại âm phủ, một hồn ma đang quỳ đối chất trước Diêm chúa, giữa hai vị công an của diêm phủ là Ngưu Đầu và Mã Diện.

Diêm chúa ngồi trên chín bệ đồng dặc ra lệnh:

- Phán quan đầu, đọc hồ sơ lý lịch của tên này xem!

Phán quan liền cất giọng đọc, rõ ràng và chậm rãi:

- Trần văn Trụi, 82 tuổi, du thủ du thực, vô gia cư lẫn nghề nghiệp, trúng gió chết tại chợ Bến Thành.

Hồn ma lễ phép đưa một tay xin góp ý:

- Muôn tâu Diêm chúa, cho con được phép cải chính.

- Hử?

- Thưa, con đúng tên là Trần văn Trụi thật, nhưng mới 28 tuổi chứ không phải là 82 tuổi đâu ạ!

- Sao? Phán quan... , hấn nói thế đúng không?

Phán quan giật mình, kéo áo lau kính, xem lại sổ bộ, ấp úng:

- Dạ... dạ...

- Đúng hay sai chớ dạ cái gì?

- Bẩm đúng ạ!

- Chèn dết ơi! Mấy người làm ăn kiểu này thì chết tôi rồi... Ngưu Đầu đâu?

- Dạ! Có con đây ạ.

Mau lên giữ xác nó, kéo người ta đem chôn bây giờ. Tại sao mà ra có sự như vậy hử?

Ngưu đầu vội vã ra đi. Phán quan gãi đầu ấp úng:

- Dạ... dạ tại mới mua chiếc kính, nhìn chưa quen mắt, nên ngu thần đọc nhầm 28 thành 82 ạ... xin Thánh thượng bớt giận, thần sẽ đi thay kính lập tức.

- Nó sống đến bao nhiêu tuổi?

- Muôn tâu, .. . 82 tuổi ạ!

- Vậy thì chờ đợi gì nữa mà không dắt nó đi nhập xác?

Hồn ma liền xen vào:

- Muôn tâu Diêm chúa! Những tướng nhân gian mới làm ăn bê bối... dè đầu... đây cũng vậy. Con đang đi ăn phở với người yêu trước chợ Bến Thành thì thấy hai cha nội nầy đến thộp cổ dắt đi... Có lẽ bây giờ người yêu của con uống thuốc chuột chết theo con rồi cũng không biết chừng.

Diêm vương hạ giọng:

- Thôi! "Thiên tai nhất thì" mới có một vụ lắm lần. Mũi đại thì lái chịu đòn... Ngươi cho ta xin lỗi vậy, về dương gian đi... vui vẻ nhé!

- Muôn tâu, xin Ngài hãy bồi thường thiệt hại cho con.

- Mi muốn gì? Giấy tiền vàng bạc nơi đây đâu thể đem về trần mà xài được.

- Thưa... con chỉ muốn xin rằng luôn tiện Ngài cho con liếc sơ qua cái phiếu lý lịch số ba, tức là cung tình duyên gia đạo của con ấy. Hiện con có lấy được người mình yêu và nàng có thành thật với con không ạ!

- A! Thằng nhãi... ! Biết trước vị lai để làm gì? Chẳng sướng ích gì đâu con ạ!

- Muôn tâu, nếu Ngài không bằng lòng, khi về dương gian, con nhất định sẽ làm âm lên về cái chuyện này, con sẽ...

- Tặc! Thằng ranh! Đừng có dở trò hăm dọa, ta không ngán mi đâu... mà thôi... Phán quan đâu?

- Dạ, có thần đây.

- Đọc phiếu số ba cho nó nghe đi!

- Vâng ạ! Phán quan liền lau kính trắng giọng đọc: "Trần văn Trụi, sinh ngày... tại Cao Lãnh, con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi. Đương sự có số công danh, khoa cử, thi đầu đậu đó. Năm 27 tuổi tốt nghiệp kỹ sư công chánh hạng bình được bổ nhiệm về Sài Gòn. Năm 28 tuổi y cưới vợ là một hoa khôi ở Cầu Bông. Năm 29 tuổi làm trưởng ty Công Chánh ở Tây Ninh, năm 30 bị gọi nhập ngũ, gấn lon trung úy, năm 31 tuổi có con trai đầu lòng, năm 32 tuổi có con gái... năm 33 tuổi bị giạt mìn chết phanh thầy ở cầu Ông Phủ, nếu còn âm đức y sẽ thoát chết, chỉ gãy một chân và mù một mắt, vinh thăng đại úy rồi giải ngũ. Năm 40 tuổi... hai đứa con lớn của y bị chết ở Vũng Tàu, năm 45 tuổi bị sốt tê liệt, nằm nhà thương hai năm. Năm 50 tuổi, nhà cháy, vợ y hóa điên, năm 82 tuổi y mất trí nhớ, du thủ du thực đi xin ăn lẫn quần ở các chợ, Cầu Muối, Bến Thành rồi trúng gió chết... "

Phán quan đọc xong, hồn ma tháo mồ hôi hột, đứng chết sững, Diêm Vương thúc:

- Sao? Đủ chưa... xong rồi đó. Đi đi cha nội...

Hồn ma vẫn còn chần chờ.

Phán quan hỏi:

- Lè lẹ lên! Ở đó mà kêu ca hoài, cái xác mi mà sinh lên thì chỉ còn nước đem chôn.

Trần văn Trụi đáp một cách xuôi xì:

- Bẩm! Hay là để cho thiên hạ chôn quách đi cho rồi!

Em thân mến

Biết rõ vị lai không phải là một chuyện dễ chịu cho lắm. Hèn chi mà Phật và chư Tổ thường căn dặn chúng ta rằng: "Trong khi tu nếu chưa sạch phiền não mà rủi ro có được thần thông, biết được quá khứ vị lai thì phải buông bỏ cho lè lẹ kẻo phải lâm vào cảnh ngộ như chàng Trần van Trụi trên đây!

Ba Bà Hoàng Hậu

Ngày xưa, ngày xưa, có một ông vua trẻ. Đức vua cai trị một vương quốc giàu có, xinh đẹp, nhưng đẹp nhất có lẽ là ba bà hoàng hậu của đức vua.

Ba vị hoàng hậu này vừa có sắc lẫn có tài, nên cả ba đều được đức vua sủng ái như nhau, " Mỗi người một vẻ, mười phần vẹn mười". Cho đến một hôm, nhà vua bỗng nảy ra một ý nghĩ: Trong ba mỹ nhân này thế nào cũng có một người tuyệt diệu hơn hai người kia, nhưng ta không tài nào nhận ra được, có lẽ vì mình nhìn mãi nó quen mắt đi chăng? Hay là ta hỏi ý kiến bọn cung phi vậy".

Đức vua bèn mở cuộc trưng cầu dân ý tại hậu cung để tìm xem trong ba mỹ nhân ai là người đẹp nhất. Kết quả cũng không lấy gì làm sáng sủa cho lắm, vì ai cũng cho rằng cả ba vị hoàng hậu đều đẹp ngang nhau. Kể tám lạng, người nửa cân vậy.

Nhà vua lại đem nội vụ ra bàn với đình thần. Kết quả cũng tương tự như trên. Quan tể tướng khuyên đức vua nên dừng cuộc giảo nghiệm lại, vì e nó chẳng ích lợi gì mà đôi khi mang đến hậu họa khó lường được.

Thay vì nghe lời khuyên sáng suốt của vị trung thần lão thành ấy thì đức vua của chúng ta lại nổi cơn thịnh nộ, truyền lệnh cho quan tể tướng phải giải quyết cho xong công việc trong vòng ba hôm. Sau một lúc im lặng, quan tể tướng kính cẩn tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ rằng, bọn hạ thần chỉ sở trường về chuyện cung kiếm văn thơ, còn chuyện đẹp xấu tướng hảo ra sao thì chắc phải nhường cho các vị bốc sư nổi tiếng. Hay là bệ hạ cho vời y vào, y sẽ phân biệt rõ ràng hơn không?

Nhà vua nguôi giận. Một ông thầy bói được lập tức triệu vào cung để chiêm ngưỡng dung nhan ba người đẹp. Vị bốc sư không chịu cho biết kết quả ngay mà xin khất lại ngày hôm sau để về "tra tự điển" lại.

Lão bốc sư đi rồi, quan tể tướng bèn tâu nhỏ với đức vua:

- Muôn tâu thánh thượng! Hạ thần trộm nghĩ rằng quý đức bà, mỗi người có một vẻ đẹp riêng, tùy theo nhãn quan và sở thích của từng người. Ý kiến của chúng thần có thể bất đồng nhau, nhưng vì sợ uy quyền của quý đức bà, nên bọn hạ thần không dám nói lên ý kiến của mình mà chỉ kết luận chung chung rằng, cả ba đức bà đều tài sắc như nhau. Nếu thần không lầm thì lão bốc sư này cũng lâm vào một tình thế khó xử như bọn hạ thần, nên lão mới xin khất lại vào ngày mai đó thôi.

- Thế thì khanh giải quyết bằng cách nào?

- Muôn tâu! Ngu thần có một kế mọn là bệ hạ giả mạo bức thư, ký tên của ba đức bà, hẹn lão ấy đến ba địa điểm riêng. Nếu y đến địa điểm nào thì đức bà ấy sẽ là người đẹp nhất.

- Hay lắm, khanh hãy thi hành ngay cho trẫm.

Ba bức thư tức tốc được gửi đi và lão bốc sư đi đến chỗ hẹn với bà hoàng đẹp nhất.

Đức vua truyền lệnh chém đầu lão thầy bói... Và từ đó ngài đặc biệt sủng ái vị hoàng hậu vào chung kết này.

Hai bà hoàng hậu còn lại vô cùng tức tối, họ âm mưu với nhau dùng độc dược giết chết bà hoàng hậu đẹp nhất.

Chuyện bại lộ, đức vua truyền lệnh xử tử luôn hai bà hoàng hậu còn lại.

Ba vị hoàng hậu xinh đẹp nhất nước đều chết hết, đức vua còn lại một mình để thấy hoàng cung sao mà trống trải lạnh lẽo, bất kể Xuân Hạ Thu Đông.

Lời bàn:

Em thân mến!

Vạn pháp trên thế gian này, mỗi pháp đều có một đặc tính riêng, nhưng khi chúng ta bắt đầu "ưu tiên một" cho pháp nào, tức là để tâm vào nó, thì sự việc bắt đầu trở nên rắc rối. Có lẽ vì vậy mà đức Phật thường khuyên chúng ta là hãy để yên cho các pháp trụ ở bản vị của nó. Chớ xen vào phân biệt để tự chuốc khổ cho mình và làm di họa cho người chung quanh.

Cũng thế, trong cuộc tương giao với bạn bè lân cận, mỗi người bạn của chúng ta đều mang một cái tính riêng biệt, chiếm một vị trí, cách thế khác nhau, chẳng ai giống ai. Và chúng ta cũng khó mà kết luận rằng ai quan trọng hơn ai. Mùa Xuân có hoa lan, mùa Thu có hoa cúc, mỗi loài hoa đều có hương sắc riêng của nó, không thể nào bắt loại hoa này phải bắt chước hoa kia được. Em có thấy rằng số phần rủi ro luôn luôn đến với người mà chúng ta đặc biệt ưu ái hay không?

Vậy thì, ta có nên ngu muội đem cái ý thức phân biệt của mình xen vào các mối tương giao ấy, để cảm thấy cuộc đời này sao mà lạnh lẽo bất kể bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông hay không?

Bảng Chỉ Đường

Tu viện ở cách xa đường tráng nhựa, tận cùng trong một thôn xóm hẻo lánh, nên khách thập phương đến viếng chùa thường ngao ngán và bị lạc đường, vì lối vào chùa là một con đường có nhiều ngã ba.

Theo lời yêu cầu của nhiều người, chú Sư cho cấm các bảng chỉ đường tại các lối rẽ.

Từ khi có bảng chỉ đường, số người lạc đường lại tăng lên gấp bội, ngay cả những người đã đến chùa nhiều lần. Chú Sư ngạc nhiên nên mở cuộc điều tra... thì ra các chú mục đồng tinh nghịch đã thừa lúc vắng người, đem bảng chỉ đường cấm sang lối khác.

Chú Sư liền mang tám bảng chỉ đường về chùa cất.

Em thân mến!

Tám bảng chỉ đường vẫn còn đó, chữ đẹp và rõ ràng trên nền sơn còn mới. Nhưng lại bị một bàn tay chơi xấu hướng về một lối đi sai... thì phải được dẹp bỏ gấp. Vì chẳng những nó đã không làm tròn bổn phận, mà còn làm sai lạc cho những người quen lối nữa. Trong trường hợp ấy, duy trì bảng chỉ đường là một điều ngu xuẩn, em có thấy như thế không?

Vậy thì em đã hiểu rõ tại sao tổ Bồ Đề Đạt Ma, người khai đường cho Thiền Tông Trung Hoa đã tuyên bố: "Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật".

Thiền Tông không câu nệ vào văn tự kinh điển, không phải vì chú Sư xem thường lời Phật dạy. Nhưng trong trường hợp này, kinh điển giống như những tám bảng chỉ đường, đẹp và rõ ràng thật đấy... song đã bị những bàn tay tinh nghịch đổi chỗ mất rồi... thì đành phải "truyền riêng ngoài giáo vậy". Em có thấy như thế không?

29. 04. 1985

Bát Cháo Lú

Ba Kiến Châu kể:

Xưa, có một vị bác sĩ thú y mệnh chung, thần hồn xuống âm phủ. Sau khi được Diêm Vương xét xử, hồn ma được dẫn đến quán cháo lú ăn trước khi đi đầu thai. Vào quán cháo, hồn ma tình cờ gặp phải một bầy chó mà thuở sinh tiền, ông thường chữa bệnh cho chúng. Bầy chó vốn có nghĩa, rất mừng rỡ khi gặp lại ông. Đến lúc bà hàng dọn cháo, ông nhịn phần mình cho bầy chó ăn.

Công an ở Diêm Phủ bắt hồn ma đi đầu thai làm một thằng cu. Nhờ không ăn cháo lú nên thằng cu này nhớ rõ tiền kiếp môn một. Được năm tuổi, thằng cu khẩn khoản xin ba má dắt đi thăm thân bằng quyến thuộc cũ. Ba má nó thấy lạ nhưng cũng chiều con... Cuộc tao ngộ giữa thân quyến và thằng cu diễn ra trong một bầu không khí éo le và cảm động. Thằng cu được gặp lại bà vợ cũ, con trai, con gái, cháu nội, cháu ngoại. Bằng giọng nói ngọng nghịu của đứa bé lên năm, cu kể vanh vách tiền kiếp của mình, cùng thăm hỏi hàn huyên với vợ con, cháu chắt.

Sau câu chuyện này, thằng cu không thể sống bình thường như bao thằng bé khác, gánh nặng của tiền kiếp hàn sâu trên thân xác thơ dại của thằng bé. Những mối dây thân ái trong quá khứ khiến thằng bé quên mất nhịp sống hiện tại. Cuối cùng, ba má nó đành đưa nó vào chùa không phải để tu học mà để đi dưỡng tâm thần. Cậu con trai út của ông bác sĩ thú y cũng tình nguyện vào chùa để chăm sóc người cha bé con của mình và tu tâm dưỡng tánh luôn thể.

Em thân mến,

Ba Kiến Châu đã kể câu chuyện trên cho tôi và các bạn nghe, mẩu chuyện mà ông đã lược lật được trên những nẻo đường ngược xuôi. Ba Kiến Châu còn quả quyết rằng câu chuyện trên hoàn toàn có thật, những nhân vật trên hiện còn, thằng cu trong câu chuyện là một vị tăng trạc tứ tuần. Tôi không dám cam đoan với em về tầm chính xác của câu chuyện kể lại cho em nghe. Tôi chỉ muốn ngỏ ý với em rằng: nhớ được tiền kiếp là một khả năng mà bất cứ người nào cũng có. Các bậc đức đạo gọi là "túc mạng minh". Trong kinh đức Phật cũng thường khuyến cáo các hành giả tu tập, nếu chưa được "lậu tận thông" (tức là khả năng hóa giải hết thủy phiền não) mà lại có thần thông thì phải xả bỏ đi lập tức. Có lẽ Ngài e rằng chúng ta sẽ lâm vào hoàn cảnh dở khóc dở cười như thằng cu trên đây. Trong quãng đời hiện tại chúng ta đã bị lụy, khổ sâu vô hạn rồi. Hướng chi là nhớ lại những ân oán buồn vui trong tiền kiếp. Đức Phật và các bậc đức đạo nhớ rõ quá khứ với từng tình tiết chi li mà tâm các Ngài hoàn toàn bình thản, trong khi chúng ta nhìn lại quá khứ với biết bao là tiếc nuối, buồn thương. Càng sống với dĩ vãng, chúng ta càng rối bời xao xuyên, mắt mở mà vẫn chiêm bao... Có lẽ vì thế mà chư tổ Thiền Tông đã khuyên chúng ta: "Việc qua rồi chẳng nhớ. Việc chưa đến chẳng lo. Việc hiện tại chẳng đem lòng vọng tưởng." chẳng? Có nghĩa là, nếu chưa có khả năng hóa giải phiền não, chúng ta phải ăn cháo lú mỗi ngày để tâm ta khỏi hối tiếc dĩ vãng, khỏi có những xao xuyên khi hoài vọng về tương lai.

Hay nói cho rõ hơn, quá khứ hoặc tương lai, có hay chẳng là do những vọng niệm rối bời trong

hiện tại chiêu vời đến mà thôi. Cũng vì thế mà thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền đã bảo người đệ tử, khi chú này xin lên đường đi tham học rằng:

"Niệm khởi đừng tiếp tục còn hơn là mười năm tham thiền học đạo"

10. 04. 1985

Một số sinh ra từ bào thai, kẻ ác thì đọa vào địa ngục, người chính trực thì sinh lên chư thiên, nhưng cõi Niết Bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử.

Pháp cú 126

Chum Vàng Bất Được

Xưa có anh chàng nông dân mua được thửa đất mới. Một hôm đang cày đất, anh bắt được một chum vàng. Vốn thật thà, anh ngẫm nghĩ:

- Chum vàng này chắc của người chủ cũ.

Anh liền mang đi trả, người chủ cũ cũng đáp rất vô tư:

- Tôi không có vàng để chôn, nên chum vàng đó không phải là của tôi.

Anh nông dân cãi lại:

- Khi tôi mua thửa đất, không hề nói là có chum vàng, vì vậy nên tôi xin trả lại cho bác.

- Lúc tôi bán đất, tôi cũng không biết là có chum vàng, vậy thì bác cứ lấy.

Hai người cứ nhượng qua, nhượng lại mãi cho đến lúc trời sụp tối, đành phải chia tay. Sau một đêm suy nghĩ cặn kẽ, cả hai hối hả đi tìm nhau. Gặp nhau ở giữa đường, hai người cùng nói:

- Bác dạy thật chí lý! Chum vàng ấy là của tôi.

Hai người tranh cãi, cố chứng minh chum vàng là của mình. Cuối cùng, nội vụ phải đưa lên quan.

Lời bàn

Em thân mến,

Hóa ra càng suy đi gẫm lại, chúng ta càng bóp méo sự thật, càng làm cho sự việc rắc rối thêm lên. Có lẽ vì thế mà chư Tổ thường dạy chúng ta nên tiếp ứng với ngoại vật bằng bản tâm bình thường, không bị những tính toán lo toan làm xao động. Mang tâm ấy đã đủ khả năng làm lành lánh dữ (giới), sáng suốt (huệ), và không bị giao động vì những tư dục cá nhân (định). Đó là lúc mà cả hai bác nông dân đều thấy rõ mồn một rằng: "chum vàng ấy không phải là của tôi".

Bồ Tát Và Chúng Sanh

Trời mưa vừa dứt, một bà cụ khoác áo toại đi ra phố. Gặp một chú bé đang nghịch nước bắn bên vệ đường, bà cau mặt quát:

- Thằng cu, mà có lên ngay không? Khiếp!

Chú bé phản đối:

- Cháu xí cái vũng này từ hồi mới mưa lặn. Bà kiếm cái khác đi, thiếu gì!

Em thân mến!

Bồ Tát là những vị mà sách vở định nghĩa là: "Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh", riêng chúng ta có thể hiểu một cách giản dị như thế này: Nếu chúng ta tin rằng mình và tất cả chúng sanh đều có khả năng giác ngộ, thì ta đã có một mầm Bồ Tát trong lòng rồi. Trên đường tu chùng nào thành Phật hãy hay, còn hiện tại chúng ta hãy tùy thuận giúp đỡ người chung quanh bằng tất cả khả năng hạn hẹp của mình. Vì tin tưởng nơi Phật tánh của mình và người nên Bồ Tát không bao giờ mệt mỏi trên bước đường tự lợi, lợi tha. Nhưng... tâm Bồ Tát thì khó phát mà lại rất dễ thối thất. Em có biết tại sao không?

Em đừng tưởng là khi thực hành Bồ Tát hạnh, đi đến đâu thiên hạ cũng rải hoa và trái chiếu bông đón tiếp mình hết đâu... mà coi chùng vỡ mộng đấy nhé. Như trường hợp của bà cụ trên đây chẳng hạn. Nếu các tôn giả chúng sanh đang ưa thích điều gì mà mình cản trở thì coi chùng, họ có thể nghi là mình muốn đoạt cái sở thích đó. Trong trường ấy, nếu ta chưa đủ tài thuyết phục họ thì phải chạy cho thật lẹ kéo... u đầu!

Nếu em có giúp đỡ ai điều gì thì chớ nên hí hửng chờ người tuyên dương công trạng mình, vì có hàng khối kẻ bàng quan đang bĩu môi phẩm bình rằng: "Đồ ngu, chuyên môn làm mọi thiên hạ", hoặc là: "Cái số cực...", "cái nghiệp nặng...". Chà! Coi bộ em muốn thối tâm rồi phải không? Nếu mình là Bồ Tát thứ thiệt thì khỏi nói, đàng này... thật kẹt cho hàng Bồ Tát sơ tâm như bọn mình. Có lẽ vì thế mà trong các kinh, đức Phật đã không tiếc lời ca ngợi hạnh Bồ Tát và Ngài cũng đã từng nhắc nhở chúng ta rằng: Muốn giảng kinh Pháp Hoa, tức là đi gieo rắc niềm tin rằng: "Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật", Pháp Sư phải ngồi tòa Như Lai và mặc áo Như Lai. Tòa Như Lai là tâm từ bi, áo Như Lai là giáp nhu hòa nhẫn nhục đó em ơi! (1984)

Hóa Thân Bồ Tát

Pháp sư Đỗ Thuận, sư tổ của tông Hoa Nghiêm ở Trung Hoa có nuôi một chú đệ tử thân cận rất lâu. Một hôm chú thị giả này xin phép ngài đi núi Ngũ Hành để đánh lễ đức Văn Thù, vì nghe đâu Bồ Tát thường hiện thân chốn đó. Ngài Đỗ Thuận không bằng lòng và đọc bài kệ:

Du tử mạn ba ba

Đài sơn lễ thổ pha

Văn Thù chỉ giá thị

Hà xứ mịch Di Đà

Tạm dịch

Những chàng du tử lênh đênh

Đến Đài sơn lễ những ghềnh đất thô

Di Đà tìm ở chốn mô?

Văn Thù kẻ cận hồ đồ không nghe.

... Chú đệ tử vẫn ra đi. Bằng ngàn vượt suối một thời gian mới đến núi Ngũ Đài. Chú tha thiết đánh lễ cầu mong được thấy hóa thân của Bồ Tát. Lòng thành được đáp ứng, một ông già hiện ra bảo chú:

- Đức Văn Thù nay ở núi Chung Nam, tên ngài là Đỗ Thuận.

Chú thị giả hối hả quay về. Đến cố hương, ngài Đỗ Thuận đã viên tịch.

Lời bàn:

Em thân mến,

Chỉ cần giản dị một chút thôi là chúng ta có thể gặp không biết cơ man nào là thiện hữu tri thức trên khắp nẻo đường đời. Ngược lại, chỉ cần một tí kiêu mạn thì dù ở kề cận bên Phật và Bồ Tát, chúng ta vẫn lâm vào tình trạng "Vô duyên đối diện bất tương phùng" như chú thị giả trên đây.

Là khách buông câu từ thuở trước.

Bồng cạo râu tóc khoác cà sa.

Trong ngôi Phật tổ mời chẳng ở.

Đêm về như trước ngủ bờ lau.

Như trước ngủ bờ lau

Có ai chung được?

Trăng sáng đầy thuyền không chỗ hỏi.

Đôi ba tiếng vọng cò bể kêu.

T. S. Thủ Đoan

Cách Xử Thế Người Xưa

Xưa, có một chú học trò được dịp lên phố chơi. Nhằm ngày chợ phiên, một vụ mất cắp xảy ra tại quán trọ, chú học trò liền bị quan huyện bắt nhốt vì người ta ngờ chú là thủ phạm.

Sau khi trải qua những thủ tục tra hỏi phiên phức, quan huyện tìm ra thủ phạm chính, chú học trò được trắng án ra về.

Khi về làng, gặp lại vị thầy dạy học, chú nhỏ tức tưởi kể lại tự sự, bộc bạch nỗi hàm oan của mình.

Ông thầy im lặng nghe xong câu chuyện, nghiêm nghị ra lệnh đánh đệ tử mười roi phạt. Đương sự rất ngạc nhiên, nhưng không dám cãi lời thầy, riu riu leo lên bộ phận nằm chờ trận đòn mà lòng hoang mang vô kể.

Các bạn chú thấy thế, ngạc nhiên thưa:

- Thưa thầy, trò này vô tội sao lại bị đòn?

Ông thầy từ tốn giải thích:

- Đành rằng nó vô tội, nhưng tại sao giữa phố chợ đông đảo chỉ mình nó bị tình nghi là kẻ cắp? Ta đánh đây là phạt cái tội nó có bộ vó của thằng ăn cắp để cho người ta nghi ngờ. Nếu nó không chỉnh đốn tư cách lại, ta e rằng nó sẽ bị hàm oan nhiều lần nữa.

Em thân mến

Đây là một trong những cách xử thế tuyệt diệu của người xưa. Cổ nhân đào luyện thế hệ đàn em phải sống sao cho "Cúi xuống không thẹn đất, ngẩng lên không thẹn trời".

Đành rằng chú bé trên đây không hề gian tham nhưng vị thầy không bằng lòng khi thấy học trò mình chưa đủ tư cách chính nhân quân tử, khiến người ta mất lòng tin nơi mình.

Trong kinh, đức Phật đã từng dạy dỗ chúng ta rằng: "Không phải nhờ ở lời khen của thế nhân mà con được đạo giải thoát, cũng không phải vì lời chê của thế nhân mà con lại rơi vào địa ngục. Mà chính những ý nghĩ, lời nói và hành động của con sẽ quyết định cảnh giới thiện ác tương xứng. "

Thông thường, chúng ta rất dễ nhẫn nhịn những lời khen (mà mình không hoàn toàn xứng đáng) và ngược lại, chúng ta không tài nào kham nhẫn nổi những lời vu oan trách mắng vô căn cứ. Đã bao lần em tức tưởi thuật lại nỗi hàm oan của mình cùng bè bạn. Và có lẽ, chưa lần nào em bị đánh đòn như chú bé trong câu chuyện trên đây. Có lẽ vì thế mà chúng ta kém xa người xưa chăng?

Có hôm nào, lỡ bị một nỗi hàm oan, em hãy thử một lần tự tìm xem mình đã có những tác phong, cử chỉ cung cách như thế nào... để cho người ta phải nghĩ về mình xấu tệ như thế đó. Nếu tìm thấy nguyên do nằm nơi mình, thì em đã bắt đầu nắm được chìa khóa giải thoát rồi đó. Giải thoát cái gì em biết không? Giải thoát em khỏi những niềm sầu, nỗi khổ, những tư tưởng bi

quan hắc ám. Vì thấy sao mà trên cõi đời này, sao mà không có ai hiểu mình hết trơn, hết trội...

Cành Trâm Mơ Ước

Thuở xưa, có một cô gái miền quê, tên gọi là Bông. Một hôm đến ngày chợ phiên, Bông được mẹ sai đi bán mật.

Trên đường đi đến chợ, Bông vừa đi, vừa nghĩ ngợi lan man... "Khi sáng mẹ có hứa rằng... nếu bán được giá hời mẹ sẽ cho riêng Bông một quan tiền để tùy ý sử dụng... Bông sẽ mua cái gì nhỉ? À! Bông sẽ mua nửa chục gà con, những chú gà lông nồn như tơ, vừa bằng cái chén tống ấy mà... Đàn gà gặp tay Bông nuôi thì phải biết... con nào con nấy mau lớn như thổi... chúng sanh con đẻ cháu nhiều vô kể, chỉ hiếm một nòi là chúng hay bơi xối cả ngày. Cho nên, một hôm Bông bực mình bán quách hết cả để mua hai chú lợn con ủ ủ về nuôi cho tiện. Phiên chợ cuối năm Bông lùa lợn đi bán. Đạo cận Tết lợn bán rất được giá. Bông mua một chiếc áo dài màu hoa cà, một chiếc quần sa-teng trắng, một đôi hài cườm như lũ con gái ở xóm Lò lu thường mang... Vẫn còn thừa tiền, mình mua cái gì nhỉ? Một chiếc lược hay cái khăn voan choàng đầu? Một chiếc dù hay một thỏi son... A! Phải rồi! Một chiếc trâm cài tóc... Tết đến, Bông sẽ mặc quần áo mới, đi hài cườm. Chiếc trâm có nhận hột thủy tinh lấp la lấp lánh trên mái tóc nhưng đen. Một chàng trẻ tuổi đến ngỏ chuyện làm quen với Bông. Bông e thẹn nép mình dưới một khóm lá... để đỡ ngượng. Bông đưa tay cài lại chiếc trâm, nghiêng đầu, xoa tóc che bớt đôi má đỏ bừng vì... thẹn, thì... "xoàng! "...

Bông ngờ ngác thấy mình đang đứng giữa đường làng, hũ mật đổ nhào xuống đất vỡ làm ba, bốn mảnh... Áo lượt, quần là, cành trâm cùng chàng trẻ tuổi đều tan biến đâu mất... Cô thiếu nữ hay mơ mộng này không biết làm gì hơn là ôm mặt khóc oà.

Phụ chú:

Cái này gọi là: "Bùng con mắt dậy thấy mình tay không! "

Cầu Được Ước Thấy

Xưa, có một chúng sanh đang chịu quả khổ ở địa ngục. Trong cơn đau tận mạng, y van vái Phật luôn miệng: "Xin Ngài cứu con, cho con thoát khỏi cái chảo dầu sôi này. Làm thân ngựa quý cho đỡ khổ hơn".

Bụt và Diêm vương nghe lời van xin, mủi lòng cho y được như nguyện. Làm ngựa quý được vài hôm, y lại kỳ kèo:

- Xin Ngài làm phúc cứu cho con được làm thân súc sanh, một con chó cũng được, chứ ngựa quý... khổ quá trời ơi!

Y liền được mang thân một con chó tên là Nô. Nô lại than van:

- Hỡi ơi! Thân chó nào có sướng gì! Ước chi con được thân người... Gâu! Gâu!

Nô liền được như nguyện, mang thân một chị đàn bà xấu, bán ve chai, sống qua ngày. Chị ve chai lại rên rỉ:

- Trời Phật ơi! Khổ thân tôi. Xấu xí thế này sống chi cho thêm nhục! Ước chi tôi dễ coi một chút, để kiếm được một ông chồng mà nương tựa tấm thân liễu yếu. Hu! hu!

Chị ve chai lại biến thành một thiếu nữ khá mặn mà... và có vô số anh hùng rắp ranh bắn sẻ. Sau mấy năm kén cá chọn canh, treo cao giá ngọc, chị lên xe hoa với một người trong mộng. Mười năm sau chị lại than thở:

- Trời ơi! Chồng với con, ước gì tôi được như thời con gái, không có cả đống phụ tùng rắc rối, tui sẽ cạo đầu vô chùa tu quách. Ừ! Ừ!

Cầu được, ước thấy, chị thành một tu sĩ. Người ta lại nghe Sư cô này than van:

- Ừ hự! Phải chi mình được "Sanh phùng trung quốc, trưởng ngộ minh sư" thì tu mới không ngán. Đàng này không ai chỉ dạy, tu gì mà chỉ thấy phiền với não.

Sở cầu hợp pháp này được chuẩn y lập tức. Sư cô được gửi vào một Phật học ni viện. Lần này các ni sinh bạn cô lại nghe cô kể lể:

- Học chi mà lảm thế! Học mà không tu thì như mang đũa sách nói ăn mà không no. Ước chi tôi được gặp một thiền sư, ở trong một thiền viện để vừa học vừa tu, tri hành hợp nhất... Hi, hi!

Bụt liền giúp cô... cô trở thành một thiền sinh trong một thiền viện "bất tác bất thực". Thiền sinh này thường chống cốc than thở:

- Chèn ơi! Quanh năm chỉ thấy cào với cốc. Làm mãi không có thì giờ để tu. Ước gì tôi được nhập thất để giải quyết sanh tử, nhất đao đại đoạn, ... hừ hừ!

Bụt lại ra tay. Một cái thất được dựng lên cấp tốc. Một, hai, ba, bốn... thí chủ hùn tiền giúp cô an tu. Ngồi bó rọ trong thất, đương sự loay hoay suy tính:

- Phải chi có ai tu "du" rồi mình ké vô để thành Phật thì sướng biết mấy. Sư cô chưa kịp ao ước thì bỗng bắt được cái điện tín của Diêm Vương gửi qua một cái răng sâu... và cả tiếng thì thầm của bọn quỷ sứ dưới âm phủ:

- Tâu Diêm Chúa, chảo dầu này hai đứa con chụm sắp sửa sôi rồi. Chùng nào Diêm Chúa lôi cái tên đại sư cô đó về đây?

Cước chú:

Xin hãy đọc câu chuyện này giống như đọc một cuốn sách thuộc loại "khoa học giả tưởng" vậy!

Trân trọng.

Chấp Chi Vọng Nguyệt

Lía là tên tớ của ông Bảy Mập, nó thật thà, giỏi dẫn, chỉ phải cái hơi ngu. Một hôm, ông Bảy có việc đi vắng, dặn Lía ở nhà rằng:

- Phải coi chừng của nẻo... kéo ăn trộm!

Ông Bảy đi rồi, có một đoàn cải lương đi về làng. Lía rất khoái coi hát. Nhưng nhớ lại lời dặn của ông Bảy, nó đứng ngồi không yên, mãi đến lúc tìm ra một điệu kể, và Lía thực hành liền.

Lía tháo hết mấy cánh cửa, chất lên xe đạp chở đi xem hát. Tan hát, Lía chở cửa về nhà, lắp lại như cũ.

Khi ông Bảy trở về nhà, ông thấy cả gia sản chỉ còn mấy cánh cửa, chiếc xe đạp và cậu tớ quí.

Lời bàn

Em thân mến,

Nếu chúng ta chỉ cho rằng khi đi bất cứ nơi nào, chỉ cần mang theo đầy đủ ba y, bình bát... là đã làm xong lời Phật dạy... thì coi chừng! Chúng ta sẽ giống thằng Lía này đấy!

Cây Đèn Đã Tắt

Xưa, có một chú bé bị mù cả hai mắt, mỗi khi đi đâu chú đều cầm gậy dò đường. Ngày và đêm, chú đều phải sống trong bóng tối như nhau. Một hôm, chú bé đến thăm bạn, lúc ra về trời đã tối, người bạn đốt một chiếc lồng trao cho chú, chú bé cười nói:

- Tối hay sáng đối với tôi đều như nhau, anh trao đèn cho tôi làm gì?
- Đành rằng anh không cần đèn, nhưng người khác nhờ cây đèn này mới không đâm bổ vào anh chứ.

Chú bé mù cầm đèn ra về. Đi được một quãng chú bị người khác đụng phải, chú bé tức giận quát:

- Bộ đui sao mà không thấy cây đèn của người ta?

Người kia cười to:

- Đèn của anh tắt rồi, anh đui ơi!

Em thân mến:

Giá trị của cây đèn là do ánh sáng. Thiếu ánh sáng, thì cây đèn chỉ là một vật vô dụng mà thôi.

Một pháp môn hay, quý nhất là ở chỗ nó giúp cho hành giả thấu rõ thực tướng của mình và muôn pháp, tiêu sạch phiền não, đem lại an lạc cho mình và người chung quanh.

Nếu chúng ta cứ cho rằng mình đã dựa vào hàng ngũ xuất gia, thuộc vào hàng tông môn chánh phái, Thầy Tổ là những bậc chân tu lỗi lạc, bạn bè mình toàn là những hạng anh tài xuất chúng... chúng ta đã được học những pháp môn tối thượng thừa cao siêu hi hữu. Và chúng ta cho thế là đủ, sanh tật khen mình, chê người, phiền não mỗi ngày một tăng trưởng... thì coi chừng! Chúng ta sẽ giống cậu bé mù kể trên đây. Cầm một cây đèn lồng thật tốt, thật đẹp, nhưng... tắt queo cho mà coi. (1983)

Chiếc Cùm Bằng Ngọc

Thuở xưa có một nàng công chúa bị quân địch bắt và giam giữ tại một hang núi nọ.

Quân địch trói nàng bằng một chiếc cùm bằng sắt, nạn nhân liền phản đối kịch liệt, lúc nào cũng tìm cách thoát thân.

Cuối cùng bọn giặc nhốt nàng công chúa vào một chiếc lầu sơn son thếp vàng thật đẹp, đổi chiếc cùm sắt bằng chiếc cùm nạm ngọc. Nạn nhân đổi giận làm vui, nghĩ rằng từ nay mình được sở hữu một gia tài khổng lồ nên đành cam chịu cảnh tù tội, không bao giờ nghĩ cách thoát thân nữa.

Chiếc Cùm Bằng Ngọc

Thuở xưa có một nàng công chúa bị quân địch bắt và giam giữ tại một hang núi nọ.

Quân địch trói nàng bằng một chiếc cùm bằng sắt, nạn nhân liền phản đối kịch liệt, lúc nào cũng tìm cách thoát thân.

Cuối cùng bọn giặc nhốt nàng công chúa vào một chiếc lầu sơn son thếp vàng thật đẹp, đổi chiếc cùm sắt bằng chiếc cùm nạm ngọc. Nạn nhân đổi giận làm vui, nghĩ rằng từ nay mình được sở hữu một gia tài khổng lồ nên đành cam chịu cảnh tù tội, không bao giờ nghĩ cách thoát thân nữa.

Em thân mến,

Những chiếc cùm dù có làm bằng phẩm lượng khác nhau thế nào đi nữa, chúng vẫn có cùng mục đích là trói buộc, tước đoạt sự tự do của chúng ta. Cởi bỏ một chiếc cùm bằng sắt, bằng gỗ tuy là có khó thật, nhưng so với chiếc cùm bằng vàng bạc, kim cương thì mới là thiên nan, vạn nan. Những người bị trói bằng chiếc cùm quý có thể tự tử chết nếu được giải thoát. Em có thấy điều ấy không?

Có lẽ vì thế mà kinh Kim Cang có câu "Pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp" nghĩa là "Cùm vàng cũng phải cởi, hướng nữa là cùm bằng kẽm gai" chẳng?

Chim Cú Mèo

Xưa, có con chim cú mèo làm tổ chung trên một cội cây với con chim gáy. Một hôm Cú Mèo đến từ già chim gáy để dọn đi nơi khác, Gáy ngạc nhiên hỏi:

- Bác đi đâu thế?

- Tôi dời nhà sang phương Tây.

- Sao thế? Có việc gì làm trở ngại cho bác? Tôi thấy nơi đây mát mẻ, sinh sống dễ dàng, sao bác lại bỏ đi?

Cú Mèo buồn rầu đáp:

- Dân cư vùng này không ưa tôi!

Gáy dụ dàng bảo:

- Này bác ạ! Chỗ thân tình với nhau tôi nói cho bác nghe... Sở dĩ người ta không ưa bác là tại vì tiếng kêu của bác. Nếu sang phương Tây bác cũng kêu như thế thì người ta cũng ghét bác thôi. Chi bằng bác đổi tiếng kêu đi thì Đông Tây gì cũng tốt như nhau, chẳng ai ghét bác nữa đâu mà sợ.

Cú Mèo nghe nói giận dữ bỏ đi đến miền Tây ở. Đúng như lời tiên đoán của Gáy, dân chúng miền Tây cũng ghét bỏ nó. Cú mèo đâm ra hận đời, nhất định đi vào thâm sơn cùng cốc lánh xa loài người, loài vật, mặt trời, mặt trăng...

Em thân mến

Đổi chỗ ở bao giờ cũng dễ dàng hơn sửa đổi một cố tật của mình, phản ứng mất thì giờ của chúng ta mỗi khi gặp trở ngại, bị bạc đãi, là giận dỗi bỏ đi.

Ta chỉ muốn giữ lại mối tương giao nào mà cái huyễn ngã của chúng ta được ái mộ, chiều chuộng, vuốt ve, những hành động của ta được tung hô vạn tuế. Bằng ngược lại, ta hờn, ta dỗi, ta hận đời đen bạc, than rằng sao người ta không hiểu mình, rằng sao mà mình cô đơn quá, v. v... và v. v...

Vậy thì nên đổi cảnh hay đổi tâm đây?

Em có để ý rằng, chư vị Bồ Tát dù ở địa ngục mà vẫn hỷ lạc như cảnh trời Tam Thiên, còn chúng ta ở giữa cảnh đời đầy trăng thanh gió mát, hoa thơm lá xanh, bụng no chần ấm mà vẫn muộn phiền không nguôi chẳng? Và có lẽ, nếu ai mang cái mạng mộc của mình đi lang thang từ nơi này sang nơi khác, dù gặp được những chốn thông dong như cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà đi nữa, chúng ta cũng chỉ tự làm phiền mình và chúng sanh lân cận mà thôi.

Em nghĩ sao? (1983)

Như thành quách được phòng hộ thế nào, tự thân các người cũng phải nên phòng hộ như thế. Một giây lát cũng chớ buông lung. Hễ một giây lát buông lung là một giây lát sa đọa địa ngục.

Chỉ Một Giới Thôi

Uttiya là một thanh niên Bà La Môn ở kinh thành Xá Vệ. Sau khi làm đầy đủ bốn phận của một cư sĩ tại gia như bố thí, cúng dường, Uttiya đến yết kiến Phật và xin được xuất gia. Đức Đạo Sư chấp thuận cho chàng được toại nguyện.

Sau ngày xuất gia và thọ Tỳ Kheo giới, Uttiya đâm hoảng. Chàng tự nghĩ: "Không ngờ muốn làm một sa môn phải giữ đến 250 giới... chỉ nhớ thôi cũng đã mệt rồi... nói gì đến thọ trì. Thôi chết rồi! "

Và thầy Tỳ Kheo Uttiya đâm ra lúng túng vì thầy không tài nào nhớ mỗi 250 giới cấm. Uttiya đến gặp Phật và xin hoàn tục vì chàng không tài nào xoay sở với ngần ấy giới luật phải giữ. Đức Đạo Sư ân cần khuyên hỏi:

- Nay Tỳ Kheo! Con xin hoàn tục chỉ vì các điều giới quá nhiều khiến con không nhớ nổi, chứ không phải vì con tiếc nước đục lặc thế gian, có phải thế không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy! Con nghĩ rằng khi sống đời cư sĩ, chỉ phải giữ 5 giới cấm, là những điều con có thể thi hành được. Còn hôm nay, hai trăm năm mươi giới của Tỳ Kheo, con không tài nào nhớ hết thì làm sao mà vâng giữ. Chi bằng con xin hoàn tục để khỏi vi phạm đến giới pháp cao sâu vi diệu của Tăng đoàn.

- Nay Tỳ Kheo! Nếu Như Lai rút 250 giới lại thật tóm tắt, chỉ còn một vài điều giới thôi thì con có thể tiếp tục đời sống xuất gia hay không?

- Bạch Thế Tôn! Được như thế thì còn gì bằng.

- Nay Tỳ Kheo! Vậy thì bắt đầu từ hôm nay, con chỉ giữ có mỗi một giới này thôi. Đó là canh chừng thật chặt chẽ những móng tâm động niệm của con, biết rõ từng ý nghĩ khởi lên là thiện hay ác. Nay Tỳ Kheo! Làm sao để biết đó là một ý tưởng thiện hay ác: Ý tưởng ác là những ý tưởng mà nếu đem ra nói hay làm sẽ gây hại cho mình, cho người hoặc cho cả hai. Đối với những ý tưởng như thế, con phải canh chừng, theo dõi nó từ lúc mới sanh, lan rộng, cho đến khi diệt mất. Nay Tỳ Kheo! Thế nào là những ý tưởng thiện? Đó là những ý tưởng mà khi đem ra thi hành sẽ không làm hại mình, hại người hoặc cả hai... Đối với những ý tưởng loại này, con cũng phải theo dõi từ lúc chúng sanh khởi, lan rộng cho đến khi chúng diệt mất. Nay Tỳ Kheo! Với một điều giới duy nhất như thế, con có thể giữ được hay không?

Thầy Tỳ Kheo Uttiya cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể giữ được và con xin Thế Tôn cho phép con ở lại tịnh xá tu học.

Rồi Tỳ Kheo Uttiya, với một điều giới duy nhất như thế, tinh cần tu tập. Không may cho thầy, một cơn bệnh nặng chợt đến khiến thầy phải gián đoạn công phu. Cơn bệnh này tiếp nối cơn bệnh khác không thừa dứt, khiến thầy Uttiya vô cùng sầu khổ. Một hôm trên giường bệnh, thầy chợt nghĩ: "Trong khi ta lâm bệnh khổ thân thể khó chịu vô vàn như thế này, các ý tưởng sinh khởi liên miên không bao giờ dứt. Nếu cái thân xác thịt này mà không được tiếp tế thức ăn, nước uống và không khí thì nó có lẽ đã chết từ lâu. Còn cái vọng tâm của ta, nếu không được

tiếp tế bằng những ý niệm thì có lẽ... nó cũng đã chết từ lâu lắm rồi. Thân ta tuy hiện đang bị bệnh khổ bức bách, nhưng đó không phải là cái có để ta buông lung... huống chi đấng đạo sư đã thương tình tóm tắt 250 điều giới vào trong chỉ một giới mà ta còn lơ đãng thì thật là đáng trách... "

Nghĩ như thế, Tỳ Kheo Uttiya tinh cần tu tập. Chẳng bao lâu, thầy đắc A La Hán, ngay khi còn nằm trên giường bệnh. Người ta còn ghi lại được một bài kệ đơn giản của vị La Hán này như sau:

Trong khi ta lâm bệnh

Niệm khởi lên nơi ta.

Trong khi ta lâm bệnh

Không phải thời phóng dật.

Lời bàn:

Em thân mến,

Trường hợp của thầy Tỳ Kheo Uttiya cũng là trường hợp của em và tôi. Dù đã thọ 5 giới, 10 giới, 250 giới hay 348 giới đi nữa, tuy số lượng có sai biệt nhưng tinh thần của giới luật không ngoài hai điểm: "Dứt ác, làm lành". Đó chính là một giới răn mà đấng Đạo Sư đã tóm tắt cho thầy Uttiya giữ gìn giới này, nhà thiền gọi là "chăn trâu" đó em.

"Bằng sự cố gắng, hăng hái không buông lung, tự khắc chế lấy mình, kẻ tự tạo cho mình một hòn đảo. Chẳng có ngọn thủy triều nào nhận chìm được. "

Chú Rể Đa Sự

Ngày xưa, ngày xưa... có một chàng trai nọ, chúng ta cứ tạm gọi là An cho tiện.

An được cha mẹ hứa hôn với một cô gái đồng trang lứa. Hai đảng chưa hề giáp mặt nhau. An chỉ nghe phong thanh rằng vị hôn thê của mình là một thiếu nữ khá diễm lệ, tam tòng tứ đức đều đầy đủ. Và các bạn chàng vẫn thường kín đáo tỏ bày niềm ao ước được một người bạn đường tốt đẹp như chàng.

Để chúng tỏ cho cô dâu, và mọi người biết rằng đảng gái đã không lầm khi chọn mình làm rể đồng sàng, An cương quyết sẽ không bao giờ rước vợ nếu chưa lập công danh với đời.

Từ đó, người ta thấy An đêm ngày soi kính nấu sủ, luyện võ ôn văn.

Ngày tháng dần qua... Biết bao lần đảng gái bắt tin cho An biết rằng họ không đòi hỏi nơi chàng gì hết, rằng tân nương sẽ được đưa đến vô điều kiện, như lời giao ước năm xưa... Nhưng lòng tự tôn của An đã không cho phép chàng hành động như bao nhiêu con người tầm thường khác... Chàng vẫn thường hình dung đến nhan sắc diễm lệ của nàng để tự an ủi và sách tấn mình trong những lúc thất chí, sa cơ... Tất cả những gian truân khổ nhọc mà chàng đã vượt qua, há chẳng phải là vì nàng đó sao? Người thiếu nữ mà dung nhan còn mơ hồ đó dần dần trở thành một điểm tựa, một lý tưởng, một hải đăng định hướng cho đời chàng.

Mười năm trôi qua... An tạm hài lòng với con đường công danh của đời mình. Và một hôm, hôn lễ được cử hành rất tung bừng. Cô dâu được đưa về nhà chồng với vô số đồ trang sức, và, một tấm khăn voan che kín mặt.

Và trước mặt rất đông quan khách, An đưa tay giở tấm khăn che mặt tân nương... Bỗng nhiên, người ta nghe tiếng kêu thảng thốt của An:

- Chèn ơi! Tưởng ai đâu xa lạ, té ra nàng chính là người vẫn thường cắt chuỗi cho heo ăn, và vớt bèo nuôi vịt mà tôi vẫn thường thấy hằng ngày qua song cửa đấy ư?

Lời bàn:

Người ta không đồng ý với nhau về đoạn kết của câu chuyện. Có người cho rằng sau đó An bỏ nhà ra đi biên biệt vì tân nương đã làm cho chàng quá thất vọng. Nàng đã không chịu ăn hoa, uống sương và thêu vàng giắt ngọc như chàng hằng mơ tưởng mà lại là một thiếu nữ hoàn toàn bình thường và đảm đang như bao nhiêu người vợ khác.

Nhưng có kẻ quả quyết rằng, sau ngày hôn lễ An đã tuyên bố rằng tân nương tuy không giống người trong mộng của chàng nhưng nàng cũng không đến nỗi xấu xí... và chàng kết luận rằng chỉ vì tính khí cao ngạo ngông cuồng mà chàng đã phí mất 10 năm dài lao khổ trong khi nàng lúc nào cũng ở bên cạnh chàng, v. v... và v. v...

Nhưng nơi đây người kể không cốt ý trình bày một câu chuyện tình có hậu của thế gian giới mà chỉ thừa hứng nghĩ lan man về tu hành giới, về chuyện hạ thủ công phu của nhà thiền. Cũng như những lao tâm khổ trí, những niềm sâu, nỗi chán trên đường tầm đạo... Chân lý là một cái gì khi ẩn, khi hiện, như thực, như hư... Hành giả thường không phân biệt biết mình đang làm gì và ở đâu trên đường tìm kiếm, đang đi hay sắp đến.

Đạo ở nơi đâu, ra sao mà thiền sư Nam Tuyền lại khẳng định rằng: "Tâm bình thường là đạo". Và Tổ Bồ Đề Đạt Ma lại dạy: "Càng cố tâm tìm càng chẳng biết"; nhất là câu nói sau đây của Cổ Đức:

"Đáo xứ phùng nhân mạch điện khi".

Có nghĩa nôm na rằng: Sau khi lộ tuổi trèo non, mất bao nhiêu năm cầu tìm kiếm, rốt cuộc ta sẽ gặp lại người mà ta vẫn thường khinh dễ mỗi khi gặp mặt hàng ngày... Giống hệt như anh chàng An trên đây. Sau 10 năm khổ nhọc tìm sinh lễ, đã rước về một vị tân nương khác xa người trong mộng của chàng là người mà chàng hằng thấy thấp thoáng qua song cửa mỗi ngày, khi xắt chuối cho heo, lúc vớt bèo nuôi vịt!

Chuyện Tình Không Đoạn Kết

Ngày xưa, ngày xưa, có một cô công chúa út, con gái yêu của một vị hoàng đế La Mã giàu sang, độc tài và hung bạo.

Lúc lớn lên, nàng công chúa này lại đem lòng thầm yêu trộm nhớ một chàng trai trẻ trong đội ngự lâm quân của cha mình. Nhà có ngạch, vách có tai, câu chuyện tình thơ mộng này chẳng bao lâu lại lọt vào tai vua.

Sau một hồi xoắn râu giận dữ, hoàng đế ra lệnh đưa chàng trai tốt phước, nhưng đang tái xanh mặt mũi ra trước đầu trường. Chàng tuổi trẻ được dẫn đến trước hai gian phòng và được quyền mở một trong hai cánh cửa.

Nếu chàng vô tội, thần linh sẽ giúp chàng mở cánh cửa hạnh phúc: một giai nhân đang chờ chàng cùng một số hồi môn đồ sộ.

Nếu chàng có tội, cánh cửa sẽ mở lối cho một ả sư tử đói bụng, cũng đang chờ chàng bằng hai hàm răng bén nhọn.

Trong giây phút định mệnh, chàng ngự lâm quân bối rối nhìn quanh... Và nơi khán đài danh dự, chàng bỗng gập ngón tay điểm chỉ của công chúa.

Lòng đầy hy vọng, chàng liền mở một trong hai cánh cửa...

Nhiều thế hệ đã trôi qua, các ông hoàng bà chúa đã biến mất... nhưng người ta vẫn chưa đồng ý với nhau về đoạn kết của câu chuyện. (1979)

Chính các người là kẻ bảo hộ cho các người.

Chính các người là nơi nương náu cho các người.

Các người hãy gắng điều phục lấy mình như thương khách lo điều phục con ngựa lành.

Pháp cú 380

Con Chó Vô Ưu

Thầy kể chuyện:

"Tu viện có một con chó tên là Tiểu Bạch, nó bị xà mâu ăn lở loét cùng mình. Sư khám thấy vậy, động lòng trắc ẩn, chế thuốc bôi cho nó. Thuốc thật công hiệu nên chỉ mới xức có một lần mà ghẻ đã khô mặt. Nhưng cũng từ dạo đó, mỗi lần thoáng thấy bóng ân nhân, Tiểu Bạch liền hậm hực bỏ đi nơi khác".

Xong, Thầy kết luận:

"Mấy đứa tụi con, khi có lỗi được huynh đệ nhắc nhở, đâm ra tức tối tìm cách trả đũa lại... thì coi chừng giống như con Tiểu Bạch! "

Lời bàn

Em thân mến, chúng sanh trong cõi này, dù là nhân đạo hay súc sinh đạo cũng giống nhau ở chỗ này. Nhớ ân và đáp ân là một điều thật khó trong khi đem oán trả ân là một chuyện dễ... ợt. Có lẽ vì thế mà chúng ta thường thấp hương dâng lễ những kẻ biết ghi ân chăng? Và trong kinh cũng thường tán thán Tôn Giả Xá Lợi Phất là người mà "một chút ân nhỏ xíu cũng không quên".

Cô Lái Đò

Xưa, có một thiền sư có việc phải sang sông. Ngồi trên đò, sư cũng hơi kinh ngạc vì nhan sắc dễ coi của cô gái miền quê. Đến lúc lên đò, hành khách mỗi người phải trả cho cô một quan. Sư cũng định thế, không ngờ cô gái hóm hỉnh bảo:

- Xin nhà thầy trả cho tôi hai quan!

Sư còn đang ngạc nhiên thì cô lái đã tiếp:

- Một quan cho tiền đi đò và một quan về khoản nhìn người lái.

Vốn không ưa tranh cãi lời thôi. Sư liền trả cho cô hai quan tiền, nhưng trong bụng hơi tấm tức.

Bận về sư cứ dí mũi xuống sàn thuyền, không dám nhìn lên, nào ngờ lần này cô lái bảo:

- Xin nhà thầy cho xin năm quan!

Không nhịn được nữa, nhà sư cãi:

- Nhưng tôi có nhìn cô đâu nào?

Cô lái mỉm cười:

- Đồng ý là thầy không nhìn tôi bằng mắt, nhưng thầy lại nhìn bằng tâm... Vì thế tôi mới tăng giá gấp đôi lên cơ chứ!

Lời bàn

Nếu mỗi móng tâm động niệm của chúng ta đều phải trả tiền kiểu này thì dù có đi ở đợ cũng không thể nào thanh toán nổi!

Phật Của Ngoại

Bé đi chùa về chào ngoại. Ngoại hỏi:

- Con đi chùa có gì hay kể cho ngoại nghe với!

- Ngoại à! Thầy dạy con niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Ngoại nhớ niệm nghen.

Bà ngoại ngần ngừ hồi lâu đáp:

- Xưa rày ngoại niệm đức Quán Thế Âm, bữa nay đổi niệm đức Di Đà... Sao ngoại sợ ông Phật kia giận ngoại quá... con à!

Phụ chú:

Điều này phải hỏi lại đức Quán Thế Âm mới rõ thực hư!

Không có trí tuệ thì không có thiên định.

Không có thiên định thì không có trí tuệ.

Người nào gồm đủ thiên định và trí tuệ thì gần đến Niết bàn.

Chế phục được mắt - Lành thay!

Chế phục được tai - Lành thay!

Chế phục được mũi - Lành thay!

Chế phục được lưỡi - Lành thay!

Chế phục được thân - Lành thay!

Chế phục được tâm ý - Lành thay!

Chế phục được hết thủy - Thật lành thay!

Tỳ Kheo nào chế phục được hết thủy thì giải thoát hết thủy khổ

Pháp cú 360

Của Quý

Nước Tống có người nhặt được viên ngọc quý. Anh mang đến biểu quan tư thành là Tử Hãn. Tử Hãn không nhận, người đưa ngọc cố nài:

- Bẩm thượng nhân, đây là viên ngọc quý rất hiếm, ai cũng phải công nhận điều ấy. Xin ngài nhận cho tôi được vui.

Tử Hãn đáp:

- Chú cho ngọc là của quý, còn ta, ta cho tánh không tham là của quý. Chú mang ngọc cho ta, nếu ta nhận thì cả hai đều mất cái mình cho là quý nhất. Chi bằng của quý của ai thì người ấy giữ.

Người được ngọc thưa:

- Chúng tôi là thường nhân, mà được ngọc thì dù biết là của quý, nhưng nếu cố giữ thì sẽ thành họa vì thế mới mạo muội đến dâng ngài.

Tử Hãn bèn gọi thợ ngọc đến bán dùm viên ngọc. Xong ông trao tiền cho người được ngọc mang về.

Đạo Sĩ Am Mây

Xưa, có một đạo sĩ sống ẩn dật tại một thâm sơn cùng cốc đầy mây phủ nọ. Rau rừng, nước suối, quạt gió, đèn trăng, tuy đạm bạc nhưng thật đầy đủ đạo vị đối với con người tri túc, cắt đứt duyên trần như đạo sĩ. Trở ngại duy nhất của nhà tu là các chú chuột nhất trong hang động thường khuấy phá gặm nhấm bất kể đêm ngày.

Ngày lại tháng qua, bọn chuột sinh sôi nảy nở đông đúc và mỗi ngày mỗi một lộng hành. Chịu hết nổi, đạo sĩ đành mang một chú mèo về ở chung. Nhờ sự cảm hóa của đạo sĩ, chú mèo chỉ hăm he lũ chuột nhất, chứ riêng chú hoàn toàn trường chay khổ hạnh. Lâu ngày mèo chỉ còn da bọc xương. Chạnh lòng, đạo sĩ phải hạ sơn đi xin sữa bò về để bồi dưỡng cho ân nhân, cũng là bạn đồng hành trên đường cầu đạo.

Để tránh tối thiểu sự đi lại thường làm gián đoạn công phu tu tập, đạo sĩ xin một con bò sữa về nuôi để lấy sữa cho mèo uống. Nhân vật mới này thật là ngu như... bò, ả ta cứ nhớn như đi dạo khắp vùng núi ẩn cư và thường quên lối về. Một chú mục đồng được vờ đến để trông nom con bò và vắt sữa mỗi ngày... Rừng núi hoang sơ xem chừng không thấy thích hợp lắm với một chàng trai mới lớn và nặng lòng trần tục... Đạo sĩ đành mượn sợi tóc nữ cột chân chàng trai trẻ... bằng cách đó, chẳng bao lâu vùng núi ẩn dật biến thành một thôn trang trù phú với đông đảo những tập đoàn chuột, mèo, bò, đàn ông, đàn bà, và con nít.

Không ai biết đạo sĩ đắc đạo khi nào, tịch ở đâu và truyền pháp cho ai... lâu dần người ta cũng quên mất tên tuổi ông và chỉ gọi nhà tu là "Đạo sĩ Am Mây".

Lời bàn:

Em thân mến,

Như vậy, thì không phải là khi không khi không mà đức Phật dạy hàng tu sĩ chúng ta nên tu hạnh "thiểu dục tri túc" tức là hãy bằng lòng với tình trạng vật chất hiện có của mình. Lâu lâu, có lẽ chúng ta nên kiểm kê tài sản một lần xem nó đã sinh sôi nảy nở đến đâu rồi, kéo mà "cái sậy nó nảy cái ung". Biết đâu chừng! Có phải thế không?